

THÔNG TIN VỀ ĐỀ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NĂM 2025

TT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
<b>Khoa Toán</b>				
1	Vẽ Đồ Thị và Trực Quan Hóa Dữ Liệu với Asymptote và PGF/TikZ.	Nguyễn Nhật Hiếu	Bùi Văn Hiếu	- Graph Drawing - Data Visualization
2	Ứng dụng các mô hình dự báo chuỗi thời gian để dự báo dòng chảy vào hồ chứa nước	Nguyễn Viết Quang	Nguyễn Hoàng Sơn	Sử dụng các mô hình thống kê, học máy để xây dựng mô hình dự báo dòng chảy đến hồ chứa.
3	Nhận diện văn bản, chữ số với công nghệ OCR và ứng dụng	Trương Đức Thiện	Trần Thiện Thành	Tìm hiểu và sử dụng 1 số framework về công nghệ OCR ứng dụng trong các nhận diện văn bản, chữ số trong hóa đơn, bảng điểm
4	Tìm hiểu một số thuật toán học máy và ứng dụng trong dự báo điểm thi của sinh viên	Hồ Kiều Ni	Bùi Quang Vũ	Tìm hiểu, nghiên cứu một số thuật toán học máy và ứng dụng vào bài toán dự báo kết quả, hiệu suất học tập của sinh viên dựa vào thói quen học tập, hoàn cảnh gia đình. Đánh giá hiệu quả của mô hình với tập dữ liệu sẵn có.
<b>Khoa Công nghệ thông tin</b>				
1	Xây dựng Website đặt lịch khám tại phòng khám tư nhân X-Care trên TP Huế sử dụng React.js và Node.js	Nguyễn Văn Đạt	Đặng Thanh Chương	Đề tài xây dựng website đặt lịch khám trực tuyến cho phòng khám tư nhân nhằm giải quyết vấn đề quá tải lịch hẹn, sai sót quản lý thủ công và thời gian chờ lâu. Website cho phép bệnh nhân đặt/hủy lịch, xem thông tin bác sĩ, dịch vụ, lịch sử khám; quản trị viên quản lý bác sĩ, lịch hẹn, giao dịch; và bác sĩ quản lý lịch làm việc, hồ sơ bệnh án. Hệ thống mang lại tiện lợi cho bệnh nhân, tối ưu hóa vận hành phòng khám, rèn luyện kỹ năng lập trình full-stack và thúc đẩy số hóa y tế. Tuy nhiên, chức năng thanh toán trực tuyến, thông báo thời gian thực và tối ưu giao diện di động còn hạn chế. Hướng phát triển bao gồm tích hợp thanh toán (MoMo, ZaloPay), WebSocket, Redis, CDN,

				chatbot và ứng dụng di động để nâng cao hiệu quả và trải nghiệm người dùng.
2	Xây dựng Website trung tâm dạy học LearnEase	Trần Văn Tiến Đạt	Đặng Thanh Chương	Đây là website hỗ trợ giáo viên quản lý hiệu quả lớp học, học viên, khóa học, môn học và điểm số một cách dễ dàng. Nền tảng được tích hợp chatbot thông minh, cho phép học viên đăng ký khóa học nhanh chóng và thuận tiện thông qua trò chuyện trực tuyến. Trong tương lai, website sẽ được phát triển thêm các tính năng như thanh toán trực tuyến, lớp học trực tuyến và hệ thống tra cứu điểm dành cho phụ huynh, nhằm mang đến trải nghiệm học tập hiện đại và toàn diện hơn.
3	Tìm hiểu hệ thống tích hợp MEC/5G hỗ trợ lưu lượng mMTC với IoT	Huỳnh Nhật Thủy Nhi	Đặng Thanh Chương	Giới thiệu công nghệ 5G và đặc điểm ba dịch vụ: eMBB, URLLC, mMTC Tìm hiểu công nghệ MEC: Kiến trúc, chức năng, nguyên tắc hoạt động Phân tích mô hình tích hợp MEC trong mạng 5G Tổng quan về mMTC và vai trò trong mạng IoT Mối liên hệ giữa MEC và mMTC trong hệ thống IoT Giới thiệu công cụ mô phỏng: Simu5G, OMNeT++ Xây dựng mô hình mô phỏng tích hợp MEC/5G
4	Ứng dụng kỹ thuật prompt engineering để xác định ảo giác trong hệ thống RAG	Hà Đức Hoàn	Đoàn Thị Hồng Phước	Nghiên cứu và phân loại nguyên nhân gây ra ảo giác xuất hiện trong LLM và hệ thống RAG. Tìm hiểu các phương pháp xác định ảo giác trong RAG với kỹ thuật prompt engineering tạo tiền đề cho việc đánh giá độ chính xác phản hồi được sinh ra từ hệ thống RAG thông qua bộ dataset RAGtruth với phương pháp xác định ảo giác Hallmeasure
5	Xây dựng chatbot cửa hàng đồ uống có hỗ trợ các chức năng cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng	Trần Văn Hoàng	Đoàn Thị Hồng Phước	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống chatbot cho cửa hàng đồ uống nhằm cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng thông qua việc tích hợp xử lý ngôn ngữ tự nhiên, học sâu và thị giác máy tính. Các chức năng chính bao gồm: xác minh danh tính người dùng bằng khuôn mặt, hệ thống hỏi đáp thông minh sử dụng RAG và GraphRAG, cùng tìm kiếm sản phẩm tương tự bằng hình ảnh. Kết quả cho thấy khả năng xác minh danh tính đạt độ

				chính xác cao, GraphRAG hiệu quả hơn RAG trong truy xuất và sinh câu trả lời, đồng thời việc kết hợp kết quả của các phương pháp tìm kiếm cải thiện hiệu quả tìm kiếm sản phẩm bằng hình ảnh.
6	Xây dựng chatbot cửa hàng đồ uống có hỗ trợ các chức năng cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng	Trần Thị Thanh Huệ	Đoàn Thị Hồng Phước	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống chatbot cho cửa hàng đồ uống nhằm cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng thông qua việc tích hợp xử lý ngôn ngữ tự nhiên, học sâu và thị giác máy tính. Các chức năng chính bao gồm: xác minh danh tính người dùng bằng khuôn mặt, hệ thống hỏi đáp thông minh sử dụng RAG và GraphRAG, cùng tìm kiếm sản phẩm tương tự bằng hình ảnh. Kết quả cho thấy khả năng xác minh danh tính đạt độ chính xác cao, GraphRAG hiệu quả hơn RAG trong truy xuất và sinh câu trả lời, đồng thời việc kết hợp kết quả của các phương pháp tìm kiếm cải thiện hiệu quả tìm kiếm sản phẩm bằng hình ảnh.
7	Xây dựng website hỗ trợ học trực tuyến	Nguyễn Bá Vũ	Đoàn Thị Hồng Phước	Dự án xây dựng website học trực tuyến nhằm tạo ra một nền tảng giúp người dùng có thể học mọi lúc, mọi nơi thông qua các khóa học trực tuyến với video bài giảng, tài liệu, bài kiểm tra. Hệ thống cho phép học viên đăng ký tài khoản, tìm kiếm và tham gia khóa học, trong khi giảng viên có thể tạo và quản lý nội dung bài giảng của mình. Dự án sử dụng Spring Boot để xây dựng backend REST API, Angular cho frontend, lưu trữ video trên Google Cloud Storage .
8	Xây dựng hệ thống quản lý công việc nhóm tích hợp video trên nền tảng web với React.Js và Node.Js	Hoàng Thị Phương Chi	Hoàng Nguyễn Tuấn Minh	Nghiên cứu và xây dựng một hệ thống web hỗ trợ quản lý việc nhóm tích hợp video thời gian thực, sử dụng React.js cho giao diện và Node.js cho backend. Hệ thống cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập thông qua tài khoản Google, Microsoft hoặc tài khoản nội bộ. Sau khi xác thực, người dùng có thể khởi tạo và quản lý các dự án làm việc, mời thành viên tham gia, phân việc qua giao diện bảng Kanban, theo dõi tiến độ và trạng thái thực hiện. Ngoài ra, hệ thống tích hợp chức năng trò chuyện thời gian thực giúp các thành viên trao đổi nhanh

				chóng trong từng dự án, cũng như chức năng hợp video ngay trên nền tảng web để tăng tính linh hoạt khi làm việc từ xa. Bên cạnh đó, người dùng còn có thể quản lý lịch trình dự án thông qua giao diện lịch trực quan và tải lên, chia sẻ các tài liệu liên quan. Hệ thống được thiết kế với giao diện hiện đại, dễ sử dụng, hướng đến mục tiêu tối ưu hiệu quả làm việc nhóm trong môi trường trực tuyến.
9	Xây dựng hệ thống học ngoại ngữ trực tuyến dựa trên Reactjs và Nodejs	Phạm Văn Nhân	Hoàng Nguyễn Tuấn Minh	Xây dựng website học ngoại ngữ đơn giản, dễ sử dụng, giúp người dùng có thể luyện tập từ vựng hiệu quả mọi lúc mọi nơi. Hệ thống áp dụng mô hình flashcard, có các tính năng học tập hữu ích, quản lý tiến độ học tập, tích hợp AI giúp nâng cao chất lượng học tập.
10	Phát triển Website Du Lịch Tự Phát hỗ trợ Khám phá Địa điểm và Hành trình an toàn sử dụng Java Spring Boot và ReactJS	Nguyễn Bùi Xuân Thắng	Hoàng Nguyễn Tuấn Minh	Xây dựng website hỗ trợ du lịch khám phá, cho phép đánh giá và điều hướng đến địa điểm đó; chia sẻ kinh nghiệm khám phá trải nghiệm của mình; ghi lại hành trình nơi mình đã đi qua, giúp trải nghiệm chuyến đi an toàn hơn.
11	Xây dựng hệ thống tuyển dụng và tìm kiếm việc làm sử dụng ASP.NET và EntityFramework	Phan Đình Minh Đức	Huỳnh Bảo Quốc Dũng	Hệ thống tuyển dụng và tìm kiếm việc làm trực tuyến chuyên nghiệp, thân thiện với người dùng, tích hợp các công nghệ hiện đại là điều cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao. Hệ thống này không chỉ giúp các doanh nghiệp nhanh chóng tìm được ứng viên phù hợp mà còn hỗ trợ người tìm việc có thể tạo, quản lý hồ sơ cá nhân, tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp một cách dễ dàng và hiệu quả.
12	Xây dựng ứng dụng hỗ trợ cá nhân theo dõi calo và gợi ý khẩu phần ăn	Phạm Đăng Khoa	Huỳnh Bảo Quốc Dũng	Đề tài "Xây dựng ứng dụng hỗ trợ cá nhân theo dõi calo và gợi ý khẩu phần ăn" sử dụng Flutter, NestJS và Firebase. Ứng dụng cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập, cập nhật thông tin cá nhân, theo dõi chỉ số BMI, nhập khẩu phần ăn, và gợi ý thực đơn theo tâm trạng. Hệ thống hỗ trợ quản lý khẩu phần ăn theo từng bữa (sáng, trưa, tối), hiển thị thông tin calo và dưỡng chất tiêu thụ hàng ngày, tùy chỉnh món ăn theo nhu cầu. Admin có thể thêm, sửa, xóa món ăn, nguyên liệu, tâm trạng và tài khoản người dùng. Hệ thống sử dụng Flutter để phát triển giao

				diện di động, NestJS làm backend API, và Firebase để xác thực người dùng và lưu trữ dữ liệu. Ứng dụng hướng đến người Việt, đơn giản, thân thiện và tập trung vào món ăn truyền thống.
13	Xây dựng website tìm kiếm và đặt lịch khám bệnh sử dụng Spring Boot và ReactJS	Lê Viết Vương	Huỳnh Bảo Quốc Dũng	Hệ thống giúp bệnh nhân dễ dàng đặt lịch khám và hỗ trợ quản trị viên quản lý bác sĩ, chuyên khoa và lịch làm việc. Hệ thống sử dụng mô hình Client-Server, với ReactJS cho giao diện người dùng và Spring Boot cho backend xử lý nghiệp vụ, xác thực, phân quyền và cung cấp API. Giải pháp góp phần nâng cao trải nghiệm người dùng và số hóa các quản lý tại bệnh viện.
14	Xây dựng website đặt tour du lịch TravelNow dành cho khách hàng sử dụng Java Spring Boot và ReactJS	Phạm Tiến Đạt	Lê Hữu Bình	Đề tài "Xây dựng website đặt tour du lịch TravelNow dành cho khách hàng sử dụng Java Spring Boot và ReactJS" nhằm phát triển một hệ thống đặt tour trực tuyến giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm, xem thông tin và đặt các tour du lịch theo nhu cầu. Ứng dụng sử dụng ReactJS để xây dựng giao diện người dùng thân thiện, hiện đại và Java Spring Boot cho phần backend đảm bảo xử lý logic nghiệp vụ, quản lý dữ liệu và bảo mật. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm tour, đặt tour, quản lý lịch sử đặt tour, đồng thời có trang quản trị dành cho admin để quản lý tour và người dùng hiệu quả.
15	Tìm hiểu mạng SDN và giao thức Openflow	Hoàng Hữu Trung Hiếu	Lê Hữu Bình	So sánh mạng SDN và mạng truyền thống Cấu trúc xử lý gói trong switch SDN Giao thức OpenFlow Kiến trúc SDN Phần mềm sử dụng: Mininet, Ryu, Wireshark Mô phỏng mạng SDN Mô phỏng mạng truyền thống So sánh độ trễ giữa 2 mô hình Phân tích gói tin bằng Wireshark
16	Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến dành cho mọi người sử dụng Spring Boot và React JS	Nguyễn Tấn Nhật	Lê Hữu Bình	Đề tài "Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến dành cho mọi người sử dụng Java Spring Boot và ReactJS" nhằm phát triển một hệ thống thi trắc nghiệm trực tuyến giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm, xem thông tin, tham gia các bài thi và tổ chức thi trên hệ thống. Ứng dụng sử

				dụng ReactJS để xây dựng giao diện người dùng thân thiện, hiện đại và Java Spring Boot cho phần backend đảm bảo xử lý logic nghiệp vụ, quản lý dữ liệu và bảo mật. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm bài thi, tham gia và tổ chức thi, quản lý bài thi cá nhân, xem lịch sử thi, đồng thời có trang quản trị dành cho admin để quản lý bài thi và người dùng hiệu quả.
17	Website tìm kiếm và quản lý phòng trọ RentSphere	Hoàng Đình Chi	Lê Nguyễn Thủy Nhi	RentSphere là một website hỗ trợ người dùng tìm kiếm, đăng tin và quản lý phòng trọ một cách thuận tiện và hiệu quả. Hệ thống hướng đến việc kết nối người thuê (renter) và chủ trọ (owner) thông qua nền tảng trực tuyến hiện đại, đồng thời hỗ trợ quản trị và kiểm duyệt bởi quản trị viên (admin).
18	Xây dựng Website bán hàng BeephoneShop sử dụng nghệ Spring Boot và ReactJS	Trần Thành Đạt	Lê Nguyễn Thủy Nhi	
19	Xây dựng Website đặt lịch khám tại phòng khám tư nhân X-Care trên TP Huế sử dụng React.js và Node.js	Dương Vũ Hùng	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Đề tài xây dựng website đặt lịch khám trực tuyến cho phòng khám tư nhân nhằm giải quyết vấn đề quá tải lịch hẹn, sai sót quản lý thủ công và thời gian chờ lâu. Website cho phép bệnh nhân đặt/hủy lịch, xem thông tin bác sĩ, dịch vụ, lịch sử khám; quản trị viên quản lý bác sĩ, lịch hẹn, giao dịch; và bác sĩ quản lý lịch làm việc, hồ sơ bệnh án. Hệ thống mang lại tiện lợi cho bệnh nhân, tối ưu hóa vận hành phòng khám, rèn luyện kỹ năng lập trình full-stack và thúc đẩy số hóa y tế. Tuy nhiên, chức năng thanh toán trực tuyến, thông báo thời gian thực và tối ưu giao diện di động còn hạn chế. Hướng phát triển bao gồm tích hợp thanh toán (MoMo, ZaloPay), WebSocket, Redis, CDN, chatbot và ứng dụng di động để nâng cao hiệu quả và trải nghiệm người dùng.
20	HUSC Overflow – Nền tảng hỏi đáp kiến thức cho sinh viên HUSC dựa trên React và Node.js	Đặng Ngọc Nguyên	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Đề tài xây dựng hệ thống hỏi đáp nội bộ dành cho sinh viên HUSC, hỗ trợ sinh viên trao đổi bài tập, tài liệu, kinh nghiệm học tập một cách có tổ chức và lưu trữ lâu dài. Hệ thống cung cấp các chức năng như đăng bài, bình luận, tìm kiếm, theo dõi

				người dùng, chat và thông báo thời gian thực, quản trị bài vi phạm. Ứng dụng được phát triển trên nền tảng MERN Stack (MongoDB, ExpressJS, ReactJS, NodeJS) kết hợp Socket.IO hỗ trợ realtime, Cloudinary lưu trữ media và JWT đảm bảo bảo mật người dùng.
21	Ứng dụng Flutter trong xây dựng hệ thống giao cà phê trực tuyến	Dương Công Nhật	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Đề tài " Ứng dụng FLutter trong hệ thống giao cà phê trực tuyến " sử dụng Flutter Và Firebase,Hệ thống cho phép người dùng tạo đơn hàng,xem thông tin sản phẩm, cửa hàng, thanh toán đơn hàng thông qua VNPAY, theo dõi trạng thái đơn hàng, Hỗ trợ Shipper trong việc giao hàng sử dụng API OSM để tạo các tuyến đường chỉ dẫn. đồng thời hỗ trợ admin trong việc quản lí sản phẩm, cửa hàng, đơn hàng, mã khuyến mãi.
22	Phát triển website Hueplan hỗ trợ lập kế hoạch du lịch tự túc tại Huế	Hoàng Thế Vũ	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Đề tài "Phát triển website hỗ trợ lập kế hoạch du lịch tự túc" sử dụng Springboot, Reacjs và MySQL. Hệ thống gồm bốn tác nhân chính bao gồm client, business, admin, staff. Cho phép người dùng là client tạo lịch trình du lịch dễ dàng, khi tạo lịch trình, hệ thống tính tổng chi phí của lịch trình đó dựa vào địa điểm được thêm vào trong lịch trình đó, tích hợp bản đồ chỉ đường với OpenStreetMap giúp người dùng dễ dàng tìm đường đi đến điểm đến đã thêm trong lịch trình bên cạnh đó tích hợp thêm chức năng lưu địa điểm vào mục yêu thích giúp thân thiện với người dùng hơn. Tích hợp các chức năng của các tác nhân khác như quản lý địa điểm, quản lý người dùng, quản lý loại địa điểm.
23	Xây dựng hệ thống quản lý học tập sử dụng ReactJS và NestJS	Dương Thành Đô	Lê Văn Tường Lân	Đề tài “Hệ thống quản lý học tập” được xây dựng nhằm cung cấp một nền tảng học trực tuyến tiện lợi, hỗ trợ giảng viên trong việc tạo và quản lý khóa học, đồng thời giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận bài giảng, theo dõi tiến độ học tập và nhận chứng chỉ. Quản trị viên sẽ quản lý thông tin hệ thống. Ứng dụng sử dụng ReactJS để phát triển giao diện người dùng hiện đại, và NestJS cho phần backend xử lý dữ liệu và nghiệp vụ.
24	Xây dựng hệ thống thương mại điện tử	Nguyễn Hải Thành	Lê Văn Tường Lân	Đề tài "Xây dựng hệ thống thương mại điện tử tích hợp thanh toán trực

	tích hợp thanh toán trực tuyến và dịch vụ AWS			tuyển và dịch vụ AWS" tập trung xây dựng và phát triển thêm các chức năng cốt lõi của một hệ thống thương mại điện tử, phục vụ cho ba vai trò chính Người bán hàng, Khách hàng và Quản trị viên. Ngoài ra, đề tài còn đi sâu vào việc tối ưu trải nghiệm người dùng và triển khai lên dịch vụ đám mây Amazon Web Service để áp dụng vào thực tế.
25	Ứng dụng Spring Boot để xây dựng hệ thống quản lý Homestay và đặt phòng trực tuyến	Trần Như Ý	Lê Văn Tường Lân	Đề tài "Ứng dụng Spring Boot để xây dựng hệ thống quản lý homestay và đặt phòng trực tuyến" nhằm hỗ trợ các homestay vận hành chuyên nghiệp, nâng cao trải nghiệm khách hàng và quản lý hiệu quả. Hệ thống cung cấp các chức năng như quản lý chi nhánh, phòng, dịch vụ, đặt phòng, gia hạn, hủy đặt phòng, thanh toán qua VNPAY và nhiều chức năng hỗ trợ quản lý khác. Phân quyền người dùng rõ ràng (quản lý, nhân viên, nhân viên dọn dẹp, khách hàng). Hệ thống tích hợp các tác vụ định kỳ tự động như: hủy đơn quá hạn thanh toán, gửi email nhắc nhở trước check-in, cộng điểm thưởng, nâng hạng khách hàng theo điểm. Hỗ trợ xác thực email, đặt lại mật khẩu và gửi thông báo qua email.
26	Ứng dụng Flutter và ASP.NET Core trong xây dựng ứng dụng đặt mua vé xem phim	Đặng Phước Hùng	Nguyễn Đăng Bình	Đề tài "Ứng dụng Flutter và ASP.NET Core trong xây dựng ứng dụng đặt mua vé xem phim" nhằm hỗ trợ người dùng có thể đặt mua vé xem phim trực tuyến mà không cần phải đến tận nơi bán vé. Hệ thống cung cấp các chức năng như đặt mua vé, xem thông tin rạp, phim, suất chiếu, chỗ ngồi, cập nhật thông tin cá nhân, thanh toán qua VNPAY, ZaloPay, nhận thông báo qua email
27	Xây dựng mô hình nhận dạng ngôn ngữ ký hiệu Việt Nam thời gian thực	Hoàng Anh Hùng	Nguyễn Đăng Bình	Tìm hiểu về ngôn ngữ ký hiệu Việt Nam và tiến hành xây dựng bộ dữ liệu phục vụ việc huấn luyện mô hình dựa trên các nguồn do Bộ GD&ĐT cung cấp. Xây dựng và triển khai mô hình nhận dạng ngôn ngữ ký hiệu Việt Nam thời gian thực, sử dụng phương thức thu thập dữ liệu thị giác, phương pháp trích xuất đặc trưng điểm mốc và mô hình LSTM.
28	Ứng dụng mô hình CNN và trích xuất	Dương Văn Thanh	Nguyễn Đăng Bình	Nghiên cứu này thực hiện giải quyết bài toán phát hiện deepfake với 3 mô

	điểm mốc khuôn mặt trong phát hiện Deepfake			hình CNN cơ bản, MobileNetV2, DenseNet121 nhằm so sánh hiệu suất với nhau từ đó đánh giá mức độ phù hợp với từng bài toán thực tế.
29	Tim hiểu mạng Generative Adversarial Networks (GAN) và ứng dụng sinh ảnh X-ray lồng ngực phục vụ phát hiện bệnh viêm phổi	Lê Minh Tú	Nguyễn Đăng Bình	Nghiên cứu mạng Generative Adversarial Networks (GAN) và ứng dụng trong việc tăng cường dữ liệu ảnh X-ray lồng ngực nhằm phục vụ cho bài toán phát hiện bệnh viêm phổi. Cụ thể, đề tài sử dụng kiến trúc DCGAN để sinh ảnh X-ray. Quá trình thực hiện bao gồm: thu thập và tiền xử lý dữ liệu từ bộ "Chest X-Ray Images (Pneumonia)", xây dựng mô hình DCGAN, huấn luyện mô hình để sinh ảnh giả, đánh giá ảnh sinh bằng chỉ số FID và phương pháp trực quan, sau đó tích hợp ảnh sinh vào tập huấn luyện mô hình phân loại viêm phổi bằng CNN. Thông qua các thí nghiệm thực tế, đề tài cho thấy việc sử dụng GAN để sinh ảnh có thể giúp cải thiện hiệu suất phân loại của mô hình học sâu trong điều kiện thiếu dữ liệu và mất cân bằng lớp. Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định tiềm năng ứng dụng của GAN trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh y tế bằng trí tuệ nhân tạo.
30	Tim hiểu YOLOv10 và ứng dụng trong bài toán nhận diện biển báo giao thông	Trương Đoàn	Nguyễn Dũng	Khóa luận này ứng dụng YOLOv10 để nhận diện biển báo giao thông Việt Nam, sử dụng sliding window để cải thiện phát hiện biển báo nhỏ. Hệ thống đạt 45.32 FPS và mAP@0.5 là 0.7815, cho thấy tiềm năng cho ứng dụng thực tế.
31	Xây dựng ứng dụng quản lý đặt vé xe giường nằm Ut Ngân	Nguyễn Trương Thành Công	Nguyễn Dũng	Đề tài "Xây dựng ứng dụng quản lý đặt vé xe giường nằm Ut Ngân" được xây dựng nhằm tạo ra môi trường để hành khách có thể chủ động trong việc đặt vé xe và kiểm tra được tuyến đường, lịch sử đặt vé, và nhận các thông tin từ nhà xe. Đối với nhà xe có thể kiểm soát được vé xe mà người dùng đặt và có thể dễ dàng quản lý dữ liệu từ hành khách
	Hệ thống tuyển dụng thực tập sinh	Trương Bùi Nguyên Đức	Nguyễn Dũng	Dự án "Hệ thống tuyển dụng thực tập sinh" được xây dựng nhằm kết nối hiệu quả giữa ba đối tượng chính: sinh viên, doanh nghiệp và khoa CNTT. Trong bối cảnh thị trường việc làm ngày càng cạnh tranh, hệ thống giúp sinh viên dễ

32				dàng tìm kiếm nơi thực tập phù hợp, doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng, và nhà trường theo dõi quá trình thực tập một cách minh bạch. Các chức năng chính bao gồm: tạo và duyệt tin tuyển dụng, sinh viên nộp CV và ứng tuyển, đánh giá hai chiều giữa sinh viên – doanh nghiệp, và quản lý thông tin hồ sơ. Dự án sử dụng các nghệ hiện đại như ReactJS, ASP.NET Web API, MySQL. Hệ thống phân lớp rõ ràng, bảo mật bằng JWT, hỗ trợ xác thực qua email, và có tiềm năng mở rộng triển khai thực tế tại khoa CNTT. Qua đó, góp phần số hóa quy trình thực tập, nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín khoa cũng như nhà trường.
33	Xây dựng game 2D bằng Unity Game: Làng tuyết – Kẻ giấu mặt	Dương Thị Trà My	Nguyễn Dũng	Đây là một tựa game hành động 2D đơn giản, kết hợp giữa yếu tố chiến đấu và khám phá. Trò chơi là nơi người chơi vào vai nhân vật chính phải tham gia hành trình bằng cách vượt qua các màn chơi từ dễ đến khó. Với cốt truyện nhẹ nhàng, game hướng đến trải nghiệm giải trí nhẹ nhàng nhưng cuốn hút. Trò chơi được phát triển bằng cụ Unity, tập trung vào cơ chế đơn giản và đồ họa 2D thân thiện.
34	Ứng dụng Flutter xây dựng hệ thống cho thuê xe máy	Huỳnh Tấn Phát	Nguyễn Dũng	Đề tài: "Xây dựng hệ hống cho thuê xe máy bằng Flutter và Firebase". Xây dựng ứng dụng di động cho phép người dùng thuê xe máy sử dụng Flutter và FireBase
35	Tích hợp AI để xây dựng trò chơi "Ai là triệu phú"	Nguyễn Ngọc Tri	Nguyễn Dũng	Đây là một tựa game "Ai là triệu phú" cơ bản nhưng được xây dựng thành 3D và tích hợp AI (API Gemini) để sinh ra các câu hỏi theo nhiều hướng khác nhau và đa dạng. Các quyền trợ giúp thay vì bó buộc đưa ra đáp án nay đã được biến hóa để mang lại nhiều cảm xúc hơn nhờ AI.
36	Xây dựng hệ thống quản lý và tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ReactJs và Spring Boot	Nguyễn Văn Huy	Nguyễn Hoàng Hà	Đề tài tập trung vào việc thiết kế, phát triển và triển khai một hệ thống web hỗ trợ tuyển dụng và tìm kiếm việc làm chuyên biệt cho ngành nghệ Thông tin. Hệ thống được xây dựng dựa trên kiến trúc client-server, sử dụng ReactJS cho giao diện người dùng (frontend) và Spring Boot cho xử lý nghiệp vụ và quản lý dữ liệu (backend).

				<p>Chức năng chính của hệ thống bao gồm: Đăng tin tuyển dụng và quản lý ứng viên cho nhà tuyển dụng; Tìm kiếm, lọc và ứng tuyển việc cho người tìm việc; Quản lý tài khoản người dùng và phân quyền truy cập; Gợi ý việc phù hợp theo kỹ năng và nhu cầu; Tích hợp thanh toán gói dịch vụ VIP cho nhà tuyển dụng qua VNPAY</p>
37	Xây dựng hệ thống luyện tập giải thuật OCCS dành cho sinh viên sử dụng công nghệ Springboot, React Js và Docker	Nguyễn Đình Nhật	Nguyễn Hoàng Hà	<p>Dự án xây dựng Hệ thống luyện tập giải thuật OCCS là một nền tảng mà người dùng có thể luyện tập giải thuật toán và có thể tham gia các cuộc thi được tổ chức trên website, hệ thống sử dụng ReactJs , Spring Boot và Docker</p>
38	Xây dựng website học tập và thi trắc nghiệm Squiz với stack MERN	Phan Ánh Nhật	Nguyễn Hoàng Hà	<p>Đề tài "XÂY DỰNG WEBSITE HỌC TẬP VÀ THI TRẮC NGHIỆM SQUIZ VỚI STACK MERN" một website học tập và thi trắc nghiệm được phát triển nhằm tạo ra một nền tảng thi trực tuyến . Được xây dựng trên MERN Stack (MongoDB, Express.js, React.js, Node.js), hệ thống cung cấp các chức năng chính như: tạo và quản lý bài thi, phòng thi trực tuyến, chấm điểm tự động và báo cáo kết quả chi tiết. Với ba vai trò: admin, giáo viên, học sinh, đảm bảo một môi trường thi cử trực tuyến an toàn, bằng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và kiểm tra đánh giá .</p>
39	Xây dựng hệ thống quản lý và tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ReactJs và Spring Boot	Trần Hữu Sơn	Nguyễn Hoàng Hà	<p>Đề tài tập trung vào việc thiết kế, phát triển và triển khai một hệ thống web hỗ trợ tuyển dụng và tìm kiếm việc làm chuyên biệt cho ngành nghệ Thông tin. Hệ thống được xây dựng dựa trên kiến trúc client-server, sử dụng ReactJS cho giao diện người dùng (frontend) và Spring Boot cho xử lý nghiệp vụ và quản lý dữ liệu (backend).</p> <p>Chức năng chính của hệ thống bao gồm: Đăng tin tuyển dụng và quản lý ứng viên cho nhà tuyển dụng; Tìm kiếm, lọc và ứng tuyển việc cho người tìm việc; Quản lý tài khoản người dùng và phân quyền truy cập; Gợi ý việc phù hợp theo kỹ năng và nhu cầu; Tích hợp thanh toán gói dịch vụ VIP cho nhà tuyển dụng qua VNPAY</p>

40	Xây dựng hệ thống luyện tập giải thuật OCCS dành cho sinh viên sử dụng công nghệ Springboot, React Js và Docker	Mai Nữ Dương Thanh	Nguyễn Hoàng Hà	Dự án xây dựng Hệ thống luyện tập giải thuật OCCS là một nền tảng mà người dùng có thể luyện tập giải thuật toán và có thể tham gia các cuộc thi được tổ chức trên website, hệ thống sử dụng ReactJs , Spring Boot và Docker
41	Xây dựng hệ thống luyện tập giải thuật OCCS dành cho sinh viên sử dụng công nghệ Springboot, ReactJs và Docker	Đặng Quang Tuấn	Nguyễn Hoàng Hà	Dự án xây dựng Hệ thống luyện tập giải thuật OCCS là một nền tảng mà người dùng có thể luyện tập giải thuật toán và có thể tham gia các cuộc thi được tổ chức trên website, hệ thống sử dụng ReactJs , Spring Boot và Docker
42	Tìm hiểu mô hình MVC và ứng dụng vào xây dựng hệ thống "Đặt lịch phòng khám online"	Trần Thị Uyên Nhi	Nguyễn Mậu Hân	Dự án "Đặt lịch phòng khám online" được xây dựng nhằm hỗ trợ bệnh nhân đặt lịch khám bệnh trực tuyến nhanh chóng, đồng thời giúp bác sĩ và phòng khám quản lý lịch hẹn hiệu quả. Hệ thống tích hợp các chức năng như: tìm kiếm bác sĩ, đặt lịch, gửi email xác nhận, hỏi đáp và thanh toán online. Dự án áp dụng mô hình MVC, sử dụng ReactJS, Node.js/Express và MongoDB. Bảo mật được đảm bảo thông qua JWT, mã hóa mật khẩu. Dự án có tiềm năng triển khai thực tế tại các phòng khám nhỏ và vừa, góp phần hiện đại hoá quy trình khám chữa bệnh và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.
43	Tìm Hiểu Mô Hình Thiết Kế Hệ Thống MVC (Model-View-Controller) Và Xây Dựng Mạng Xã Hội Mini	Phan Cảnh Thôi	Nguyễn Mậu Hân	Đề tài tập trung vào việc nghiên cứu mô hình thiết kế phần mềm MVC (Model - View - Controller), một kiến trúc phổ biến trong phát triển ứng dụng web hiện đại và áp dụng mô hình để xây dựng xây dựng một mạng xã hội mini – nơi người dùng có thể đăng ký, đăng nhập, quên mật khẩu, đổi mật khẩu, tạo bài viết, thích bài viết, bình luận bài viết, xem thông tin cá nhân (profile), kết bạn, nhắn tin với người dùng khác. Ứng dụng được triển khai bằng nghệ Java Servlet thuần theo mô hình MVC, kết hợp với HTML/CSS/Bootstrap5/JavaScript ở phần View và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server cho phần lưu trữ dữ liệu.
44	Tìm hiểu kiến trúc 3-Layer và ứng dụng trong việc	Phan Thị Anh Trang	Nguyễn Mậu Hân	Dự án “Website quản lý phòng trọ theo kiến trúc 3-Layer” hỗ trợ chủ trọ quản lý thông tin phòng, khách

	xây dựng website quản lý phòng trọ			<p>thuê, hợp đồng, hóa đơn và điều khoản thuê một cách hiệu quả. Hệ thống được xây dựng bằng PHP thuần, MySQL 8.0 và chia thành 3 lớp: Giao diện, Xử lý nghiệp vụ và Truy xuất dữ liệu, giúp dễ bảo trì và mở rộng.</p> <p>Trang web cung cấp chức năng tạo – sửa – xóa dữ liệu, gửi thông báo tự động, theo dõi hóa đơn, hợp đồng, và có giao diện riêng cho khách thuê. Dự án vận hành ổn định, giao diện trực quan, có khả năng mở rộng và ứng dụng thực tế cao trong lĩnh vực cho thuê nhà trọ.</p>
45	Xây dựng hệ thống ChatPdf dựa trên kiến trúc RAG và AI agent	Lê Văn Dũng	Nguyễn Quang Hưng	<p>Ứng dụng được đề xuất cho phép người dùng tải lên các tệp PDF, hệ thống sẽ tự động trích xuất văn bản, chia nhỏ nội dung, mã hóa chúng thành vector nhúng (embedding vectors) và lưu trữ vào Qdrant. Khi người dùng đặt câu hỏi, hệ thống sử dụng mô hình LLM từ Ollama để diễn giải câu hỏi và truy xuất các đoạn văn bản liên quan từ cơ sở dữ liệu vector. Các đoạn nội dung này được sử dụng làm ngữ cảnh để sinh ra câu trả lời chính xác, rõ ràng và có tính liên kết cao.</p> <p>Mục tiêu của đề tài là xây dựng một cụ hỗ trợ người dùng tìm kiếm tri thức từ tài liệu một cách nhanh chóng, thông minh và hiệu quả, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên (LLM).</p>
46	Ứng dụng mô hình học sâu YOLOv8 để kiểm soát hành vi sử dụng mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông	Nguyễn Vũ Bảo Trâm	Nguyễn Quang Hưng	<p>Nhận diện hành vi tuân thủ đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe máy dựa trên mô hình YOLOv8, nhằm hỗ trợ tác giám sát và nâng cao ý thức tuân thủ luật giao thông. Qua đó đánh giá tính khả thi và hiệu suất của mô hình trong điều kiện thực tế, làm tiền đề cho các ứng dụng giám sát giao thông thông minh.</p>
47	Xây dựng Website học tiếng Anh đa kỹ năng tích hợp AI dành cho học sinh, sinh viên, người đi làm sử dụng công nghệ ReactJS và Java Spring Boot	Nguyễn Thị Minh Hoài	Nguyễn Thanh Tuấn	<p>Đề tài "Xây dựng Website học tiếng Anh đa kỹ năng tích hợp AI sử dụng ReactJS và Java Spring Boot" được thực hiện nhằm tạo một nền tảng học tiếng Anh trực tuyến, cá nhân hóa lộ trình, hỗ trợ học sinh, sinh viên, người đi làm, phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Website sử dụng ReactJS cho giao diện, Java</p>

				Spring Boot cho backend, MySQL cho cơ sở dữ liệu, Gemini AI cho xử lý ngôn ngữ và Spring Security cho bảo mật. Dự án đã hoàn thiện các chức năng chính như: Đăng nhập, đăng ký, xác thực người dùng; quản lý người dùng, quản lý bài học, bài kiểm tra và câu hỏi ở phía quản trị viên; học bài, trả lời câu hỏi, bình luận, làm bài thi và luyện tập với AI ở phía người học.
48	Xây dựng hệ thống quản lý chấm nhân viên bằng nhận diện khuôn mặt cho công ty TNHH Trực tuyến OHI	Trần Đại Quang	Nguyễn Thanh Tuấn	Hệ thống quản lý chấm công nhân viên bằng nhận diện khuôn mặt có trọng tâm chính là xử lý quy trình chấm công nhân viên dựa trên dữ liệu điểm danh được thu thập từ công nghệ nhận diện khuôn mặt. Hệ thống được thiết kế để tối ưu hóa quy trình này, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong quản lý giờ làm việc của nhân viên. Với việc áp dụng mô hình nhận diện từ thư viện face-api.js, hệ thống cung cấp một giải pháp nhẹ, nhanh và hiệu quả cho việc chấm tự động dựa trên nhận diện khuôn mặt.
49	Xây dựng website đặt tour du lịch TravelNow dành cho khách hàng sử dụng Java Spring Boot và ReactJS	Lê Sĩ Phúc Trình	Nguyễn Thanh Tuấn	Đề tài "Xây dựng website đặt tour du lịch TravelNow sử dụng Java Spring Boot và ReactJS" nhằm mục tiêu phát triển một hệ thống đặt tour trực tuyến, hỗ trợ người dùng tiếp cận thông tin du lịch một cách nhanh chóng và thuận tiện. Ứng dụng được thiết kế với giao diện người dùng bằng ReactJS, mang lại trải nghiệm sử dụng mượt mà và hiện đại. Về phía backend, Java Spring Boot đảm nhiệm vai trò xử lý các nghiệp vụ cốt lõi, quản lý dữ liệu và đảm bảo an toàn hệ thống. Website cung cấp các chức năng như tạo tài khoản, đăng nhập, tìm kiếm và đặt tour, theo dõi lịch sử giao dịch, đồng thời tích hợp khu vực quản trị dành riêng cho admin để quản lý tour và thông tin khách hàng một cách khoa học và hiệu quả.
50	Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến dành cho mọi người sử dụng Spring Boot và React JS	Tôn Nữ Ngọc Nhi	Nguyễn Thị Bích Lộc	Đề tài "Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến dành cho mọi người sử dụng Java Spring Boot và ReactJS" nhằm phát triển một hệ thống thi trắc nghiệm trực tuyến giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm, xem thông tin, tham gia các bài thi và tổ chức thi trên hệ thống. Ứng dụng sử

				dụng ReactJS để xây dựng giao diện người dùng thân thiện, hiện đại và Java Spring Boot cho phần backend đảm bảo xử lý logic nghiệp vụ, quản lý dữ liệu và bảo mật. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm bài thi, tham gia và tổ chức thi, quản lý bài thi cá nhân, xem lịch sử thi, đồng thời có trang quản trị dành cho admin để quản lý bài thi và người dùng hiệu quả.
51	Xây dựng website học tập và thi trắc nghiệm Squiz với stack MERN	Lê Xuân Toàn	Nguyễn Thị Bích Lộc	Đề tài "XÂY DỰNG WEBSITE HỌC TẬP VÀ THI TRẮC NGHIỆM SQUIZ VỚI STACK MERN" một website học tập và thi trắc nghiệm được phát triển nhằm tạo ra một nền tảng thi trực tuyến . Được xây dựng trên MERN Stack (MongoDB, Express.js, React.js, Node.js), hệ thống cung cấp các chức năng chính như: tạo và quản lý bài thi, phòng thi trực tuyến, chấm điểm tự động và báo cáo kết quả chi tiết. Với ba vai trò: admin, giáo viên, học sinh, đảm bảo một môi trường thi cử trực tuyến an toàn, bằng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và kiểm tra đánh giá.
52	Xây dựng Website cung cấp khóa học trực tuyến và ứng dụng Blockchain để lưu trữ chứng chỉ trên mạng lưới Sepolia	Mai Tiến Dũng	Nguyễn Văn Trung	Đề tài nhằm xây dựng một website cung cấp khóa học trực tuyến có giao diện thân thiện, đầy đủ chức năng cần thiết cho học viên và giảng viên. Hệ thống sử dụng công nghệ blockchain để cấp chứng chỉ học tập dưới dạng NFT, giúp đảm bảo tính xác thực, minh bạch và chống giả mạo. Chứng chỉ có thể dễ dàng xác minh và tích hợp dữ liệu vào các nền tảng tuyển dụng như LinkedIn. Bên cạnh đó chứng chỉ NFT do hệ thống khóa học khác cung cấp cũng có thể được tích hợp vào hệ thống và có thể sử dụng những chức năng tương tự những chức năng của chứng chỉ do hệ thống cung cấp. Ngoài ra, hệ thống còn hỗ trợ các tính năng như trợ lý AI, thời khóa biểu cá nhân và thông báo thời gian thực nhằm tối ưu trải nghiệm người dùng.
53		Trần Văn Đạt	Nguyễn Văn Trung	
54	Hệ thống quản lý công việc và theo dõi tiến độ dự án	Nguyễn Thanh Hiều	Nguyễn Văn Trung	Hệ thống quản lý công việc và theo dõi tiến độ dự án được phát triển nhằm tạo ra một nền tảng hỗ trợ điều

				<p>phối, phân và giám sát các hoạt động trong quá trình thực hiện dự án. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng nghệ hiện đại như Spring Boot, ReactJs,...</p> <p>đảm bảo khả năng mở rộng và vận hành hiệu quả.</p> <p>Với ba vai trò chính: Admin, Quản lý dự án và Thành viên, hệ thống cung cấp các chức năng quan trọng như: tạo và quản lý dự án, phân nhiệm vụ, cập nhật tiến độ việc, quản lý thành viên dự án và theo dõi toàn bộ quá trình triển khai.</p> <p>Mục tiêu của hệ thống là tạo ra một môi trường cộng tác hiệu quả, minh bạch và có tổ chức, giúp các nhóm làm việc kiểm soát tiến độ tốt hơn, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu suất làm việc.</p>
55	Xây dựng Website đặt tour du lịch	Nguyễn Lưu Đức Minh	Nguyễn Văn Trung	<p>Đề tài "Xây dựng hệ thống Website Đặt Tour Du Lịch Trực Tuyến" sử dụng JSP Servlet theo mô hình MVC, tập trung vào việc phát triển một ứng dụng web toàn diện nhằm hiện đại hóa quy trình đặt và quản lý tour du lịch</p>
56	Xây dựng Website học tiếng Anh đa kỹ năng tích hợp AI dành cho học sinh, sinh viên, người đi làm sử dụng công nghệ ReactJS và Java Spring Boot	Nguyễn Văn Phước	Nguyễn Văn Trung	<p>Đề tài "Xây dựng Website học tiếng Anh đa kỹ năng tích hợp AI sử dụng ReactJS và Java Spring Boot" được thực hiện nhằm tạo một nền tảng học tiếng Anh trực tuyến, cá nhân hóa lộ trình, hỗ trợ học sinh, sinh viên, người đi làm, phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Website sử dụng ReactJS cho giao diện, Java Spring Boot cho backend, MySQL cho cơ sở dữ liệu, Gemini AI cho xử lý ngôn ngữ và Spring Security cho bảo mật. Dự án đã hoàn thiện các chức năng chính như: Đăng nhập, đăng ký, xác thực người dùng; quản lý người dùng, quản lý bài học, bài kiểm tra và câu hỏi ở phía quản trị viên; học bài, trả lời câu hỏi, bình luận, làm bài thi và luyện tập với AI ở phía người học.</p>
57	Xây dựng hệ thống quản lý đặt phòng khách sạn áp dụng mô hình CQRS – DDD theo kiến trúc Clean Architecture	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trần Duy Anh	<p>Khóa luận tập trung vào việc xây dựng hệ thống quản lý đặt phòng khách sạn ứng dụng các nguyên lý tiên tiến trong thiết kế phần mềm. Cụ thể, hệ thống sẽ được phát triển dựa trên mô hình CQRS (Command Query Responsibility Segregation)</p>

				và DDD (Domain-Driven Design), đồng thời tuân thủ kiến trúc Clean Architecture. Mục tiêu chính là tạo ra một giải pháp linh hoạt, dễ bảo trì, có khả năng mở rộng cao và hiệu suất tối ưu, đặc biệt trong việc xử lý các nghiệp vụ phức tạp của quản lý đặt phòng, từ đó nâng cao trải nghiệm người dùng và hiệu quả vận hành khách sạn.
58	Phân loại mức độ bệnh Alzheimer từ ảnh MRI sử dụng các mô hình học sâu và các phương pháp phân lớp	Lê Thị Thuỳ Dương	Trần Duy Anh	Nghiên cứu phân loại mức độ bệnh Alzheimer từ ảnh MRI sử dụng ba mô hình học sâu gồm VGG16, DenseNet121 và MobileNetV1 để trích xuất đặc trưng, sau đó kết hợp từng mô hình này với bốn phương pháp phân lớp là MLP, Logistic Regression, Random Forest và SVM để xây dựng các tổ hợp phân loại. Mỗi tổ hợp sẽ được đánh giá để so sánh hiệu quả theo mô hình trích xuất và theo phương pháp phân lớp, từ đó tìm ra tổ hợp tối ưu nhất cho bài toán.
59	Xây dựng Website hỗ trợ tra cứu học liệu dành cho sinh viên Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Khoa học Huế	Hoàng Hạnh Diệu Anh	Trần Nguyên Phong	Website cho phép sinh viên (sau khi đăng nhập) tra cứu tài nguyên học tập theo 3 phân loại chính (giáo trình, đề thi, bài tập) và tên học phần dựa trên chương trình đào tạo ngành CNPM. Sinh viên có thể đóng góp tài liệu, yêu cầu đóng góp sẽ được quản trị viên xét duyệt để đảm bảo chất lượng tài liệu. Công nghệ: ASP.NET Core MVC
60	Xây dựng Website hỗ trợ kinh doanh cho thuê xe máy tại Huế	Trần Đình Dương	Trần Nguyên Phong	Xây dựng website hỗ trợ kinh doanh cho thuê xe máy tại Huế, tạo ra nền tảng kết nối giữa người cho thuê xe và người có nhu cầu thuê xe trên địa bàn thành phố Huế.
61	Xây dựng hệ thống đặt lịch tham quan bất động sản	Hồ Anh Huy	Trần Nguyên Phong	Xây dựng website booking tour bất động sản sử dụng công nghệ NestJs, NextJs. Hệ thống được xây dựng dựa trên nền tảng Modular Monolith kết hợp với phương pháp Domain-Driven Design (DDD). Áp dụng design pattern CQRS, event sourcing là một mẫu được phân tách rõ ràng giữa các thao tác ghi (Command) và thao tác đọc (Query) trong ứng dụng. Module service nghệ Redis (cache, queue), Socket.io (realtime), Stripe (thanh toán), SignNow (chữ ký), Cloudinary (đám

				mây), Dify AI (chat bot), MapBox (bản đồ).
62	Xây dựng Website Shop thú cưng	Nguyễn Hoàng Nhân	Trần Nguyên Phong	Đề tài tập trung nghiên cứu và triển khai một Website bán thú cưng chuyên nghiệp trên nền tảng WordPress kết hợp WooCommerce, bao gồm khảo sát nhu cầu người dùng và phân tích chức năng thiết yếu (quản lý danh mục thú cưng, phụ kiện, tìm kiếm, giỏ hàng, thanh toán), thiết kế giao diện thân thiện, responsive, cài đặt cấu hình WordPress, WooCommerce và các plugin mở rộng.
63	Xây dựng Website bán đồ ăn và thức uống trực tuyến dành cho cá nhân và hộ kinh doanh với ReactJS và Spring Boot	Trương Thị Minh Tú	Trần Nguyên Phong	Đề tài "Xây dựng Website bán đồ ăn và thức uống trực tuyến dành cho cá nhân và hộ kinh doanh với ReactJS và Spring Boot" hướng đến việc hỗ trợ người bán quản lý gian hàng, món ăn, đơn hàng, khuyến mãi; đồng thời giúp khách hàng đặt món và theo dõi đơn hàng dễ dàng. Hệ thống gồm ba vai trò: Admin, Người bán và Khách hàng với các chức năng cơ bản như: đăng ký/đăng nhập, quản lý tài khoản, gian hàng, thực đơn, đơn hàng, khuyến mãi, và thống kê. Dự án đã hoàn thành các phần chính như phân tích thiết kế hệ thống, cơ sở dữ liệu, xây dựng giao diện, phát triển API và cài đặt các chức năng cơ bản. Website được phát triển theo kiến trúc 3 lớp, sử dụng ReactJS cho frontend, Spring Boot cho backend và SQL Server cho cơ sở dữ liệu. Một số chức năng nâng cao như phân quyền, xác thực JWT và kiểm soát truy cập đang được tiếp tục hoàn thiện.
64	Xây dựng Hệ thống Quản lý Cửa hàng Tạo mẫu Tóc trên nền tảng Web sử dụng Spring Boot và ReactJS.	Lê Thị Ngọc Anh	Trần Thanh Lương	Đề tài tập trung vào việc phát triển một hệ thống quản lý salon tóc thông minh và hiện đại trên nền tảng web, hướng đến sự tiện lợi, thân thiện với người dùng và đáp ứng toàn diện các nhu cầu vận hành thực tế. Hệ thống hỗ trợ các chức năng thiết yếu như đặt lịch hẹn, quản lý nhân sự, dịch vụ, doanh thu, tương tác khách hàng và đặc biệt là khả năng quản lý đa chi nhánh một cách linh hoạt. Ứng dụng được xây dựng dựa trên kiến trúc full-stack, kết hợp giữa Spring Boot ở tầng backend và ReactJS ở tầng frontend, đảm bảo hiệu suất cao, khả

				năng mở rộng và trải nghiệm người dùng mượt mà trên mọi thiết bị.
65	Xây dựng Website quản lý y tế tích hợp AI hỗ trợ tư vấn sức khỏe và đặt lịch khám	Nguyễn Hoàn Mỹ	Trần Thanh Lương	Xây dựng một hệ thống website quản lý y tế hiện đại, giúp các cơ sở y tế dễ dàng quản lý thông tin bệnh nhân, bác sĩ và lịch khám bệnh; đồng thời tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tư vấn sức khỏe ban đầu cho người dùng. Website được xây dựng bằng framework Laravel, MySQL cho cơ sở dữ liệu, Ollama tích hợp mô hình AI. Dự án góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc y tế và tối ưu hóa quy trình khám chữa bệnh.
66	Xây dựng website tích hợp AI hỗ trợ doanh nghiệp tự cấu hình hệ thống tư vấn và xử lý đơn hàng đa nền tảng	Thái Thanh Nhật	Trần Thanh Lương	Hệ thống cho phép doanh nghiệp cấu hình một trợ lý ảo để tư vấn sản phẩm và xử lý đơn hàng trên nhiều nền tảng như Facebook, Telegram, Website
67	Xây dựng Website học tiếng Anh đa kỹ năng tích hợp AI dành cho học sinh, sinh viên, người đi làm sử dụng nghệ ReactJS và Java Spring Boot	Hồ Minh Quân	Trần Thanh Lương	Đề tài "Xây dựng Website học tiếng Anh đa kỹ năng tích hợp AI sử dụng ReactJS và Java Spring Boot" được thực hiện nhằm tạo một nền tảng học tiếng Anh trực tuyến, cá nhân hóa lộ trình, hỗ trợ học sinh, sinh viên, người đi làm, phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Website sử dụng ReactJS cho giao diện, Java Spring Boot cho backend, MySQL cho cơ sở dữ liệu, Gemini AI cho xử lý ngôn ngữ và Spring Security cho bảo mật. Dự án đã hoàn thiện các chức năng chính như: Đăng nhập, đăng ký, xác thực người dùng; quản lý người dùng, quản lý bài học, bài kiểm tra và câu hỏi ở phía quản trị viên; học bài, trả lời câu hỏi, bình luận, làm bài thi và luyện tập với AI ở phía người học.
68	Xây dựng Hệ thống Quản lý Cửa hàng Tạo mẫu Tóc trên nền tảng Web sử dụng Spring Boot và ReactJS.	Phạm Nguyễn Anh Tân	Trần Thanh Lương	Đề tài tập trung vào việc phát triển một hệ thống quản lý salon tóc thông minh và hiện đại trên nền tảng web, hướng đến sự tiện lợi, thân thiện với người dùng và đáp ứng toàn diện các nhu cầu vận hành thực tế. Hệ thống hỗ trợ các chức năng thiết yếu như đặt lịch hẹn, quản lý nhân sự, dịch vụ, doanh thu, tương tác khách hàng và đặc biệt là khả năng quản lý đa chi nhánh một cách linh hoạt. Ứng dụng được xây dựng dựa trên kiến trúc full-stack, kết hợp giữa Spring Boot ở tầng backend và ReactJS ở tầng

				frontend, đảm bảo hiệu suất cao, khả năng mở rộng và trải nghiệm người dùng mượt mà trên mọi thiết bị.
69	Xây dựng Website tìm kiếm và đặt lịch khám bệnh sử dụng Spring Boot và ReactJS	Nguyễn Xuân Linh	Trần Thị Phương Chi	Hệ thống giúp bệnh nhân dễ dàng đặt lịch khám và hỗ trợ quản trị viên quản lý bác sĩ, chuyên khoa và lịch làm việc. Hệ thống sử dụng mô hình Client-Server, với ReactJS cho giao diện người dùng và Spring Boot cho backend xử lý nghiệp vụ, xác thực, phân quyền và cung cấp API. Giải pháp góp phần nâng cao trải nghiệm người dùng và hiện đại hóa tác quản lý tại bệnh viện.
70	Ứng dụng mô hình XGBoost và TabPFN trong dự đoán nguy cơ đột quy	Hồ Viết Tùng	Trần Thị Phương Chi	Tim hiểu và ứng dụng các mô hình học máy XGBoost và TabPFN trong dự đoán nguy cơ đột quy dựa trên dữ liệu từ bộ Stroke Prediction Dataset, tối ưu mô hình bằng GridSearchCV, điều chỉnh ngưỡng phân loại, và đánh giá qua các chỉ số như AUC, Precision, Recall, F1
71	Phát hiện và Phân tích Tấn công Mạng không dây sử dụng Wireshark	Phạm Nhật Anh	Võ Thanh Tú	Tổng qian về mạng không dây, các hình thức tấn công mạng không dây. Giới thiệu giao diện và chức năng của Wireshark, Tiến hành các kịch bản tấn công. Nêu các giải pháp phát hiện tấn công ARP Spoofing và Deauthentication. Phân tích các gói tin PCAP bị tấn công bằng công cụ Wireshark
72	Xây dựng Website bán đồ ăn và thức uống trực tuyến dành cho cá nhân và hộ kinh doanh với ReactJS và Spring Boot	Phan Nhật Quân	Võ Thanh Tú	Đề tài "Xây dựng Website bán đồ ăn và thức uống trực tuyến dành cho cá nhân và hộ kinh doanh với ReactJS và Spring Boot" hướng đến việc hỗ trợ người bán quản lý gian hàng, món ăn, đơn hàng, khuyến mãi; đồng thời giúp khách hàng đặt món và theo dõi đơn hàng dễ dàng. Hệ thống gồm ba vai trò: Admin, Người bán và Khách hàng với các chức năng cơ bản như: đăng ký/đăng nhập, quản lý tài khoản, gian hàng, thực đơn, đơn hàng, khuyến mãi, và thống kê. Dự án đã hoàn thành các phần chính như phân tích thiết kế hệ thống, cơ sở dữ liệu, xây dựng giao diện, phát triển API và cài đặt các chức năng cơ bản. Website được phát triển theo kiến trúc 3 lớp, sử dụng ReactJS cho frontend, Spring Boot cho backend và SQL Server cho cơ sở dữ liệu. Một số chức năng nâng cao như phân quyền, xác thực JWT và kiểm soát

				truy cập đang được tiếp tục hoàn thiện.
73	Xây dựng website đặt phòng khách sạn tích hợp bản đồ	Nguyễn Đăng Phước Trường	Võ Thanh Tú	Đề tài "Xây dựng website đặt phòng khách sạn" được thực hiện nhằm phát triển một hệ thống đặt phòng trực tuyến hoàn chỉnh, dễ sử dụng, thân thiện với người dùng, đồng thời hỗ trợ nhà quản lý khách sạn kiểm soát thông tin phòng, đặt chỗ, khách hàng và thanh toán. Website được xây dựng trên nền tảng ASP.NET Core MVC, sử dụng ngôn ngữ C# kết hợp với Entity Framework Core để thao tác cơ sở dữ liệu SQL Server theo mô hình ORM, giúp giảm thiểu lỗi và dễ bảo trì. Ngoài ra, website còn tích hợp thêm Google Maps API, Stripe API.
74	Nghiên cứu về giải pháp bảo mật mạng không dây ứng dụng kỹ thuật Captive Portal	Hồ Văn Tuệ	Võ Thanh Tú	Các chuẩn không dây (802.11 b/a/g/n/ac/ax/be) Cấu trúc mạng và các quá trình hoạt động. Vấn đề an toàn bảo mật và lý do cần phải bảo mật mạng WLAN Các phương thức tấn công trong mạng WLAN Các phương thức bảo mật triển khai trong mạng WLAN Giải pháp kiểm soát quyền truy cập captive portal trên pfsense Xây dựng mô hình kiểm soát truy cập Captive Portal kết hợp FreeRADIUS –Squid Proxy
75	Xây dựng hệ thống cho thuê xe trực tuyến AnRental sử dụng Next.js	Nguyễn Thanh An	Võ Việt Dũng	Đây là ứng dụng cho thuê xe trực tuyến, sử dụng nghệ chính là Next.js. Mục đích chính của đề tài nhằm tới việc số hóa quy trình thuê xe một cách đơn giản nhanh chóng, minh bạch giúp cho những người có nhu cầu có thể thực hiện việc thuê xe một cách thuận lợi, nhanh chóng, đơn giản mà không cần qua quá nhiều quy trình, giấy tờ phức tạp.
76	Xây dựng Website bán đồ ăn và thức uống trực tuyến dành cho cá nhân và hộ kinh doanh với ReactJS và Spring Boot	Trương Văn Tuấn Anh	Võ Việt Dũng	Đề tài "Xây dựng Website bán đồ ăn và thức uống trực tuyến dành cho cá nhân và hộ kinh doanh với ReactJS và Spring Boot" hướng đến việc hỗ trợ người bán quản lý gian hàng, món ăn, đơn hàng, khuyến mãi; đồng thời giúp khách hàng đặt món và theo dõi đơn hàng dễ dàng. Hệ thống gồm ba vai trò: Admin, Người bán và Khách hàng với các chức năng cơ bản như: đăng ký/đăng nhập, quản lý

				tài khoản, gian hàng, thực đơn, đơn hàng, khuyến mãi, và thống kê. Dự án đã hoàn thành các phần chính như phân tích thiết kế hệ thống, cơ sở dữ liệu, xây dựng giao diện, phát triển API và cài đặt các chức năng cơ bản. Website được phát triển theo kiến trúc 3 lớp, sử dụng ReactJS cho frontend, Spring Boot cho backend và SQL Server cho cơ sở dữ liệu. Một số chức năng nâng cao như phân quyền, xác thực JWT và kiểm soát truy cập đang được tiếp tục hoàn thiện.
77	Tìm hiểu ESP32 và Xây dựng ứng dụng di động IoT báo cháy với Flutter	Trần Công Dũng	Võ Việt Dũng	Ứng dụng được làm ra với mục đích nghiên cứu và xây dựng một hệ thống IoT cho phép người dùng giám sát dữ liệu cảm biến như nhiệt độ, độ ẩm, mức khói... và điều khiển thiết bị phân cứng (còi báo cháy) từ xa thông qua ứng dụng Flutter.
78	Xây dựng Website thi trắc nghiệm trực tuyến dành cho mọi người sử dụng Spring Boot và React JS	Hồ Đăng Tài	Võ Việt Dũng	Đề tài "Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến dành cho mọi người sử dụng Java Spring Boot và ReactJS" nhằm phát triển một hệ thống thi trắc nghiệm trực tuyến giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm, xem thông tin, tham gia các bài thi và tổ chức thi trên hệ thống. Ứng dụng sử dụng ReactJS để xây dựng giao diện người dùng thân thiện, hiện đại và Java Spring Boot cho phần backend đảm bảo xử lý logic nghiệp vụ, quản lý dữ liệu và bảo mật. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm bài thi, tham gia và tổ chức thi, quản lý bài thi cá nhân, xem lịch sử thi, đồng thời có trang quản trị dành cho admin để quản lý bài thi và người dùng hiệu quả.
79	Xây dựng Website quản lý và đặt vé xem phim trực tuyến bằng ngôn ngữ Golang	Phan Đình Thắng	Võ Việt Dũng	Đề tài "Xây dựng Website quản lý và đặt vé xem phim trực tuyến bằng ngôn ngữ Golang", phục vụ hai vai trò chính: quản trị viên và khách hàng. Hệ thống cho phép quản lý phim, lịch chiếu, vé, người dùng và thống kê doanh thu. Các nghệ sử dụng gồm Golang (Gin), PostgreSQL, Redis và ELK. Dự án đã hoàn thiện các chức năng chính như đăng nhập, đăng ký, đặt vé và hiển thị thống kê cơ bản.
80	Ứng dụng mô hình MobileFaceNet và	Nguyễn Đình Thái Hoà	Hoàng Quang	Nghiên cứu ứng dụng mô hình BlazeFace và MobileFaceNet để tận

	Blazeface trong nhận dạng khuôn mặt khách hàng phục vụ cải thiện hiệu suất kinh doanh			dụng khả năng thích ứng với nhiều hệ thống đặc biệt với các thiết bị hạn chế về phần cứng, từ đó phát triển ứng dụng diện khuôn mặt nhằm cải thiện hiệu suất kinh doanh, góp phần nâng cao quy trình tự động hóa trong kinh doanh, tạo điểm nhấn khác biệt cho quy trình kinh doanh trong mắt khách hàng, đưa công nghệ trí tuệ nhân tạo đến gần hơn với các cơ sở kinh doanh, đặc biệt là với các cơ sở vừa và nhỏ với nguồn đầu tư hạn chế
81	Ứng dụng Deep Learning trong phân loại sóng EEG theo giai đoạn giấc ngủ	Nguyễn Châu Tuấn	Hoàng Quang	Nghiên cứu việc áp dụng mạng nơ-ron tích chập một chiều (1D-CNN) để tự động phân loại các giai đoạn giấc ngủ (W, N1, N2, N3, REM) dựa trên tín hiệu điện não (EEG). Dữ liệu sử dụng là bộ Sleep-EDF Expanded gồm 2 kênh EEG (Fpz-Cz và Pz-Oz), được xử lý qua các bước lọc nhiễu, chuẩn hóa, chia đoạn 30 giây, gán nhãn theo file Hypnogram và xử lý mất cân bằng dữ liệu bằng kỹ thuật SMOTE kết hợp tăng cường thủ công. Mô hình CNN được xây dựng với ba tầng tích chập kết hợp chuẩn hóa, hàm kích hoạt ReLU, gộp cực đại và các lớp fully connected. Mô hình được huấn luyện và đánh giá dựa trên các chỉ số như độ chính xác (accuracy), độ phủ (recall), độ chính xác (precision), F1-score và ma trận nhầm lẫn. Kết quả cho thấy mô hình đạt hiệu suất tốt trong việc nhận dạng các giai đoạn giấc ngủ, đặc biệt là các lớp phổ biến như N2, tuy nhiên vẫn còn khó khăn khi phân biệt các lớp ít xuất hiện như REM. Khóa luận khẳng định tiềm năng của deep learning trong phân tích giấc ngủ và đề xuất các hướng phát triển như kết hợp thêm các tín hiệu sinh lý khác, tối ưu kiến trúc mạng và triển khai vào hệ thống hỗ trợ chăm sóc sức khỏe thông minh.
82	Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật nhận dạng khuôn mặt kết hợp chung cất tri thức trong hệ thống điểm danh và xác thực tự động	Ngô Văn Hải	Lê Quang Chiến	Nghiên cứu xây dựng hệ thống điểm danh và xác thực tự động sử dụng mô hình phát hiện khuôn mặt YuNet và trích xuất đặc trưng SFace cho thiết bị di động. Nâng cao độ chính xác SFace bằng cách áp dụng kỹ thuật Knowledge Distillation sử dụng SFace-OpenCV và ArcFace (backbone ResNet50) làm teacher

				model với hàm mất mát Cosine. Tăng cường độ ổn định của mô hình SFace thông qua quá trình fine-tuning trên dữ liệu thực tế thu thập tại giảng đường.
83	Tìm kiếm hình ảnh vận động viên trong các giải chạy bộ dựa trên nhận dạng số Bib sử dụng YOLOv8 và CRNN	Hoàng Hào	Nguyễn Ngọc Thủy (1990)	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống tìm kiếm hình ảnh vận động viên trong các giải chạy bộ dựa trên nhận dạng số BIB. Hệ thống ứng dụng mô hình YOLOv8 để phát hiện chính xác vùng chứa số BIB và mô hình CRNN để nhận dạng hiệu quả nội dung ký tự.
84	Khảo sát hiệu quả một số mô hình họ U-Net trong phân đoạn bao lồi vùng phổi trên hình ảnh X-quang lồng ngực phục vụ chẩn đoán bệnh viêm phổi	Lê Sỹ Toàn	Nguyễn Ngọc Thủy (1990)	Nghiên cứu và khảo sát phân đoạn bao lồi vùng phổi trên hình ảnh X-quang lồng ngực, sử dụng một số mô hình thuộc họ U-Net, đồng thời kết hợp với quá trình chẩn đoán viêm phổi thông qua kiến trúc VGG16 và Transfer Learning.
85	Sử dụng độ đo entropy và kỹ thuật xử lý ngôn ngữ tự nhiên để đánh giá độ tin cậy của văn bản được tạo bởi mô hình ngôn ngữ lớn	Lê Thái Nga	Đoàn Thị Hồng Phước	Tìm hiểu về cách mô hình ngôn ngữ lớn sinh văn bản, hệ thống RAG, hiện tượng ảo giác. Nghiên cứu sử dụng độ đo entropy và kỹ thuật xử lý ngôn ngữ tự nhiên để đánh giá độ tin cậy của văn bản mô hình ngôn ngữ lớn tạo ra.
86	Xây dựng ứng dụng Web nghe nhạc trực tuyến sử dụng Spring Boot và React	Nguyễn Văn Hường	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Ứng dụng nghe nhạc trực tuyến được phát triển bằng React và Spring Boot, cung cấp các chức năng như phát nhạc, tìm kiếm bài hát, quản lý playlist cá nhân, đăng nhập và xác thực người dùng, tải và hiển thị ảnh qua Cloudinary, đồng thời hỗ trợ hệ thống bình luận thời gian thực bằng WebSocket và STOMP.js, với toàn bộ dữ liệu được lưu trữ và xử lý trong MySQL.
87	Xây dựng Website HueTravel giới thiệu điểm đến và đặt tour du lịch tại Huế	Trần Văn Quang	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Đề tài xây dựng ứng dụng web hỗ trợ công ty HueTravel trong công tác quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Cung cấp một website giúp người dùng có cái nhìn tổng quan về các địa điểm du lịch ở Huế và các tour du lịch (tour trong ngày ở Huế) của công ty. Người dùng có thể tương tác thông qua các bài đăng giới thiệu địa điểm, tiến hành đặt các tour du lịch và thanh toán trực tuyến thông qua cổng thanh toán Stripe. Ngoài ra, hệ thống cung cấp giao diện quản trị dành cho quản

				trì viên để quản lý các chức năng liên quan đến người dùng, địa điểm, tour du lịch và tiến hành xử lý các đơn đặt tour và phân công hướng dẫn viên trong công ty với các chuyến đi phù hợp.
88	Xây dựng ứng dụng Web chia sẻ công thức nấu ăn sử dụng ASP.NET Core và JavaScript	Đỗ Đặng Huyền Trang	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Đề tài xây dựng ứng dụng web chia sẻ công thức nấu ăn cung cấp nền tảng để người dùng có thể dễ dàng đăng tải, tìm kiếm, tương tác và lưu trữ các công thức nấu ăn. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như tạo danh sách công thức yêu thích, đánh giá và bình luận công thức, đồng thời phân loại theo thực đơn. Ngoài ra, hệ thống có giao diện quản trị dành cho quản trị viên để quản lý người dùng, công thức, danh mục nguyên liệu, thực đơn và các nội dung liên quan. Ứng dụng được phát triển bằng công nghệ ASP.NET Core kết hợp với JavaScript, HTML5, CSS3 và sử dụng SQL Server làm cơ sở dữ liệu.
89	Phát triển ứng dụng web học từ vựng tiếng Anh bằng Flashcard - Quiz sử dụng Spring Boot và JavaScript	Hồ Thị Vy	Lê Nguyễn Thủy Nhi	Xây dựng ứng dụng web học tiếng Anh bằng flashcard, giúp người dùng ghi nhớ từ vựng hiệu quả hơn. Ứng dụng cho phép đăng ký, đăng nhập, tạo và lưu các bộ thẻ từ vựng theo chủ đề. Người dùng có thể ôn luyện qua chế độ quiz, theo dõi tiến độ học và cập nhật trạng thái “đã học” hoặc “chưa học” cho từng thẻ sau mỗi bài kiểm tra. Hệ thống còn hỗ trợ đánh giá, tìm kiếm, lưu bộ thẻ của người khác để học tập.
90	Hệ thống quản lý y tế các cơ sở khám chữa bệnh	Cao Văn Tuấn Anh	Nguyễn Dũng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu và phát triển hệ thống quản lý y tế, nhằm số hóa quy trình khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế ở Thành phố Huế, sử dụng iPad để hỗ trợ bác sĩ và điều dưỡng. Hệ thống hỗ trợ ba nhóm người dùng: Admin, Bác sĩ, và Điều dưỡng, với các chức năng như quản lý hồ sơ bệnh nhân, lập y lệnh, chẩn đoán, tờ điều trị, phiếu chăm sóc, cấp thuốc, và báo cáo thống kê.</p> <p>Về mặt kỹ thuật, hệ thống được xây dựng trên nền tảng .NET Core và Blazor cho backend và frontend, sử dụng SQL Server để lưu trữ dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Y tế (Thông tư 46/2018/TT-BYT và 32/2023/TT-BYT). Các công cụ</p>

				như Visual Studio, TortoiseSVN được sử dụng để phát triển và kiểm thử. Dữ liệu được bảo mật và hệ thống cung cấp giao diện thân thiện, tối ưu hóa quy trình, giảm sai sót và nâng cao hiệu quả chăm sóc y tế.
91	Hệ thống bán hàng đa nền tảng	Nguyễn Quốc Huy	Nguyễn Dũng	Đề tài xây dựng hệ thống bán hàng đa nền tảng, cho phép người dùng sử dụng cả trên thiết bị di động và website. Hệ thống được phát triển bằng các công nghệ Node.js, Express, React.js, Flutter, WebSocket và sử dụng MongoDB làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như thêm sản phẩm, giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán qua VNPay, đăng nhập bằng Google, cập nhật trạng thái đơn hàng và số lượng đơn hàng theo thời gian thực. Ngoài ra, hệ thống có phân quyền người dùng và giao diện quản trị viên. Đề tài giúp sinh viên áp dụng kiến thức để phát triển một hệ thống thương mại điện tử hoạt động trên nhiều nền tảng.
92	Hệ thống bán hàng đa nền tảng	Nguyễn Sỹ Nguyên	Nguyễn Dũng	Đề tài xây dựng hệ thống bán hàng đa nền tảng, cho phép người dùng sử dụng cả trên thiết bị di động và website. Hệ thống được phát triển bằng các công nghệ Node.js, Express, React.js, Flutter, WebSocket và sử dụng MongoDB làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như thêm sản phẩm, giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán qua VNPay, đăng nhập bằng Google, cập nhật trạng thái đơn hàng và số lượng đơn hàng theo thời gian thực. Ngoài ra, hệ thống có phân quyền người dùng và giao diện quản trị viên. Đề tài giúp sinh viên áp dụng kiến thức để phát triển một hệ thống thương mại điện tử hoạt động trên nhiều nền tảng.
93	Hệ thống quản lý y tế các cơ sở khám chữa bệnh	Lê Bửu Minh Phúc	Nguyễn Dũng	Khóa luận tập trung nghiên cứu và phát triển hệ thống quản lý y tế, nhằm số hóa quy trình khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế ở Thành phố Huế, sử dụng iPad để hỗ trợ bác sĩ và điều dưỡng. Hệ thống hỗ trợ ba nhóm người dùng: Admin, Bác sĩ, và Điều dưỡng, với các chức năng như quản lý hồ sơ bệnh nhân, lập y lệnh,

				<p>chẩn đoán, tờ điều trị, phiếu chăm sóc, cấp thuốc, và báo cáo thống kê.</p> <p>Về mặt kỹ thuật, hệ thống được xây dựng trên nền tảng .NET Core và Blazor cho backend và frontend, sử dụng SQL Server để lưu trữ dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Y tế (Thông tư 46/2018/TT-BYT và 32/2023/TT-BYT). Các công cụ như Visual Studio, TortoiseSVN được sử dụng để phát triển và kiểm thử. Dữ liệu được bảo mật và hệ thống cung cấp giao diện thân thiện, tối ưu hóa quy trình, giảm sai sót và nâng cao hiệu quả chăm sóc y tế.</p>
94	Hệ thống bán hàng đa nền tảng	Lê Tăng Mỹ Quyên	Nguyễn Dũng	<p>Đề tài xây dựng hệ thống bán hàng đa nền tảng, cho phép người dùng sử dụng cả trên thiết bị di động và website. Hệ thống được phát triển bằng các công nghệ Node.js, Express, React.js, Flutter, WebSocket và sử dụng MongoDB làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống hỗ trợ các chức năng như thêm sản phẩm, giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán qua VNPay, đăng nhập bằng Google, cập nhật trạng thái đơn hàng và số lượng đơn hàng theo thời gian thực. Ngoài ra, hệ thống có phân quyền người dùng và giao diện quản trị viên. Đề tài giúp sinh viên áp dụng kiến thức để phát triển một hệ thống thương mại điện tử hoạt động trên nhiều nền tảng.</p>
95	Xây dựng Website mạng xã hội THREADS sử dụng React.js và Node.js	Ngô Duy	Nguyễn Hoàng Hà	<p>Đề tài "Xây dựng Website mạng xã hội THREADS" tập trung phát triển một nền tảng mạng xã hội hiện đại cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập, đăng bài viết với nội dung văn bản, hình ảnh hoặc video; tương tác bằng cách like, bình luận, đăng lại, kết bạn và nhắn tin thời gian thực. Giao diện người dùng được xây dựng bằng React nhằm đảm bảo tính thân thiện và phản hồi nhanh, trong khi backend sử dụng Node.js và Express để xử lý logic nghiệp vụ, kết nối cơ sở dữ liệu MongoDB. Ứng dụng tích hợp nhiều công nghệ như Socket.io cho chat real-time, Redis (Upstash) để tăng tốc độ truy xuất dữ liệu, Cloudinary để lưu trữ media, cùng các công cụ kiểm duyệt nội</p>

				dung như Sightengine cho văn bản , hình ảnh/video.
96	Chatbot trợ lý bác sĩ: tìm kiếm thông tin hỗ trợ bác sỹ ra quyết định chỉ định cận lâm sàng	Nguyễn Duy Dương	Nguyễn Hoàng Hà	
97	Chatbot: Hỗ trợ Bác sĩ tra cứu thông tin y tế và gợi ý các chỉ định cận lâm sàng	Trần Đại Nam	Nguyễn Hoàng Hà	Xây dựng ứng dụng Chatbot để giúp bác sỹ có thể tra cứu và hỗ trợ Bác sĩ có thể tham khảo thông tin để đưa ra chỉ định cận lâm sàng thông qua kỹ thuật RAG, sử dụng Springboot và Python kết hợp với Langchain, ReactJS và Vector DB để xây dựng
98	Xây dựng hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến	Lê Văn Tiến	Nguyễn Hoàng Hà	Phát triển một nền tảng học tập hiện đại, đa nền tảng, hỗ trợ quản lý khóa học, bài giảng, bài kiểm tra và nhóm học tập, đồng thời tích hợp các tính năng tương tác thời gian thực như chat, hỏi đáp và thông báo. Hệ thống được xây dựng bằng các công nghệ Java Spring Boot, ReactJS, Flutter, WebSocket, sử dụng MySQL và MongoDB làm cơ sở dữ liệu, với mục tiêu thân thiện, dễ sử dụng, bảo mật tốt và có khả năng mở rộng.
99	Chatbot: Hỗ trợ Bác sĩ tra cứu thông tin y tế và gợi ý các chỉ định cận lâm sàng	Huỳnh Thành Trụ	Nguyễn Hoàng Hà	Xây dựng ứng dụng chat bot để giúp bác sỹ có thể tra cứu và hỗ trợ Bác sĩ có thể tham khảo thông tin để đưa ra chỉ định cận lâm sàng thông qua kỹ thuật RAG , sử dụng Springboot và Python kết hợp với Langchain , ReactJS và Vector DB để xây dựng
100	Tìm hiểu kiến trúc monolithic và ứng dụng xây dựng website đặt phòng khách sạn.	Trần Cao Trung Nguyên	Nguyễn Mậu Hân	Khóa luận tập trung nghiên cứu kiến trúc Monolithic – một mô hình phần mềm nguyên khối – và áp dụng kiến trúc này để xây dựng hệ thống website đặt phòng khách sạn. Hệ thống hỗ trợ ba nhóm người dùng: khách hàng, chủ khách sạn và quản trị viên, với các chức năng như tìm kiếm, đặt phòng, thanh toán, quản lý khách sạn, quản lý người dùng, đánh giá và thống kê doanh thu. Về mặt kỹ thuật, hệ thống được phát triển bằng Spring Boot, Spring Security, JPA và SQL Server cho backend; React.js, Axios và Tailwind CSS cho frontend; Cloudinary dùng để lưu trữ ảnh và Chart.js để trực quan hóa dữ liệu. Dữ liệu người dùng được bảo mật bằng JWT.
101	WEBSITE NHẬN TIN DELICHAT	Nguyễn Văn Doanh	Nguyễn Văn Trung	Xây dựng ứng dụng chat trực tuyến giúp người dùng có thể gửi tin nhắn,

				gọi thoại và gọi video dễ dàng. Website hỗ trợ trò chuyện nhóm, gửi biểu tượng cảm xúc và gợi ý kết bạn. Hệ thống sử dụng công nghệ WebRTC và WebSocket để đảm bảo giao tiếp nhanh và mượt mà. Mục tiêu là tạo ra một nền tảng nhắn tin đơn giản, tiện lợi và thân thiện với người dùng.
102	Xây dựng website quản lý hợp đồng CMS	Nguyễn Tâm Tuấn Đạt	Nguyễn Văn Trung	Phát triển một hệ thống quản lý hợp đồng hiện đại, hỗ trợ tự động hóa quy trình tạo, theo dõi, tái ký và kết thúc hợp đồng, quản lý hóa đơn, đối tác, cùng với phân quyền người dùng và báo cáo thống kê. Hệ thống được xây dựng bằng C#, ASP.NET Core, Razor Pages và SQL Server, tích hợp tìm kiếm nâng cao, quản lý file đính kèm, với mục tiêu tối ưu hóa quy trình doanh nghiệp, đảm bảo tính bảo trì, thân thiện người dùng.
103	Xây dựng hệ thống mua và sử dụng học liệu E-Learning với Next.js, Spring Boot và Object Storage trong thích AWS S3	Lê Minh Đức	Nguyễn Văn Trung	- Hệ thống hoạt động trên nền tảng web. Mục đích chính là cung cấp cho người dùng các học liệu mong muốn với các chức năng Đăng ký/Đăng nhập (có thể qua Tài khoản Google)/Đăng xuất; duyệt và tìm kiếm; Xem chi tiết học liệu; Thanh toán (mua); Nhận hỗ trợ với AI; Yêu cầu hoàn tiền, hủy đăng ký;... Cung cấp cho quản trị viên các chức năng quản lý như học liệu, người dùng, thông báo, giao dịch, đăng ký... - Hệ thống được xây dựng với Next.js, Spring Boot (Spring Data JPA, Spring Security + JWT, ...), PostgreSQL, Cloudflare R2, RabbitMQ, VNPAY-QR, GROQ;
104	Xây dựng Backend cho hệ thống VOD và Live Streaming với HLS	Lê Phi Phát	Nguyễn Văn Trung	Đề tài tập trung thiết kế và xây dựng hệ thống backend sử dụng giao thức HLS của apple, cho phép người dùng chia sẻ video, hệ thống thực hiện transcoding thành định dạng phù hợp với HLS để có thể phục vụ người xem, hỗ trợ chức năng livestream thông qua Nginx rtmp
105	Xây dựng Website đọc sách online Ebook	Đặng Ngọc Toàn	Nguyễn Văn Trung	Hệ thống website đọc sách online ebook được xây dựng nhằm mục đích cung cấp nơi để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm và đọc sách với khả năng tùy chỉnh giao diện theo sở thích người dùng. Bên cạnh đó còn hỗ trợ chức năng đánh dấu trang cho từng các nhân, lưu sách yêu thích,

				<p>lich sử đọc sách, đánh giá sách, tải sách. Hệ thống được xây dựng bằng các công nghệ ASP.NET Core MVC kết hợp với JavaScript, HTML5, CSS3 và sử dụng Sql Server làm cơ sở dữ liệu</p>
106	Hệ thống quản lý y tế các cơ sở khám chữa bệnh	Lê Quang Minh Trí	Nguyễn Văn Trung	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu và phát triển hệ thống quản lý y tế, nhằm số hóa quy trình khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế ở Thành phố Huế, sử dụng iPad để hỗ trợ bác sĩ và điều dưỡng. Hệ thống hỗ trợ ba nhóm người dùng: Admin, Bác sĩ, và Điều dưỡng, với các chức năng như quản lý hồ sơ bệnh nhân, lập y lệnh, chẩn đoán, tờ điều trị, phiếu chăm sóc, cấp thuốc, và báo cáo thống kê.</p> <p>Về mặt kỹ thuật, hệ thống được xây dựng trên nền tảng .NET Core và Blazor cho backend và frontend, sử dụng SQL Server để lưu trữ dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Y tế (Thông tư 46/2018/TT-BYT và 32/2023/TT-BYT). Các công cụ như Visual Studio, TortoiseSVN được sử dụng để phát triển và kiểm thử. Dữ liệu được bảo mật và hệ thống cung cấp giao diện thân thiện, tối ưu hóa quy trình, giám sát và nâng cao hiệu quả chăm sóc y tế.</p>
107	Xây dựng hệ thống Website bán sách	Võ Ngọc Huy Hoàng	Sử Minh Đạt	<p>Đề tài xây dựng phần mềm quản lý nghiệp vụ cho website bán sách nhằm phát triển một hệ thống thương mại điện tử giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm, xem và mua sách trực tuyến, đồng thời hỗ trợ quản trị viên trong việc quản lý sản phẩm, đơn hàng, người dùng và doanh thu một cách hiệu quả. Phần mềm có giao diện thân thiện, cung cấp các chức năng như lọc sách, giỏ hàng, thanh toán an toàn, quản lý tài khoản và hỗ trợ trực tuyến. Hệ thống được xây dựng theo mô hình MVC sử dụng Spring Boot ở phía back-end, SQL Server làm cơ sở dữ liệu và kết hợp với các công nghệ web như HTML, CSS, JavaScript ở phía front-end, đảm bảo hiệu suất, độ ổn định và khả năng mở rộng trong tương lai.</p>
108	Xây dựng hệ thống website diễn đàn tin tức	Nguyễn Mạnh Quân	Sử Minh Đạt	<p>Website diễn đàn tin tức không dừng ở việc cung cấp nội dung, dự án còn tạo ra một không gian kết nối, nơi</p>

				người dùng có thể chia sẻ quan điểm, học hỏi kinh nghiệm, và cập nhật những xu hướng mới nhất. Góp phần tạo ra một nền tảng hữu ích cho cộng đồng mà còn là tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tế
109	Phần mềm quản lý khách sạn SOLARI	Nguyễn Thành Thắng	Sử Minh Đạt	Đề tài nhằm xây dựng một hệ thống quản lý khách sạn giúp đơn giản hóa và tự động hóa các nghiệp vụ chính trong hoạt động kinh doanh khách sạn như quản lý phòng, đặt phòng, quản lý khách hàng, dịch vụ và thanh toán. Sử dụng ngôn ngữ JavaScript, Framework NestJs, cơ sở dữ liệu PostgreSQL và ReactJs để xây dựng
110	Xây dựng hệ thống Website bán đồng hồ trực tuyến	Dư Ngọc Hùng	Trần Nguyên Phong	Đề tài xây dựng hệ thống bán đồng hồ trực tuyến nhằm cung cấp nền tảng mua sắm an toàn, giúp người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận các mẫu đồng hồ hợp thời trang. Hệ thống được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình Java, sử dụng framework Spring Boot, cơ sở dữ liệu MySQL và áp dụng mô hình MVC cùng kiến trúc RESTful API. Các chức năng quản lý bao gồm: quản lý sản phẩm, đơn hàng, tồn kho, khuyến mãi và người dùng. Về phía người dùng, hệ thống hỗ trợ đăng ký/đăng nhập, duyệt và tìm kiếm sản phẩm, quản lý giỏ hàng và thanh toán. Đề tài giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một hệ thống bán hàng trực tuyến hoàn chỉnh.
111	Xây dựng hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến	Ngô Tân	Trần Nguyên Phong	Phát triển một nền tảng học tập hiện đại, đa nền tảng, hỗ trợ quản lý khóa học, bài giảng, bài kiểm tra và nhóm học tập, đồng thời tích hợp các tính năng tương tác thời gian thực như chat, hỏi đáp và thông báo. Hệ thống được xây dựng bằng các công nghệ Java Spring Boot, ReactJS, Flutter, WebSocket, sử dụng MySQL và MongoDB làm cơ sở dữ liệu, với mục tiêu thân thiện, dễ sử dụng, bảo mật tốt và có khả năng mở rộng.
112	Hệ thống quản lý y tế các cơ sở khám chữa bệnh	Nguyễn Xuân Hoàng Thiệu	Trần Nguyên Phong	Khóa luận tập trung nghiên cứu và phát triển hệ thống quản lý y tế, nhằm số hóa quy trình khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế ở Thành phố Huế, sử dụng iPad để hỗ trợ bác sĩ và điều dưỡng. Hệ thống hỗ trợ ba

				<p>nhóm người dùng: Admin, Bác sĩ, và Điều dưỡng, với các chức năng như quản lý hồ sơ bệnh nhân, lập y lệnh, chẩn đoán, tờ điều trị, phiếu chăm sóc, cấp thuốc, và báo cáo thống kê.</p> <p>Về mặt kỹ thuật, hệ thống được xây dựng trên nền tảng .NET Core và Blazor cho backend và frontend, sử dụng SQL Server để lưu trữ dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Y tế (Thông tư 46/2018/TT-BYT và 32/2023/TT-BYT). Các công cụ như Visual Studio, TortoiseSVN được sử dụng để phát triển và kiểm thử. Dữ liệu được bảo mật và hệ thống cung cấp giao diện thân thiện, tối ưu hóa quy trình, giảm sai sót và nâng cao hiệu quả chăm sóc y tế.</p>
113	Xây dựng hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến	Nguyễn Đình Tiến	Trần Nguyên Phong	Phát triển một nền tảng học tập hiện đại, đa nền tảng, hỗ trợ quản lý khóa học, bài giảng, bài kiểm tra và nhóm học tập, đồng thời tích hợp các tính năng tương tác thời gian thực như chat, hỏi đáp và thông báo. Hệ thống được xây dựng bằng các công nghệ Java Spring Boot, ReactJS, Flutter, WebSocket, sử dụng MySQL và MongoDB làm cơ sở dữ liệu, với mục tiêu thân thiện, dễ sử dụng, bảo mật tốt và có khả năng mở rộng.
114	Xây dựng hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến	Nguyễn Đắc Tịnh	Trần Nguyên Phong	Phát triển một nền tảng học tập hiện đại, đa nền tảng, hỗ trợ quản lý khóa học, bài giảng, bài kiểm tra và nhóm học tập, đồng thời tích hợp các tính năng tương tác thời gian thực như chat, hỏi đáp và thông báo. Hệ thống được xây dựng bằng các công nghệ Java Spring Boot, ReactJS, Flutter, WebSocket, sử dụng MySQL và MongoDB làm cơ sở dữ liệu, với mục tiêu thân thiện, dễ sử dụng, bảo mật tốt và có khả năng mở rộng.
115	Xây dựng Website đặt vé xem phim	Nguyễn Thị Vân Anh	Trần Thanh Lương	Đề tài xây dựng một website đặt vé xem phim trực tuyến giúp người dùng dễ dàng tra cứu thông tin phim, chọn suất chiếu, đặt vé và thanh toán nhanh chóng. Hệ thống hỗ trợ phân quyền người dùng và quản trị viên, tối ưu quy trình quản lý phim, vé, suất chiếu và thống kê doanh thu. Website được phát triển với công nghệ Java, sử dụng mô hình MVC và đảm bảo tính bảo mật thông tin qua

				Spring Security. Sản phẩm nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng, đồng thời hỗ trợ các rạp phim vận hành hiệu quả hơn.
116	Xây dựng hệ thống quản lý phòng khám thú y Thanh Đàm	Trương Văn Nhật	Trần Thanh Lương	Đề tài xây dựng hệ thống quản lý phòng khám thú y Thanh Đàm, tối ưu quy trình đặt lịch, khám bệnh, bán hàng, quản lý kho, nhân viên và thống kê. Hệ thống sử dụng .NET, SQL Server, mô hình MVC, đảm bảo bảo mật. Phần mềm tự động hóa, nâng cao hiệu quả, minh bạch, cải thiện dịch vụ, tăng trải nghiệm khách hàng.
117	Tìm hiểu BPMN và ứng dụng vào mô hình hóa quy trình đăng ký học phần sinh viên	Nguyễn Viết Long	Trần Thị Phương Chi	Đề tài nghiên cứu BPMN 2.0, phân tích ký hiệu, áp dụng mô hình hóa quy trình đăng ký học phần. Xây dựng mô hình As-Is, To-Be, tích hợp chatbot Dialogflow. Hệ thống tối ưu kiểm tra điều kiện, lịch học. Đề xuất thử nghiệm thực tế, tích hợp AI, blockchain, nâng cao hiệu quả quản lý học vụ.
118	Xây dựng Website bán thiết bị công nghệ	Nguyễn Tuấn Vũ	Võ Việt Dũng	Đề tài xây dựng website bán thiết bị công nghệ giúp khách hàng dễ dàng tìm kiếm, đặt hàng, tra cứu đơn hàng, xem tin tức, xem sản phẩm, mua sản phẩm. Website phân quyền admin, nhân viên, khách hàng. Hệ thống giúp dễ dàng quản lý thống kê doanh thu, sản phẩm, nhân viên, đơn hàng, đánh giá, bảo hành, tin tức. Hệ thống website được phát triển trên ngôn ngữ PHP, sử dụng mô hình MVC.
119	Xây dựng website bán hàng và tư vấn dịch vụ	Bùi Minh Tuấn	Nguyễn Hoàng Hà	Đề tài nghiên cứu và xây dựng một hệ thống website thương mại điện tử chuyên về mô hình Gundam, cung cấp đa dạng dịch vụ bao gồm: bán mô hình Gundam các loại, cho thuê công cụ/dụng cụ lắp ráp mô hình chuyên nghiệp, và dịch vụ lắp ráp mô hình theo yêu cầu. Kèm theo đó là hệ thống chatbox AI tư vấn, giao tiếp, hỗ trợ khách hàng 24/24.
<b>Khoa Điện, Điện tử và Công nghệ vật liệu</b>				
1	Hệ thống kiểm soát ra vào cửa bằng nhận diện khuôn mặt và RFID trên nền tảng Raspberry Pi	Nguyễn Lê Đăng Quang	Hồ Đức Tâm Linh	Hệ thống kiểm soát ra vào cửa thông minh được xây dựng trên nền tảng Raspberry Pi, kết hợp nhận diện khuôn mặt và thẻ RFID. Hệ thống sử dụng OpenCV và thư viện face_recognition để xử lý nhận dạng khuôn mặt cục bộ, đảm bảo dữ liệu

				riêng tư. Thiết bị đọc RFID RC522 giúp xác thực người dùng qua mã số định danh của thẻ từ. Người dùng có thể mở cửa bằng cách quét thẻ RFID hoặc xác thực khuôn mặt qua camera. Khi một trong hai phương thức xác thực hợp lệ, Raspberry Pi sẽ kích hoạt mạch điều khiển để mở khóa cửa.
2	Hệ thống kiểm soát ra vào cửa bằng nhận diện khuôn mặt và RFID trên nền tảng Raspberry Pi	Nguyễn Công Chí Hùng	Hồ Đức Tâm Linh	Trích xuất, sao lưu thông tin người dùng sau khi mở cửa
3	Tìm hiểu và mô phỏng thành phố thông minh sử dụng công nghệ IoT bằng phần mềm Packet Tracer	Trần Thị Thu Hiền	Hồ Đức Tâm Linh	Đề tài tập trung nghiên cứu các thành phần cốt lõi của hệ thống thành phố thông minh ứng dụng công nghệ IoT, bao gồm cảm biến, kết nối, nền tảng dữ liệu và các dịch vụ số. Mục tiêu là hiểu cách IoT thu thập, truyền và phân tích dữ liệu thời gian thực để tối ưu giao thông, năng lượng, môi trường và an ninh. Đề tài xây dựng mô phỏng minh họa hoạt động của các mô-đun IoT trong đô thị, qua đó đánh giá hiệu quả, khả năng mở rộng và mức ứng dụng thực tiễn.
4	Tìm hiểu và mô phỏng thành phố thông minh sử dụng công nghệ IoT bằng phần mềm Packet Tracer	Nguyễn Hoàng Huy	Hồ Đức Tâm Linh	Đề tài tập trung nghiên cứu các thành phần cốt lõi của hệ thống thành phố thông minh ứng dụng công nghệ IoT, bao gồm cảm biến, kết nối, nền tảng dữ liệu và các dịch vụ số. Mục tiêu là hiểu cách IoT thu thập, truyền và phân tích dữ liệu thời gian thực để tối ưu giao thông, năng lượng, môi trường và an ninh. Đề tài xây dựng mô phỏng minh họa hoạt động của các mô-đun IoT trong đô thị, qua đó đánh giá hiệu quả, khả năng mở rộng và mức ứng dụng thực tiễn.
5	Tìm hiểu chuẩn Wi-Fi 802.11be và tối ưu vùng phủ sóng sử dụng công nghệ AI	Nguyễn Võ Hồng Phúc	Hồ Đức Tâm Linh	Đề tài tập trung nghiên cứu chuẩn Wi-Fi 802.11be (Wi-Fi 7) với các đặc tính nổi bật như băng thông cao, độ trễ thấp và khả năng đa liên kết, giúp tăng hiệu suất truyền dữ liệu trong môi trường đông thiết bị. Bên cạnh việc phân tích kiến trúc và cơ chế hoạt động của 802.11be, đề tài còn ứng dụng công nghệ AI để tối ưu vùng phủ sóng, dự đoán nhiễu và điều chỉnh cấu hình mạng theo thời gian thực. Thông qua mô phỏng và đánh giá, đề tài nhằm đề xuất giải

				pháp cải thiện chất lượng kết nối, giảm nghẽn mạng và nâng cao trải nghiệm người dùng.
6	Tìm hiểu và nghiên cứu phương pháp thiết kế, tối ưu mạng Wi-Fi	Phan Trọng Toàn	Hồ Đức Tâm Linh	Đề tài tập trung tìm hiểu các nguyên lý, mô hình và tiêu chí trong thiết kế mạng Wi-Fi, bao gồm khảo sát môi trường, lựa chọn vị trí thiết bị, kênh tần số và chuẩn kết nối phù hợp. Bên cạnh đó, đề tài nghiên cứu các phương pháp tối ưu mạng như giảm nhiễu, cân bằng tải, tối ưu công suất phát và quản lý băng thông. Thông qua phân tích, mô phỏng và đánh giá hiệu năng, đề tài đề xuất quy trình thiết kế mạng Wi-Fi hiệu quả, đảm bảo vùng phủ sóng rộng, tốc độ ổn định và trải nghiệm người dùng tốt.
7	Tìm hiểu và ứng dụng mô hình SVM trong giám méo phi tuyến cho hệ thống thông tin quang tốc độ cao	Nguyễn Đăng Nhật	Vương Quang Phước	Đề tài tìm hiểu và ứng dụng SVM cho hệ thống thông tin quang tốc độ cao. Thực hiện khảo sát ảnh hưởng của các siêu tham số $C$ , $\gamma$ và các loại kernel khác nhau đến khả năng phân loại của mô hình SVM. Bên cạnh đó, tác động của kích thước tập dữ liệu đến độ chính xác và khả năng tổng quát hóa của mô hình cũng được đánh giá. Các thí nghiệm khảo sát mô hình SVM được thực hiện và triển khai trên nền tảng Google Colab.
8	Xây dựng và mô phỏng hệ thống bảo mật mạng doanh nghiệp sử dụng FortiGate trên GNS3	Đặng Ngọc Sơn	Vương Quang Phước	Đề tài tập trung xây dựng và mô phỏng một hệ thống bảo mật mạng cho doanh nghiệp trên phần mềm GNS3. Trong mô hình này, các chức năng bảo mật cơ bản như NAT, VLAN, Web Filter và VPN được cấu hình trên tường lửa FortiGate nhằm nâng cao mức độ an toàn và bảo vệ dữ liệu cho hệ thống mạng.
9	Tìm hiểu và ứng dụng mô hình KAN trong xử lý tín hiệu cho hệ thống thông tin quang cự ly ngắn	Nguyễn Tuấn Vinh	Vương Quang Phước	Đề tài tập trung tìm hiểu và ứng dụng mô hình Kolmogorov–Arnold Network (KAN) trong hệ thống thông tin quang cự ly ngắn. Mô hình KAN được triển khai trên nền tảng Google Colab và đánh giá hiệu quả hoạt động trong các điều kiện tỉ số tín hiệu trên nhiễu (SNR) khác nhau. Thông qua các thí nghiệm mô phỏng, đề tài nhằm đánh giá khả năng áp dụng của KAN trong xử lý tín hiệu và cải thiện chất lượng truyền dẫn cho hệ thống thông tin quang cự ly ngắn.

10	<p>Tìm hiểu và thực thi hệ thống chống ngập tự động</p>	Võ Hữu Quý	Hoàng Đại Long	<p>Tìm hiểu về các giải pháp chống ngập tự động cho căn hộ gia đình. Thực thi mô hình chống ngập tự động bằng cách đóng rào chắn tự động sử dụng cảm biến.</p>
<b>Khoa Hóa học</b>				
1	<p>Nghiên cứu tổng hợp Vật liệu nanocomposite <math>\alpha</math>-<math>Fe_2O_3/Ag_2MOO_4/AgBr</math> và ứng dụng xúc tác quang phân hủy chất màu hữu cơ</p>	Nguyễn Văn Quốc Khải	Hồ Văn Minh Hải	<p>Nghiên cứu tổng hợp Vật liệu nanocomposite <math>\alpha</math>-<math>Fe_2O_3/Ag_2MOO_4/AgBr</math> và ứng dụng xúc tác quang phân hủy chất màu hữu cơ</p>
2	<p>Đánh giá ô nhiễm vi nhựa trong trầm tích đầm Cầu Hai</p>	Trương Thảo Ly	Trần Thị Ái Mỹ	<p>Đánh giá ô nhiễm vi nhựa trong trầm tích đầm Cầu Hai</p>
3	<p>Xác định vi nhựa trong hào <i>Crassostrea gigas</i> ở đầm Cầu Hai, Huế</p>	Tôn Thị Thanh Thủy	Lê Thị Hòa	<p>Xác định vi nhựa trong hào <i>Crassostrea gigas</i> ở đầm Cầu Hai, Huế</p>
4	<p>Nghiên cứu xác định đồng thời Ranitidine và Metronidazole bằng phương pháp von-ampe quét thế tuyến tính sử dụng điện cực biến tính FU-ErGO/GCE</p>	Nguyễn Hà Trang	Nguyễn Hải Phong	<p>Nghiên cứu xác định đồng thời Ranitidine và Metronidazole bằng phương pháp von-ampe quét thế tuyến tính sử dụng điện cực biến tính FU-ErGO/GCE</p>
5	<p>Nghiên cứu hấp phụ đồng thời methylene blue và methyl orange trong dung dịch bằng vật liệu than sinh khối</p>	Đặng Thế Vũ	Trần Thanh Minh	<p>Nghiên cứu hấp phụ đồng thời methylene blue và methyl orange trong dung dịch bằng vật liệu than sinh khối</p>
6	<p>Nghiên cứu cơ chế quá trình proton hóa doxorubicin sử dụng tính toán lượng tử dựa trên cơ sở thực nghiệm quang phổ</p>	Lê Cảnh Tuấn	Bùi Quang Thành	<p>Nghiên cứu cơ chế quá trình proton hóa doxorubicin sử dụng tính toán lượng tử dựa trên cơ sở thực nghiệm quang phổ</p>
7	<p>Tính toán và thiết kế phân xưởng nghiền xi măng</p>	Huỳnh Thị Quyên	Hồ Văn Minh Hải	<p>Đề án tập trung vào việc <b>tính toán và thiết kế phân xưởng nghiền xi măng pozzolan PCB30</b> với năng</p>

	puzzolan PCB30 năng suất 800 ngàn tấn/năm.			<p><b>suất 800.000 tấn/năm</b>, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng ngày càng tăng và xu hướng sử dụng phụ gia khoáng hoạt tính nhằm giảm phát thải CO<sub>2</sub>. Nội dung đồ án bao gồm lựa chọn <b>dây chuyền công nghệ nghiền</b>, xác định <b>thành phần phối liệu</b>, tính cân bằng vật chất – năng lượng, và tính toán lựa chọn <b>các thiết bị chính</b> như máy nghiền bi, phân ly hiệu suất cao, hệ thống lọc bụi, vận chuyển và đóng bao. Bên cạnh đó, đồ án cũng đề cập đến <b>thiết kế mặt bằng phân xưởng</b>, yêu cầu về <b>an toàn – môi trường</b>, và đánh giá hiệu quả kinh tế. Kết quả cho thấy phương án thiết kế đáp ứng yêu cầu về <b>năng suất, chất lượng xi măng PCB30</b>, đồng thời đảm bảo <b>tiết kiệm năng lượng</b>, giảm hao mòn thiết bị và phù hợp với điều kiện sản xuất công nghiệp hiện đại.</p>
8	Tính toán và thiết kế phân xưởng lò nung clinker phương pháp khô lò quay năng suất 900 ngàn tấn/năm.	Nguyễn Thị Kim Hậu	Hồ Văn Minh Hải	<p>Đồ án nghiên cứu tính toán và thiết kế phân xưởng lò nung clinker theo phương pháp khô – lò quay với năng suất thiết kế 900.000 tấn clinker/năm. Mục tiêu là lựa chọn công nghệ, xác định cân bằng vật chất – năng lượng, tính toán và lựa chọn các thiết bị chính ( hệ tiền xử lý – mương phối liệu, tháp tiền nhiệt nhiều tầng + calciner, lò quay, máy làm nguội clinker, hệ xử lý khí thải, băng tải, silo lưu trữ clinker), thiết kế mặt bằng phân xưởng, giải pháp an toàn lao động và môi trường, đồng thời đánh giá sơ bộ hiệu quả kỹ thuật – kinh tế. Đồ án nêu rõ các giả thiết thiết kế, phương pháp tính, các bảng tính chi tiết và đề xuất chọn thiết bị.</p>
9	Tính toán thông số thiết bị nghiền bi và phân ly thu hồi xi măng PCB40 đồng bộ năng suất 600.000 tấn/năm	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Bùi Quang Thành	<p>Nghiền clinker và phân ly thu hồi là công đoạn cuối cùng trong quá trình sản xuất xi măng. Thiết bị nghiền bi và cyclone phân ly cần hoạt động liên tục trong cùng một dây chuyền của trạm nghiền. Do đó, các thiết bị này được tính toán lại các thông số kỹ thuật để đảm bảo sự vận hành liên tục dựa trên đồng bộ hóa cân bằng dòng vật liệu. Từ kết quả tính toán và tham khảo các dây chuyền tại các nhà máy hiện có tại Thừa Thiên Huế, các thiết bị được đề xuất lựa chọn để phù hợp với dây chuyền nghiền xi</p>

				măng PCB40 hoạt động đồng bộ đạt năng suất 600.000 tấn/năm.
10	Xây dựng thuật toán cho chương trình tính toán năng lượng quá trình nghiền vật liệu theo mô hình Bond	Đặng Văn Huy	Bùi Quang Thành	Trong ngành công nghiệp nặng, quá trình nghiền là quá trình tiêu tốn năng lượng lớn nhất, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng mức tiêu thụ điện năng của quá trình sản xuất. Việc tính toán, tối ưu năng lượng cho quá trình này đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả vận hành và giảm chi phí sản xuất. Do đó, một thuật toán tính toán ban đầu cho năng lượng quá trình nghiền theo mô hình Bond được xây dựng. Sản phẩm của đề tài là một mã nguồn (bằng ngôn ngữ C#) có thể được chuyên giao cho các bước phát triển tiếp nối - hoàn thiện hoặc ứng dụng giảng dạy - học tập cho Ngành CNKTHH (tại Khoa Hóa học - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế).
11	Tính toán và thiết kế phân xưởng nghiền xi măng PCB30 năng suất 5500 tấn/ngày	Nguyễn Đăng Đại	Trần Thanh Minh	
12	Tính toán và thiết kế phân xưởng nung clinker phương pháp khô để sản xuất xi măng PCB40 năng suất 5500 tấn/ngày	Lê Thị Nguyệt	Trần Thanh Minh	
13	Tính toán và thiết kế lò nung clinker để sản xuất xi măng PCB40 theo phương pháp khô với năng suất 1.500.000 tấn/năm.	Hoàng Minh Phúc	Lê Lâm Sơn	Đề án này tập trung vào việc tính toán và thiết kế lò nung clinker – thiết bị cốt lõi trong dây chuyền sản xuất xi măng – nhằm đáp ứng mục tiêu năng suất cao là 1.500.000 tấn xi măng PCB40 mỗi năm theo phương pháp khô hiện đại. Quá trình thực hiện đề án bao gồm các bước chính: Xác định yêu cầu kỹ thuật và công nghệ; Tính toán cân bằng vật chất và cân bằng nhiệt; Tính toán nhiệt lượng cần thiết cho quá trình nung clinker; Thiết kế hình học lò nung; Lựa chọn vật liệu và cơ cấu; Phân tích và tối ưu hóa hiệu suất; Đề án cung cấp các yếu tố thiết kế kỹ thuật hoàn chỉnh cho một đơn vị sản xuất xi măng, giúp nhà máy: Đảm bảo chất lượng sản phẩm PCB40 theo tiêu chuẩn, đạt được năng suất

				1.500.000 tấn/năm và áp dụng công nghệ tiên tiến (phương pháp khô) để tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.
14	Nghiên cứu điều chế vật liệu composite dựa trên hoạt tính chống oxy hoá của cao chiết An xoa ứng dụng bảo quản chuối	Koy Thammavong	Lê Trung Hiếu	Kết quả đồ án cho thấy, vật liệu composite chitosan/collagen/SiO <sub>2</sub> kết hợp với chiết xuất H. hirsuta (Chs/Col/SiO <sub>2</sub> /HHE) thể hiện khả năng ức chế gốc tự do đáng kể trong thử nghiệm chống oxy hóa và khả năng duy trì chất lượng chuối tốt trong 10 ngày. Các kết quả này chỉ ra tiềm năng của chiết xuất H. hirsuta và vật liệu hydrogel Chs/Col/SiO <sub>2</sub> /HHE trong các ứng dụng thực phẩm.
<b>Khoa Sinh học</b>				
1	Phân lập, định danh, xác định đặc điểm sinh học của nấm Colletotrichum gây bệnh thán thư trên cây cà phê	Cao Ngọc Phương Anh	Phan Thị Thúy Hằng	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định chính xác tác nhân gây bệnh thán thư trên cây cà phê thông qua ba giai đoạn. Đầu tiên, nấm được phân lập từ các mẫu lá bệnh trên môi trường PDA, làm thuần và khẳng định độc lực qua phương pháp lây nhiễm nhân tạo bằng cách áp thạch. Thứ hai, nhóm tác nhân được định danh bằng cách kết hợp đặc điểm hình thái vi thể với kỹ thuật phân tử đa locus. Cuối cùng, kết quả xác định loài cụ thể thuộc chi Colletotrichum cùng các đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh điển hình.
2	Phân bố và đa dạng haplotype của cỏ biển ở Khu Dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm	Nguyễn Quang Tô	Phan Thị Thúy Hằng	Nghiên cứu đặc điểm phân bố và đa dạng haplotype của thảm cỏ biển tại Khu Dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm nhằm đánh giá cấu trúc di truyền và mức độ kết nối giữa các quần thể ven bờ, phục vụ định hướng bảo tồn và phục hồi. Thảm cỏ biển phân bố chủ yếu ở các vùng ven bờ nông quanh đảo nhưng đã suy giảm về diện tích và độ phủ do tác động của du lịch và biến đổi môi trường. Phân tích chỉ thị phân tử giúp làm rõ biến dị di truyền và khả năng trao đổi gen giữa các trạng cỏ biển, cung cấp cơ sở khoa học cho bảo tồn và duy trì chức năng sinh thái hệ sinh thái ven biển Cù Lao Chàm.
3	Tối ưu hoá điều kiện nuôi cấy chủng Gongronella butleri để thu nhận chitinase và tạo chế	Ngô Ngọc Lan Anh	Nguyễn Minh Trí	Tối ưu điều kiện nuôi cấy chủng Gongronella butleri từ đó xác định thời gian là 30 độ, trong 72 giờ, pH 6 và nồng độ cơ chất là 10% là thích hợp nhất.

	phẩm chitin oligosaccharide từ vỏ tôm.			Xác định hoạt độ enzyme chitinase hoạt động mạnh nhất ở pH 5,5 và nhiệt độ 40 độ. Ứng dụng làm chế phẩm chitin oligosaccharide sử dụng trong kích thích tăng trưởng cây trồng.
4	Điều chế enzyme amylase cố định và ứng dụng trong chế biến siro glucose	Nguyễn Thị ThùyLinh	Nguyễn Minh Trí	Tối ưu các điều kiện nuôi cấy của chủng vi khuẩn <i>Bacillus amyloliquefaciens</i> và từ đó xác định được thời gian là 48 giờ, pH là 6 và nhiệt độ tối ưu là 40°C là thích hợp nhất. Xác định hoạt độ amylase hoạt động mạnh nhất ở pH 6, nhiệt độ 40°C và ion kim loại tối ưu cho amylase phản ứng là NaCl. Khảo sát một số ảnh hưởng đến hoạt độ enzyme cố định từ đó xác định được nồng độ alginate tối ưu cho enzyme cố định là 3% và số lần tái sử dụng của enzyme cố định. Ứng dụng enzyme cố định để chế biến siro glucose.
5	Phân lập và đặc trưng hoá hai gen PG40693 và PG26994 liên quan đến sinh tổng hợp ginsenoside ở sâm Ngọc Linh	Lê Hoàng MinhChâu	Nguyễn Quang Đức Tiến	Gen PG26994 thuộc họ gen bHLH được phân lập ở sâm Ngọc Linh và giải trình tự gen. Trên cơ sở trình tự thu được, protein do gen PG26994 mã hóa được dự đoán và phân tích cấu trúc và chức năng
6	Phân lập và đặc trưng hoá hai gen PgTCP20-06 và PgTCP26-03 liên quan đến sinh tổng hợp ginsenoside ở sâm Ngọc Linh	Văn Thị MỹLê	Nguyễn Quang Đức Tiến	Nghiên cứu tập trung phân lập hai gen PgTCP26-03 và PgTCP20-06 thuộc họ gen TCP, là nhóm họ gen phiên mã liên quan đến quá trình điều hòa sinh tổng hợp ginsenoside ở sâm Ngọc Linh. Mẫu nghiên cứu là rễ bất định sâm Ngọc Linh, từ đó RNA tổng số được tách chiết, loại bỏ genomic DNA tạp nhiễm, tổng hợp cDNA và khuếch đại gen bằng PCR. Các gen sau khi phân lập được giải trình tự bằng phương pháp Sanger nhằm xác định trình tự nucleotide, phục vụ cho việc nhận dạng gen và các phân tích tin sinh học tiếp theo. Trên cơ sở trình tự gen thu được, tiến hành chú giải trình tự, dự đoán và phân tích cấu trúc chức năng protein của gen.
7	Nghiên cứu một số hoạt chất sinh học của nấm Tràm ( <i>Tylophilus felleus</i> )	Lê CaoKỳ	Lê Thị Hà Thanh	Nấm tràm phân bố nhiều nhất ở các tỉnh miền Trung như Quảng Trị, thành phố Huế. Nấm Tràm là loài nấm ăn có giá trị dinh dưỡng, được người dân địa phương khai thác và

	(Bull.) P.Karst.) ở tỉnh Quảng Trị			sử dụng từ lâu. Tuy nhiên, đến nay, các nghiên cứu về nấm Tràm tại Việt Nam còn rất hạn chế, chủ yếu chỉ mô tả hình thái học và một số thành phần cơ bản. Nội dung nghiên cứu của đề tài là định danh phân tử và phân tích các hoạt chất sinh học của nấm Tràm thu thập tại tỉnh Quảng Trị. Kết quả định danh dựa trên trình tự vùng gen ITS cho thấy mẫu nấm Tràm thu được có độ tương đồng 100% với loài <i>Tilopilus felleus</i> . Các mẫu nấm Tràm được tách chiết và phân tích hàm lượng protein, phenol, polysaccharide, cũng như đánh giá khả năng chống oxy hóa của polysaccharide từ nấm Tràm.
8	Nghiên cứu nuôi cấy mô ở lan <i>Dendrobium</i>	Trần Thị TràMy	Lê Văn Tường Huân	Nghiên cứu ảnh hưởng của các chất điều hòa sinh trưởng lên khả năng tạo chồi và tạo rễ in vitro ở cây lan <i>Dendrobium</i> đã được thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy môi trường có bổ sung benzyl amino purine kết hợp với $\alpha$ -naphthaleneacetic acid kích thích tạo chồi trong điều kiện in vitro. Môi trường có bổ sung $\alpha$ -naphthaleneacetic acid kích thích sự tạo rễ của chồi in vitro.
9	Khảo sát sự biểu hiện đa gene ở nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bằng trình tự nhảy ribosome 2A	Huỳnh Thị KimNgân	Nguyễn Ngọc Lương	Kế thừa kết quả đánh giá khả năng biểu hiện đa gene của trình tự nhảy ribosome 2A đối với gene mCherry và eGFP Tiến hành biểu hiện thử nghiệm bề mặt nấm men đồng thời với biểu hiện nội bào eGFP. Protein bề mặt là epitope HA được biểu hiện bề mặt thông qua protein gắn màng CWP2 và SED1 Tạo cấu trúc biểu hiện xuôi và ngược: prepro-Co1HA-CWP2-2A-eGFP và eGFP-2A-prepro-Co1HA-CWP2 và prepro-Co1HA-SED1-2A-eGFP và eGFP-2A-prepro-Co1HA-SED1 Chứng minh được rằng prepro-Co1HA-CWP2-2A-eGFP có khả năng biểu hiện đồng thời eGFP nội bào và Co1HA ngoại bào. Các cấu trúc còn lại không thể biểu hiện Đang tiến hành kiểm tra Western blot để xác định nguyên nhân vì sau các cấu trúc còn lại không thể biểu hiện đồng thời bề mặt và nội bào

10	Sử dụng sinh khối tảo tự nhiên để điều chế phân bón thủy canh	Hồ Thị ÁiNhi	Lương Quang Đốc	Vi tảo làm phân bón hữu cơ sinh học bằng cách thu sinh khối ở hồ Trái Tim để vừa giải quyết tình trạng tảo nở hoa làm ảnh hưởng đến môi trường và thẩm mỹ vừa thay thế được phân bón vô cơ giảm thiểu biến đổi khí hậu. Thí nghiệm đánh giá tác động dịch chiết của vi tảo lên sự nảy mầm và sinh trưởng của cây cải bẹ xanh và xà lách cho thấy có sự chênh lệch nhẹ giữa dung dịch chiết vi tảo và dung dịch đối chứng là nước, thể hiện rõ sự khác biệt về sự sinh trưởng của giữa dung dịch tảo thấp hơn dung dịch vô cơ ở ngoài thị trường. Tuy chúng không kích thích mạnh mẽ so với phân bón vô cơ nhưng có ảnh hưởng tích cực đến quá trình phát triển của cây con.
11	So sánh thành phần hợp chất sinh học và hoạt tính sinh học của lá non và lá già cây Xương Khi (Clinacanthus nutans)	Nguyễn DuyRôn	Chế Thị Cẩm Hà	Xác định thành phần hợp chất đặc trưng từng độ tuổi, kết hợp Phân tích đa biến làm rõ sự phân hóa chuyên hóa hợp chất thứ cấp theo tuổi sinh trưởng của cây. So sánh hoạt tính chống oxy hóa và hoạt tính kháng khuẩn của 2 giai đoạn sinh trưởng. Xác lập mối liên hệ giữa flavonoid và hoạt tính sinh học. Hoạt tính kháng viêm theo mô hình ức chế biến tính protein (albumin).
12	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới (Next-Generation Sequencing – NGS) trong chẩn đoán sớm các bất thường di truyền và nhiễm sắc thể ở thai nhi thông qua mẫu dịch ối	Võ Thị AnhThư	Chế Thị Cẩm Hà	Các bất thường di truyền và nhiễm sắc thể là nguyên nhân quan trọng gây dị tật bẩm sinh và các rối loạn phát triển ở thai nhi. Mặc dù các phương pháp sàng lọc không xâm lấn như siêu âm và NIPT được sử dụng rộng rãi, chúng chỉ mang tính sàng lọc và còn hạn chế trong phát hiện các bất thường cấu trúc nhỏ. Do đó, chẩn đoán xâm lấn từ mẫu dịch ối vẫn đóng vai trò quan trọng, với các kỹ thuật truyền thống như karyotype, QF-PCR, CMA và đặc biệt là giải trình tự gen thế hệ mới (NGS), giúp nâng cao độ phân giải và hiệu quả phát hiện các bất thường di truyền trước sinh.
13	Nghiên cứu nấm mốc có khả năng phân giải cellulose	Lê Quý TuệNhi	Hoàng Dương Thu Hương	Nghiên cứu phân lập và đánh giá khả năng phân giải cellulose của các chủng nấm mốc từ rơm rạ tại thành phố Huế đã được thực hiện. Kết quả

	từ rom rạ tại Thành phố Huế			cho thấy một số chủng nấm mốc có khả năng sinh trưởng tốt và tạo vòng phân giải cellulose rõ rệt trên môi trường CMC, thể hiện tiềm năng ứng dụng trong xử lý rom rạ.
14	Tính toán và thiết kế phân xưởng nghiền xi măng puzzolan PCB30 năng suất 800 ngàn tấn/năm.	Huỳnh Thị Quyên	Hồ Văn Minh Hải	Đồ án tập trung vào việc <b>tính toán và thiết kế phân xưởng nghiền xi măng puzzolan PCB30</b> với <b>năng suất 800.000 tấn/năm</b> , đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng ngày càng tăng và xu hướng sử dụng phụ gia khoáng hoạt tính nhằm giảm phát thải CO <sub>2</sub> . Nội dung đồ án bao gồm lựa chọn <b>dây chuyền công nghệ nghiền</b> , xác định <b>thành phần phối liệu</b> , tính cân bằng vật chất – năng lượng, và tính toán lựa chọn <b>các thiết bị chính</b> như máy nghiền bi, phân ly hiệu suất cao, hệ thống lọc bụi, vận chuyển và đóng bao. Bên cạnh đó, đồ án cũng đề cập đến <b>thiết kế mặt bằng phân xưởng</b> , yêu cầu về <b>an toàn – môi trường</b> , và đánh giá hiệu quả kinh tế. Kết quả cho thấy phương án thiết kế đáp ứng yêu cầu về <b>năng suất, chất lượng xi măng PCB30</b> , đồng thời đảm bảo <b>tiết kiệm năng lượng</b> , giảm hao mòn thiết bị và phù hợp với điều kiện sản xuất công nghiệp hiện đại.
15	Tính toán và thiết kế phân xưởng lò nung clinker phương pháp khô lò quay năng suất 900 ngàn tấn/năm.	Nguyễn Thị Kim Hậu	Hồ Văn Minh Hải	Đồ án nghiên cứu tính toán và thiết kế phân xưởng lò nung clinker theo phương pháp khô – lò quay với năng suất thiết kế 900.000 tấn clinker/năm. Mục tiêu là lựa chọn công nghệ, xác định cân bằng vật chất – năng lượng, tính toán và lựa chọn các thiết bị chính ( hệ tiền xử lý – mương phối liệu, tháp tiền nhiệt nhiều tầng + calciner, lò quay, máy làm nguội clinker, hệ xử lý khí thải, băng tải, silo lưu trữ clinker), thiết kế mặt bằng phân xưởng, giải pháp an toàn lao động và môi trường, đồng thời đánh giá sơ bộ hiệu quả kỹ thuật – kinh tế. Đồ án nêu rõ các giả thiết thiết kế, phương pháp tính, các bảng tính chi tiết và đề xuất chọn thiết bị.
16	Tính toán thông số thiết bị nghiền bi và phân ly thu hồi xi măng PCB40 đồng bộ năng suất 600.000 tấn/năm	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Bùi Quang Thành	Nghiền clinker và phân ly thu hồi là công đoạn cuối cùng trong quá trình sản xuất xi măng. Thiết bị nghiền bi và cyclone phân ly cần hoạt động liên tục trong cùng một dây chuyền của trạm nghiền. Do đó, các thiết bị này được tính toán lại các thông số

				kỹ thuật để đảm bảo sự vận hành liên tục dựa trên đồng bộ hóa cân bằng dòng vật liệu. Từ kết quả tính toán và tham khảo các dây chuyền tại các nhà máy hiện có tại Thừa Thiên Huế, các thiết bị được đề xuất lựa chọn để phù hợp với dây chuyền nghiền xi măng PCB40 hoạt động đồng bộ đạt năng suất 600.000 tấn/năm.
17	Xây dựng thuật toán cho chương trình tính toán năng lượng quá trình nghiền vật liệu theo mô hình Bond	Đặng Văn Huy	Bùi Quang Thành	Trong ngành công nghiệp nặng, quá trình nghiền là quá trình tiêu tốn năng lượng lớn nhất, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng mức tiêu thụ điện năng của quá trình sản xuất. Việc tính toán, tối ưu năng lượng cho quá trình này đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả vận hành và giảm chi phí sản xuất. Do đó, một thuật toán tính toán ban đầu cho năng lượng quá trình nghiền theo mô hình Bond được xây dựng. Sản phẩm của đề tài là một mã nguồn (bằng ngôn ngữ C#) có thể được chuyển giao cho các bước phát triển tiếp nối - hoàn thiện hoặc ứng dụng giảng dạy - học tập cho Ngành CNKTHH (tại Khoa Hóa học - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế).
18	Tính toán và thiết kế phân xưởng nghiền xi măng PCB30 năng suất 5500 tấn/ngày	Nguyễn Đăng Đại	Trần Thanh Minh	
19	Tính toán và thiết kế phân xưởng nung clinker phương pháp khô để sản xuất xi măng PCB40 năng suất 5500 tấn/ngày	Lê Thị Nguyệt	Trần Thanh Minh	
20	Tính toán và thiết kế lò nung clinker để sản xuất xi măng PCB40 theo phương pháp khô với năng suất 1.500.000 tấn/năm.	Hoàng Minh Phúc	Lê Lâm Sơn	Đề án này tập trung vào việc tính toán và thiết kế lò nung clinker – thiết bị cốt lõi trong dây chuyền sản xuất xi măng – nhằm đáp ứng mục tiêu năng suất cao là 1.500.000 tấn xi măng PCB40 mỗi năm theo phương pháp khô hiện đại. Quá trình thực hiện đề án bao gồm các bước chính: Xác định yêu cầu kỹ thuật và công nghệ; Tính toán cân bằng vật chất và cân bằng nhiệt; Tính toán nhiệt lượng cần thiết cho quá trình nung clinker; Thiết kế hình học lò nung;

				Lựa chọn vật liệu và cơ cấu; Phân tích và tối ưu hóa hiệu suất; Đồ án cung cấp các yếu tố thiết kế kỹ thuật hoàn chỉnh cho một đơn vị sản xuất xi măng, giúp nhà máy: Đảm bảo chất lượng sản phẩm PCB40 theo tiêu chuẩn, đạt được năng suất 1.500.000 tấn/năm và áp dụng công nghệ tiên tiến (phương pháp khô) để tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.
21	Nghiên cứu điều chế vật liệu composite dựa trên hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết An xoa ứng dụng bảo quản chuối	Koy Thammavong	Lê Trung Hiếu	Kết quả đồ án cho thấy, vật liệu composite chitosan/collagen/SiO2 kết hợp với chiết xuất H. hirsuta (Chs/Col/SiO2/HHE) thể hiện khả năng ức chế gốc tự do đáng kể trong thử nghiệm chống oxy hóa và khả năng duy trì chất lượng chuối tốt trong 10 ngày. Các kết quả này chỉ ra tiềm năng của chiết xuất H. hirsuta và vật liệu hydrogel Chs/Col/SiO2/HHE trong các ứng dụng thực phẩm.
<b>Khoa Địa lý – Địa chất</b>				
1				”Bỏ phố về quê” là hiện tượng nổi lên trên các trang mạng xã hội hiện nay trong tình trạng mật độ dân số tăng cao, chi phí sinh hoạt tăng nhanh và áp lực công việc nên mong muốn tìm kiếm cuộc sống yên bình, không khí trong lành. Thông qua tìm kiếm các bài báo việc “Bỏ phố về quê” và thu thông tin từ năm 2014 – 2024 cho đến nay. Với mục tiêu của đề tài này là sử dụng công nghệ GIS để phân tích xu hướng từ di chuyển đô thị về nông thôn, từ đó xác định đặc điểm nhân khẩu, nghề nghiệp, địa bàn xuất cư – nhập cư, đồng thời đề xuất các giải pháp phát triển nông thôn bền vững. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm thu thập dữ liệu thứ cấp từ báo chí, mạng xã hội và khảo sát trực tuyến thông qua ArcGIS Survey123, xử lý thống kê bằng Excel, phân tích SWOT và phân tích không gian bằng ArcGIS Desktop với các kỹ thuật như Kernel Density và Flow Mapping. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được hệ thống bản đồ không gian phản ánh rõ

				xu hướng di cư từ các đô thị lớn (như Hà Nội, TP.HCM) về các khu vực tiềm năng như Lâm Đồng, Quảng Nam, Tây Nguyên... Đồng thời, đề tài cũng đưa ra năm nhóm giải pháp trọng tâm về hạ tầng, sinh kế, quy hoạch và xã hội và nhận thức của người dân nhằm hỗ trợ quản lý và phát triển các vùng nông thôn đang thu hút cư dân “Bỏ phố về quê”.
2	Thực trạng phát triển giao thông xanh đô thị Huế hướng tới phát triển đô thị di sản bền vững	Nguyễn Thị Kim Anh	Đỗ Thị Việt Hương	Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực giao thông đô thị ngày càng tăng, phát triển giao thông xanh là một hướng đi cấp thiết nhằm giảm ô nhiễm và bảo tồn giá trị di sản tại các đô thị, đặc biệt là thành phố Huế – đô thị di sản đặc trưng của Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng phát triển hệ thống giao thông xanh tại đô thị Huế và đề xuất giải pháp thúc đẩy mô hình này theo hướng bền vững, phù hợp với định hướng đô thị di sản. Phương pháp nghiên cứu bao gồm thu thập tài liệu thứ cấp, khảo sát thực địa kết hợp khảo sát cộng đồng bằng bảng hỏi, sử dụng công cụ GIS (ArcGIS Online, Survey123) để thu thập, phân tích và trực quan hóa dữ liệu. Kết quả cho thấy Huế đã bước đầu hình thành các mô hình giao thông xanh như xe đạp công cộng, tuyến đi bộ ven sông Hương và bước đầu nhận được sự đồng thuận của cộng đồng. Đặc biệt, việc xây dựng và ứng dụng Bản đồ số Dashboard giao thông xanh đã hỗ trợ trực quan hóa thông tin về trạm xe đạp, tuyến đi bộ - đạp xe và giúp quản lý, giám sát hệ thống giao thông xanh hiệu quả hơn. Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, quy hoạch và triển khai giao thông xanh tại Huế, góp phần phát triển thành phố theo hướng xanh - sạch - bền vững, gắn với bảo tồn giá trị di sản văn hóa.
3	Đánh giá tình hình thực hiện quy	Trần Văn Trọng	Đỗ Thị Việt Hương	Thị xã Hương Thủy đang đối mặt với áp lực phát triển đô thị, công

	<p>hoạch, kế hoạch sử dụng đất thị xã Hương Thủy, thành phố</p>			<p>nghiệp, dẫn đến nhu cầu sử dụng đất gia tăng. Khóa luận nhằm đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2020–2024 và đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2025–2030. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phân tích – tổng hợp số liệu và so sánh chênh lệch giữa thực tế và quy hoạch. Kết quả cho thấy một số loại đất như đất công trình công cộng, đất quốc phòng, đất hạ tầng kỹ thuật có tỷ lệ thực hiện rất thấp, chủ yếu do khó khăn về vốn và giải phóng mặt bằng. Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho công tác điều chỉnh và triển khai quy hoạch sử dụng đất hiệu quả, phù hợp định hướng phát triển bền vững của địa phương.</p>
4	<p>Thực trạng quản lý cây xanh đô thị tại quận Thuận Hoà và quận Phú Xuân, thành phố Huế</p>	<p>Nguyễn Thanh Tùng</p>	<p>Đỗ Thị Việt Hương</p>	<p>Cây xanh đô thị đóng vai trò thiết yếu trong việc cải thiện vi khí hậu, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa và biến đổi khí hậu tại thành phố Huế. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý cây xanh đô thị tại quận Thuận Hóa và quận Phú Xuân – hai địa bàn trung tâm mới của thành phố Huế. Phương pháp nghiên cứu bao gồm: khảo sát thực địa, thu thập tài liệu thứ cấp, phân tích tổng hợp, so sánh. Kết quả cho thấy có sự chênh lệch đáng kể về diện tích và chất lượng quản lý cây xanh giữa hai quận, với quận Thuận Hóa có tổng diện tích cây xanh lớn hơn, hệ thống công viên tập trung hơn, trong khi Phú Xuân còn thiếu không gian xanh quy mô lớn. Các hạn chế chủ yếu đến từ thiếu hụt nhân lực, thiếu cập nhật dữ liệu và hạn chế ứng dụng công nghệ số trong quản lý. Nghiên cứu đề xuất 5 nhóm giải pháp: hoàn thiện thể chế, phát triển nhân lực và đầu tư, ứng dụng chuyển đổi số, cải thiện quy hoạch giống cây, và nâng cao nhận thức cộng đồng. Kết quả có thể</p>

				góp phần định hướng cho chính quyền địa phương trong xây dựng đô thị xanh, di sản và bền vững.
5	Đánh giá chất lượng nước sông Ô Lâu và đề xuất giải pháp	Nguyễn Thị Vân Anh	Phan Anh Hằng	Trong bối cảnh ô nhiễm nguồn nước mặt ngày càng nghiêm trọng do đô thị hóa, công nghiệp hóa và biến đổi khí hậu, sông Ô Lâu – nguồn nước quan trọng của thành phố Huế – đang chịu áp lực lớn từ các hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp và làng nghề. Nghiên cứu này nhằm đánh giá chất lượng nước sông Ô Lâu năm 2023 thông qua chỉ số VN-WQI và phân tích các nguyên nhân gây ô nhiễm, từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ phù hợp. Phương pháp nghiên cứu bao gồm khảo sát thực địa tại 7 điểm quan trắc, thu thập và phân tích các chỉ tiêu môi trường (pH, DO, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, kim loại nặng, Coliform...) theo QCVN 08:2023/BTNMT, kết hợp xử lý số liệu thống kê và đánh giá WQI. Kết quả cho thấy nước sông Ô Lâu biến động theo không gian và thời gian, ở một số khu vực có dấu hiệu ô nhiễm nhẹ đến trung bình. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp như nâng cao năng lực quản lý, thu gom và xử lý nước thải, tuyên truyền cộng đồng và sử dụng nước tiết kiệm. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn trong việc giám sát, lập kế hoạch quản lý và bảo vệ nguồn nước mặt tại địa phương theo hướng bền vững
6	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế xanh theo hướng bền vững ở thành phố Huế	Ô Lý Y Xuân Hương	Phan Anh Hằng	Trước bối cảnh ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và áp lực đô thị hóa, thành phố Huế – đô thị di sản đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững – đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh. Khóa luận tập trung nghiên cứu các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế xanh tại Huế, bao gồm các yếu tố nội sinh (điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư – lao động, thể chế chính sách) và ngoại sinh (vốn đầu tư nước ngoài, công nghệ, hợp tác quốc tế, thị

			<p>trường). Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phân tích tài liệu thứ cấp kết hợp với mô hình SWOT để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong từng nhóm yếu tố. Kết quả cho thấy Huế có tiềm năng lớn về nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái và cộng đồng có nhận thức tốt về môi trường; tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều thách thức như thiếu hụt tài chính, công nghệ còn hạn chế, thể chế chưa đồng bộ và biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất một số định hướng và giải pháp như: tăng cường thể chế hỗ trợ kinh tế xanh, nâng cao năng lực cán bộ và nhận thức cộng đồng, thu hút đầu tư xanh, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và liên kết vùng. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ thực tiễn và khoa học cho quá trình xây dựng chính sách phát triển kinh tế xanh theo hướng bền vững tại thành phố Huế.</p>	
7	Nghiên Cứu Hiện Trạng Hệ Thống Thoát Nước Thải ở quận Thuận Hóa, thành phố Huế	Lê Thị Bích Liên	Phan Anh Hằng	<p>Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và biến đổi khí hậu, nhiều khu vực trung tâm TP Huế, đặc biệt là quận Thuận Hóa, đang đối mặt với tình trạng ngập úng, ô nhiễm môi trường nước và hệ thống thoát nước xuống cấp nghiêm trọng. Khóa luận nhằm đánh giá hiện trạng hệ thống thoát nước thải ở quận Thuận Hóa, phân tích hiệu quả kỹ thuật – môi trường – xã hội, và đề xuất các giải pháp cải thiện hướng tới đô thị bền vững, thích ứng khí hậu. Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp khảo sát thực địa, phân tích thống kê, thu thập tài liệu thứ cấp và phân tích SWOT để đánh giá hệ thống thoát nước và đề xuất giải pháp phù hợp. Hệ thống thoát nước tại quận Thuận Hóa chủ yếu là công chung, nhiều tuyến xuống cấp, tỷ lệ đầu nối hộ dân còn thấp. Nước thải sau xử lý tại Nhà máy An Đông đạt tiêu chuẩn nhưng chưa bao phủ toàn bộ khu vực. Một</p>

				số điểm vẫn xảy ra ngập cục bộ vào mùa mưa. Nghiên cứu cung cấp dữ liệu để có thể phục vụ cho và đề xuất các giải pháp hiệu quả trong việc điều chỉnh và quản lý hệ thống thoát nước.
8	Hiện trạng ô nhiễm bụi mịn ở quận Phú Xuân, thành phố Huế và đề xuất các biện pháp giảm thiểu	Nguyễn Minh Nhật	Phan Anh Hằng	Ô nhiễm bụi mịn đang là vấn đề môi trường nghiêm trọng tại các đô thị, trong đó có Quận Phú Xuân, TP Huế – nơi đang phát triển mạnh về xây dựng, giao thông và dịch vụ. Việc kiểm soát bụi mịn trở nên cấp thiết nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững đô thị. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá hiện trạng ô nhiễm bụi mịn (PM <sub>2.5</sub> và PM <sub>10</sub> ), xác định các nguồn phát thải chính, phân tích tác động và đề xuất các giải pháp giảm thiểu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Phương pháp nghiên cứu gồm: thu thập số liệu quan trắc từ cơ quan chức năng; khảo sát thực địa (đo đạc, phỏng vấn, bảng hỏi); phân tích thống kê bằng Excel; đối chiếu với quy chuẩn Việt Nam và WHO; đánh giá không gian – thời gian và mối liên hệ với các yếu tố phát thải. Kết quả cho thấy nồng độ PM <sub>2.5</sub> tại nhiều thời điểm vượt khuyến nghị của WHO, chủ yếu do giao thông, xây dựng, đốt rơm rạ, sản xuất thủ công và hoạt động dịch vụ. Các tác động môi trường và sức khỏe là đáng kể, nhất là ở khu dân cư và trung tâm thương mại. Nghiên cứu đã đề xuất nhóm giải pháp đồng bộ về kỹ thuật, chính sách, giáo dục cộng đồng và phối hợp liên ngành, góp phần kiểm soát bụi mịn và nâng cao chất lượng môi trường đô thị.
9	Nghiên cứu khả năng tích lũy cacbon dưới tán rừng trồng keo lai trên vùng đất cát ở xã Vinh Hà, huyện Phú Vang, thành phố Huế	Bùi Văn Dết	Nguyễn Quang Việt	Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ và lưu trữ cacbon để giảm thiểu biến đổi khí hậu, đặc biệt quan trọng trên vùng đất cát ven biển dễ bị thoái hóa. Tuy nhiên, khả năng tích lũy cacbon dưới tán rừng trồng keo lai trên loại đất này, cụ thể là ở xã Vinh Hà, huyện Phú Vang, vẫn

				<p>chưa được nghiên cứu đầy đủ. Nghiên cứu này đặt mục tiêu ước tính hàm lượng tích lũy cacbon trong đất dưới tán rừng trồng keo lai trên vùng đất cát ở xã Vinh Hà. Từ đó, nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất biện pháp quản lý nhằm tối ưu hóa khả năng tích lũy cacbon. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát định lượng tại 4 khu vực rừng trồng, kết hợp lấy mẫu đất ở độ sâu 0-20 cm để phân tích dung trọng, hàm lượng cacbon hữu cơ và tính toán trữ lượng cacbon trong đất... Phương pháp định tính như phỏng vấn và quan sát thực địa cũng được áp dụng để thu thập thông tin và giải thích các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả cho thấy trữ lượng cacbon trong đất dưới tán rừng keo lai (độ tuổi 3-4) ở độ sâu 0-20 cm dao động từ 55,86 đến 95,98 tấn/ha, và các yếu tố như dung trọng đất và hàm lượng mùn có ảnh hưởng đáng kể... Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để đánh giá tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý rừng bền vững nhằm tăng cường khả năng tích lũy cacbon trên vùng đất cát ven biển.</p>
10	<p>Thực trạng xâm nhập mặn ở sông Thạch Hãn và Bến Hải của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2024</p>	<p>Võ Đỗ Văn Đạt</p>	<p>Nguyễn Quang Việt</p>	<p>Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng, tình trạng xâm nhập mặn tại các vùng ven biển miền Trung đang ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là tại khu vực hạ lưu sông Thạch Hãn và sông Bến Hải của tỉnh Quảng Trị. Đây là hai hệ thống sông quan trọng cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt, tuy nhiên trong giai đoạn 2020–2024, hiện tượng xâm nhập mặn đã có xu hướng gia tăng rõ rệt cả về cường độ và phạm vi. Mục tiêu của khóa luận là đánh giá thực trạng, diễn biến và nguyên nhân gây ra xâm nhập mặn tại các điểm quan trắc trên hai con sông, đồng thời đề xuất các giải pháp hạn chế hiệu quả. Phương pháp</p>

			<p> nghiên cứu được sử dụng gồm thu thập và xử lý số liệu quan trắc độ mặn tại các trạm từ TH1 đến TH4 và BH2 đến BH5, phân tích thống kê bằng Excel, vẽ biểu đồ chuyên đề và sử dụng bản đồ GIS để thể hiện phân bố không gian. Kết quả cho thấy, các điểm như TH3, TH4, BH4 và BH5 có độ mặn thường xuyên vượt ngưỡng 5‰ vào mùa khô, có xu hướng tăng dần theo từng năm, đặc biệt trong các năm chịu tác động của El Nino hoặc hạn hán. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp công trình như xây dựng công ngăn mặn, cải tạo hệ thống thủy lợi và giải pháp phi công trình như chuyển đổi cây trồng, nâng cao nhận thức cộng đồng nhằm thích ứng với xâm nhập mặn, góp phần bảo vệ tài nguyên nước và đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân vùng hạ lưu</p>
11	<p>Nghiên cứu khả năng cải tạo đất của rừng trồng trên vùng đất cát ở xã Vinh Hà, huyện Phú Vang, tỉnh Thành Phố Huế</p>	<p>Trần Công Thành Lâm</p>	<p>Nguyễn Quang Việt</p> <p>Việc nghiên cứu khả năng cải tạo của đất cát nhằm phủ xanh số diện tích còn lại của vùng cát. Qua đó cho thấy thảm rừng trồng với ưu thế dễ trồng, chăm sóc đã được người dân địa phương lựa chọn phát triển mở rộng diện tích, mang lại lợi ích kinh tế. Xác định được khả năng cải tạo đất giữa khu vực rừng trồng và đất trống ở vùng cát xã Vinh Hà. Các phương pháp nghiên cứu ( Phân tích xử lý số liệu, khảo sát thực địa, thu thập tài liệu, lấy mẫu và phân tích mẫu, lập bản đồ). Qua phân tích và tổng hợp số liệu, hầu hết đất tại khu vực nghiên cứu đều có độ chua cao, mùn, đạm tổng số và kali tổng số ở tầng mặt phổ biến ở mức trung bình và nghèo, độ bão hòa bazơ ở mức cao và trung bình. Kết quả phân tích ảnh hưởng của Keo lá tràm trên đất cát, khu vực đất trồng và khu vực đất trống có giá trị P giao động trong khoảng (0.000 – 0,038) cho thấy có sự khác biệt về các chỉ tiêu: Độ chua thủy phân, độ chua trao đổi, pHKCl, mùn, canxi và magiê trao đổi, độ no</p>

				bazo, đạm tổng số. Nguyên nhân do tính chất đất và khả năng cải tạo đất của cây trồng.
12	Xác định Carbon tích lũy trong đất dưới khu vực rừng tràm ở vùng cát thuộc phường Phong Hiền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế	Hoàng Công Bảo Long	Nguyễn Quang Việt	Rừng và đất là hai yếu tố quan trọng trong hấp thụ carbon, góp phần giảm phát thải CO <sub>2</sub> . Nghiên cứu này nhằm đánh giá trữ lượng carbon tích lũy trong đất tại phường Phong Hiền. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá các tính chất vật lý của đất và hàm lượng mùn trong đất quan trọng nhất là lượng carbon tích lũy trong đất. Các phương pháp đã sử dụng là phân tích các hệ số như (độ ẩm, dung trọng, hệ số khô kiệt, hàm lượng mùn và trữ lượng carbon tích lũy. Rừng tràm ≤ 2 năm tuổi có khả năng tích lũy carbon hữu cơ rõ rệt trong tầng đất mặt. Khu vực P1 có hàm lượng mùn và trữ lượng carbon cao hơn P2 một cách đáng kể. Nghiên cứu cung cấp dữ liệu thực tế phục vụ phục hồi đất cát và định hướng trồng rừng thích ứng biến đổi khí hậu tại địa phương
13		Hà Tuấn Trường	Nguyễn Quang Việt	
14	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chuyển quyền sử dụng đất và thực tiễn, thực thi tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Lữ Khánh Duy	Lê Đình Thuận	Chuyển quyền sử dụng đất là một nội dung quan trọng trong quản lý đất đai, đặc biệt tại các địa phương miền núi như huyện Quan Sơn (Thanh Hóa) nơi còn tồn tại nhiều hạn chế về hạ tầng, hồ sơ pháp lý và trình độ dân trí. Việc nghiên cứu thực trạng công tác chuyển quyền sử dụng đất tại đây mang tính thời sự và cần thiết. Khóa luận nhằm đánh giá thực trạng, chỉ ra các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chuyển quyền sử dụng đất tại huyện Quan Sơn giai đoạn 7/2021–4/2024, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và thực thi thủ tục hành chính đất đai. Phương pháp nghiên cứu bao gồm thu thập số liệu thực tế tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quan Sơn, kết hợp phương pháp thống kê, phân tích hồ sơ, khảo sát thực địa và đối

				<p>chiều quy định pháp luật hiện hành. Kết quả cho thấy công tác chuyển quyền còn nhiều bất cập như thiếu nhân lực chuyên môn, dữ liệu địa chính chưa đồng bộ, hồ sơ thường bị trả lại do sai sót, gây mất thời gian và quyền lợi cho người dân. Bên cạnh đó, việc áp dụng công nghệ còn hạn chế, quy trình thực hiện chưa thống nhất. Khóa luận góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn và khoa học để hoàn thiện công tác chuyển quyền sử dụng đất tại địa phương, đồng thời có thể áp dụng tại các huyện miền núi có điều kiện tương tự.</p>
15	<p>Ứng dụng công nghệ viễn thám trong phát triển không gian đô thị Thành phố Huế</p>	Võ Minh Thắng	Lê Đình Thuận	<p>Thành phố Huế, với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, đang đối mặt với thách thức trong quản lý và phát triển không gian đô thị một cách bền vững, đòi hỏi ứng dụng các công nghệ tiên tiến để giám sát và quy hoạch hiệu quả. Nghiên cứu này nhằm đánh giá sự thay đổi không gian đô thị tại Huế trong giai đoạn 2019-2024, cung cấp cơ sở khoa học cho việc lập kế hoạch phát triển đô thị. Phương pháp nghiên cứu tận dụng công nghệ viễn thám, sử dụng chỉ số NDBI (Normalized Difference Built-up Index) từ dữ liệu ảnh vệ tinh Landsat và Sentinel, kết hợp với phân tích không gian GIS để xác định xu hướng và mức độ mở rộng của các khu vực xây dựng. Kết quả nổi bật cho thấy diện tích đất đô thị tại Huế tăng đáng kể, đặc biệt ở các khu vực phía Tây và phía Nam, chủ yếu do sự phát triển của các khu dân cư và khu công nghiệp. Nghiên cứu không chỉ cung cấp dữ liệu không gian chi tiết mà còn đề xuất các giải pháp quy hoạch đô thị, hỗ trợ chính quyền địa phương trong việc quản lý tài nguyên đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của đô thị hóa và thúc đẩy phát triển bền vững cho thành phố Huế trong tương lai.</p>
16	<p>Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu</p>	Lê Quang Trái	Lê Đình Thuận	<p>“Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý địa giới</p>

	<p>quả công tác quản lý địa giới hành chính tỉnh Quảng Nam</p>			<p>hành chính tỉnh Quảng Nam” tập trung đánh giá thực trạng công tác quản lý địa giới hành chính tại tỉnh Quảng Nam, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số. Luận văn phân tích các yếu tố như hồ sơ địa giới, mốc giới, bản đồ, cơ sở dữ liệu và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Qua nghiên cứu tại xã Tam Xuân I, luận văn chỉ ra nhiều bất cập như thiếu hồ sơ, mốc giới không rõ ràng, dữ liệu rời rạc, năng lực kỹ thuật hạn chế. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp như hoàn thiện hồ sơ và bản đồ địa giới, số hóa dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng (MicroStation), nâng cao năng lực cán bộ và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan. Mục tiêu nhằm hiện đại hóa công tác quản lý, giảm tranh chấp, phục vụ tốt công tác quản lý đất đai, dân cư và phát triển kinh tế - xã hội.</p>
17	<p>Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị</p>	<p>Nguyễn Thị Ni</p>	<p>Bùi Thị Thu</p>	<p>Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và dân số tăng cao, thành phố Đông Hà đang đối mặt với áp lực lớn về phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và chất lượng sống đô thị. Quản lý CTRSH hiệu quả là một trong những vấn đề cấp thiết và mang tính thời sự trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường hiện nay. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn thành phố Đông Hà, đồng thời đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rác thải sinh hoạt. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm điều tra xã hội học với 50 hộ dân, khảo sát thực địa, thu thập số liệu từ các cơ quan chuyên môn và phân tích tài liệu thứ cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác phân loại tại nguồn chưa hiệu quả, tỷ lệ thu gom đạt mức khá là bao nhiêu %??? nhưng chủ yếu vẫn xử lý bằng</p>

				<p>hình thức chôn lấp, gây áp lực lên môi trường và hệ thống hạ tầng xử lý chất thải. Người dân vẫn còn tâm lý phụ thuộc vào lực lượng thu gom, chưa chủ động trong việc xử lý rác tại hộ gia đình. Khóa luận góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm cải thiện hệ thống quản lý CTRSH tại thành phố Đông Hà, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng và hướng đến mục tiêu phát triển đô thị bền vững.</p>
18	<p>Tình hình ứng dụng SMART trong quản lý và bảo vệ rừng tại Vườn Quốc gia Bạch Mã</p>	Võ Thị Như Phương	Bùi Thị Thu	<p>Trước áp lực ngày càng gia tăng về suy thoái rừng, vi phạm lâm luật và mất cân bằng đa dạng sinh học tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn, việc ứng dụng công cụ SMART (Spatial Monitoring and Reporting Tool) được kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ rừng tại Việt Nam. Vườn quốc gia Bạch Mã là một trong những đơn vị tiên phong trong việc triển khai công cụ này. Khóa luận đã phân tích hiệu quả ứng dụng SMART trong công tác tuần tra, giám sát rừng và ĐDSH tại VQG Bạch Mã, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên rừng. Phương pháp nghiên cứu bao gồm: khảo sát bảng hỏi với 31 cán bộ kiểm lâm, phỏng vấn sâu, phân tích dữ liệu từ SMART Desktop/Mobile (năm 2024 và quý I/2025), đối chiếu bản đồ tuần tra, và khảo sát thực địa. Kết quả nghiên cứu cho thấy, năm 2024 có 527 lượt tuần tra với 23.694 km được ghi nhận qua SMART; quý I/2025 có 121 lượt tuần tra. Trên 90% cán bộ đánh giá SMART giúp ghi nhận hiện trường thuận tiện và hiệu quả; tuy nhiên, 57% cho rằng thiết bị chưa ổn định, 32% phản ánh thiếu tập huấn chuyên sâu. Khóa luận góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc triển khai SMART tại các Vườn quốc gia, đồng thời đề xuất các giải pháp thiết thực giúp nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn</p>

				tài nguyên rừng trong bối cảnh chuyển đổi số ngành lâm nghiệp.
19	Nghiên cứu biến động sử dụng đất giai đoạn 2014-2020 ở thị trấn Phú Thiện tỉnh Gia Lai	Siu Thuc	Bùi Thị Thu	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu hiện trạng và phân tích biến động sử dụng đất tại thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 2014–2020. Trên cơ sở thu thập và xử lý các dữ liệu thứ cấp, kết hợp với phân tích không gian bằng công nghệ GIS, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu sử dụng đất của địa phương. Diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm, đặc biệt là đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác; trong khi đó, đất phi nông nghiệp như đất ở đô thị, đất công trình công cộng và đất giao thông lại có chiều hướng tăng lên rõ rệt. Những biến động này phản ánh quá trình đô thị hóa, gia tăng dân số và yêu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật tại thị trấn trong những năm qua.</p> <p>Đề tài đã xác định được các nguyên nhân chính dẫn đến biến động sử dụng đất, bao gồm áp lực phát triển dân cư, các chính sách quy hoạch và đầu tư phát triển, thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm sử dụng đất hợp lý, bền vững như: hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về đất đai; phát triển thị trường quyền sử dụng đất minh bạch; nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền – giáo dục cộng đồng.</p> <p>Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa thực tiễn trong công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất tại địa phương mà còn góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các định hướng phát triển bền vững đến năm 2030.</p>
20	Thực trạng và giải pháp khai thác tài nguyên du lịch	Trần Thị Tường Vy	Bùi Thị Thu	Du lịch xanh đang là xu hướng phát triển toàn cầu, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu và định hướng phát triển bền vững của

	<p>xanh tại thành phố Huế</p>			<p>Việt Nam. Thành phố Huế, với tài nguyên tự nhiên và văn hóa phong phú, đã được định hướng phát triển du lịch xanh, nhưng thực trạng khai thác tài nguyên vẫn còn những hạn chế và thách thức.</p> <p>Phân tích thực trạng khai thác tài nguyên du lịch xanh tại thành phố Huế nhằm đề xuất các giải pháp phát triển theo hướng bền vững.</p> <p>Khóa luận sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp (báo cáo, thống kê, tài liệu khoa học) và khảo sát thực địa để đánh giá cơ sở hạ tầng, tài nguyên và hiện trạng khai thác. Phương pháp phân tích tổng hợp được áp dụng để xử lý dữ liệu, tìm ra hạn chế và đề xuất giải pháp.</p> <p>Huế sở hữu tiềm năng du lịch xanh đa dạng từ nhà vườn, đầm phá, công viên, lăng tẩm đến các chùa và vườn quốc gia. Nhiều sáng kiến giảm thiểu rác thải nhựa, phương tiện giao thông xanh và bảo tồn di sản đã được triển khai. Tuy nhiên, vẫn tồn tại thách thức về quản lý tăng trưởng, hạ tầng, chất lượng nhân lực, và nguy cơ ô nhiễm môi trường do phát triển "nóng" và thiếu đồng bộ.</p> <p>Đề tài góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về du lịch xanh và cung cấp các giải pháp thực tiễn giúp cơ quan quản lý du lịch Huế định hướng chính sách, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch xanh bền vững và là tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu sau.</p>
21	<p>Phân tích thực trạng công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai ở thị xã Hương Thủy giai đoạn 2020-2024</p>	<p>Nguyễn Thị Phương Trinh</p>	<p>Trương Đình Trọng</p>	<p>Khóa luận tập trung phân tích thực trạng công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai tại thị xã Hương Thủy giai đoạn 2020–2024 – một vấn đề nóng, phức tạp gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, qua đó đề xuất các</p>

				<p>giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu gồm: thu thập tài liệu thứ cấp, khảo sát thực tế tại các xã, phường; phỏng vấn cán bộ chuyên trách và người dân; xử lý số liệu bằng Excel. Kết quả cho thấy, UBND thị xã Hương Thủy đã giải quyết được 83,46% số vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền trong năm 2024, cho thấy nỗ lực đáng ghi nhận trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, dù vẫn còn tồn tại các hạn chế như giải quyết chậm, quy trình chưa nhất quán. Khóa luận góp phần cung cấp căn cứ thực tiễn và khoa học cho việc nâng cao hiệu quả công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, hướng đến quản lý đất đai minh bạch và phát triển bền vững tại địa phương.</p>
22	Đánh giá chất lượng nguồn nước mặt sông Truồi theo WQI và đề xuất giải pháp bảo vệ	Trần Thị Mai Trinh	Trương Đình Trọng	<p>Tài nguyên nước mặt đóng vai trò thiết yếu trong đời sống và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Nghiên cứu nhằm đánh giá chất lượng nước sông Truồi năm 2023 dựa trên chỉ số chất lượng nước WQI nhằm xác định mức ô nhiễm theo từng thông số từ đó phân tích biến động giai đoạn 2020 – 2023, từ đó đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ môi trường nước sông Truồi. Nghiên cứu này đã sử dụng số liệu thu thập thực tế dựa trên số liệu trích sao từ Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Thành phố Huế và báo cáo tổng hợp chung các năm 2020-2023 dựa trên báo cáo tổng hợp về chất lượng nước (CLN) sông Truồi của cơ quan quản lý môi trường tại Thừa Thiên Huế (Thành phố Huế) công bố. Sử dụng phương pháp tính toán WQI và thu thập dữ liệu để phân tích và xây dựng bản đồ, bản thống kê trên Excel giúp minh họa rõ ràng các kết quả phân tích sự biến động chất lượng nước theo thời gian. Nghiên cứu này cho thấy tổng quan về hiện</p>

				<p>trạng chất lượng nước, các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe và các nhóm thông số liên quan đến chất lượng nước sông. Đánh giá được chất lượng nước sông Truồi 2023 theo từng thông số gồm (pH, DO, BOD5, COD, Coliform) và tổ hợp WQI các chất (As, Cd, Cu, Zn, Hg) và tổng hợp WQI từng thông số cho 6 đợt quan trắc của năm 2023 ngoài ra WQI tổng hợp cho năm 2020, 2021, 2022 và 2023. Một số giải pháp đã được đề xuất nhằm kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước</p>
23	<p>Đánh giá điều kiện địa chất công trình và kiến nghị giải pháp móng công trình chung cư thương mại, dịch vụ khu đô thị Phú Mỹ An, phường An Cựu, thành phố Huế.</p>	<p>Nguyễn Thị Thanh Nhân</p>	<p>Nguyễn Thị Thanh Nhân</p>	<p>Đồ án gồm 3 chương          Chương 1: Đánh giá và dự báo điều kiện địa chất công trình địa điểm dự định xây dựng          Trong chương này sẽ trình bày khái quát về công trình dự định xây dựng và tiến hành đánh giá điều kiện địa kỹ thuật công trình (cấu trúc địa chất và tính chất cơ lý của các lớp đất đá; điều kiện địa hình - địa mạo; điều kiện địa chất thủy văn; các quá trình và hiện tượng địa chất động lực công trình; vật liệu xây dựng tự nhiên; điều kiện thi công) nhằm phục vụ cho việc luận chứng giải pháp móng và dự báo các vấn đề địa kỹ thuật có thể xảy ra khi thi công và sử dụng công trình.          Chương 2: Luận chứng giải pháp móng và dự báo các vấn đề ĐCCT          Trên cơ sở đánh giá điều kiện địa ĐCCT và các đặc trưng kỹ thuật của công trình dự định xây dựng, chương này sẽ đi vào luận chứng giải pháp móng như: loại móng, chiều sâu chôn móng, lớp đất tựa móng,... để chọn phương án móng tối ưu nhất đảm bảo về điều kiện kỹ thuật cũng như kinh tế đối với công trình. Bên cạnh đó, khi nền công trình bắt đầu làm việc thì nền và móng có quan hệ hữu cơ với nhau, nếu điều kiện ĐCCT của nền không đáp ứng được yêu cầu về độ bền, biến dạng của móng hoặc môi trường công trình thì sẽ phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chương này sẽ đi vào phân tích và đánh giá khả năng phát sinh 1 số vấn đề ĐCCT có thể xảy ra trong quá</p>

			<p>trình thi công công trình. Kết quả dự báo làm cơ sở cho đánh giá và thiết kế phương án khảo sát địa chất công trình ở giai đoạn tới.</p> <p>Chương 3: Thiết kế phương án khảo sát địa chất công trình</p> <p>Nội dung chương này sẽ đi vào luận chứng nhiệm vụ thiết kế cho các giai đoạn khảo sát hiện tại của công trình bao gồm các công việc đánh giá về nội dung, khối lượng và phương pháp khảo sát địa chất công trình (Thu thập tài liệu, viết phương án; Trắc địa; Khoan đào thăm dò; Lấy mẫu; Thí nghiệm trong phòng; Thí nghiệm ngoài trời; Quan trắc dài hạn; Chinh lý tài liệu, viết báo cáo tổng kết).</p> <p>Kết luận: Sẽ tổng kết lại những nội dung mà mục tiêu đề án đã đặt ra xem xét đề án đã triển khai và đạt được mức độ như thế nào từ đó có những kiến nghị phù hợp cho công trình.</p>	
24	Đánh giá tính chất cơ lý - kỹ thuật của xi thép Formosa Hà Tĩnh theo định hướng làm cốt liệu lớn cho bê tông.	Trần Thanh Nhân	Trần Thanh Nhân	<p>Trong nghiên cứu này, các mẫu thu phẩm theo cỡ hạt 0 - 10 mm và 0 - 40 mm của hai loại xi thép là xi lò thổi (gọi tắt là xi BOF010 và BOF040) và xi lò đúc (gọi tắt là xi CAST010 và CAST040) được phối trộn theo tỷ lệ thải của nhà máy để được hỗn hợp xi thép Formosa (gọi tắt là hỗn hợp xi thép BC040) phục vụ nghiên cứu theo định hướng làm cốt liệu cho bê tông. Hỗn hợp BC040 được rây thu phẩm thành cỡ hạt 5 - 20 mm và 10 - 40 mm, lần lượt được đặt tên là BC520 và BC1040, và tiến hành thí nghiệm xác định các tính chất cơ lý - kỹ thuật gồm: Thành phần hạt; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; khối lượng thể tích xốp và độ hong; độ ẩm cốt liệu; hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; tạp chất hữu cơ; độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles; hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn. Các tính chất này được thí nghiệm theo theo tiêu chuẩn TCVN 7572-1÷20:2006 và TCVN 11969:2018. Trên cơ sở số</p>

				<p>liệu thu được, tiến hành thiết kế thành phần cho hỗn hợp bê tông theo định hướng đạt mác 400 và bền sunfat, thí nghiệm xác định các tính chất của hỗn hợp bê tông tươi và bê tông đông cứng theo thời gian bảo dưỡng. Kết quả cho thấy, bê tông sử dụng hai hỗn hợp BC520 và BC1040 làm cốt liệu lớn hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về cường độ của bê tông mác 400 hoặc cấp bê tông B30. Nghiên cứu mở ra định hướng tái chế xỉ thép theo định hướng thay thế cốt liệu tự nhiên trong lĩnh vực bê tông, vừa nâng cao giá trị sử dụng của xỉ thép vừa giảm áp lực khai thác, sử dụng vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt cùng các vấn đề môi trường liên quan.</p>
25	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA HỖN HỢP ĐẤT - XỈ THÉP	Trần Thị Ngọc Quỳnh	Trần Thị Ngọc Quỳnh	<p>Giá trị California bearing ratio (CBR) là cơ sở để đánh giá chất lượng của lớp nền đất, lớp móng bằng vật liệu rời và được sử dụng để tính toán kết cấu đường ô tô, đường sân bay trong phương pháp thiết kế có sử dụng chỉ số CBR. Đề tài này nghiên cứu quy trình thí nghiệm và đánh giá khả năng chịu tải của hỗn hợp đất - xỉ thép ở tỷ lệ phối trộn 50:50 (ĐX) làm vật liệu đắp nền đường ô tô. Khả năng chịu tải của hỗn hợp ĐX được xác định thông qua thí nghiệm xác định chỉ số CBR trong phòng. Kết quả cho thấy hỗn hợp ĐX cho giá trị CBR cao hơn so với đất tự nhiên và đáp ứng yêu cầu làm vật liệu đắp nền đường quy định trong tiêu chuẩn hiện hành.</p>
26	Đánh giá điều kiện địa chất công trình và đề xuất giải pháp móng cho công trình chung cư ở 20 tầng	Trần Thị Phương An	Trần Thị Phương An	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu và đánh giá điều kiện địa chất công trình phục vụ công tác thiết kế móng cho tòa nhà chung cư 20 tầng dự kiến xây dựng tại khu vực phường Xuân Phú – phường An Đông, thành phố Huế. Khu vực nghiên cứu nằm trong vùng đồng bằng ven sông Hương, nơi địa tầng chủ yếu bao gồm các lớp đất bồi tích trẻ với sự hiện diện của đất sét yếu, bùn sét pha và cát pha đặc trưng bởi sức kháng cắt thấp và độ nén lún lớn. Các thí nghiệm trong phòng (phân tích thành phần hạt, thí nghiệm cơ lý) và thí nghiệm hiện trường (SPT) được triển khai nhằm xác định các thông số đặc trưng của nền đất.</p>

Trên cơ sở phân tích tính chất công trình kết hợp với kết quả thí nghiệm thu được, khóa luận tiến hành tính toán khả năng chịu tải và biến dạng của nền đất, qua đó xác định giải pháp móng phù hợp với điều kiện địa chất đặc trưng của khu vực nghiên cứu.

**Khoa Môi trường**

1	Hiện trạng phát sinh và giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	Đỗ Thị Cẩm Diễm	Hoàng Công Tín	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mức độ, nguồn gốc phát sinh và tác động của rác thải nhựa tại khuôn viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, từ đó đưa ra các giải pháp hiệu quả để giảm thiểu rác thải nhựa, hướng tới xây dựng một môi trường học tập bền vững và thân thiện với môi trường.
2	Nhận thức, thái độ và thói quen đối với sản phẩm nhựa dùng một lần của học sinh trường Trung học Phổ thông chuyên Khoa học Huế	Phan Thị Nha	Trần Anh Tuấn	Nghiên cứu tập trung đánh giá mức độ nhận thức, thái độ và thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của học sinh, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi này. Các giải pháp cụ thể và khả thi được đề xuất phù hợp với bối cảnh nhà trường nhằm giảm thiểu việc sử dụng nhựa dùng một lần, góp phần bảo vệ môi trường trong cộng đồng học sinh.
3	Hiện trạng sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh trong sản xuất rau ở thị xã Hương Trà, Thành phố Huế	Lê Phan Việt Hoà	Lê Công Tuấn	Nghiên cứu tập trung đánh giá mức độ sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh của nông dân, tìm hiểu những lợi ích và khó khăn mà người sản xuất gặp phải khi sử dụng loại phân bón này, đồng thời đề xuất giải pháp thúc đẩy việc sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh trong sản xuất rau.
4	Đánh giá nhận thức của học sinh trường THCS Nguyễn Hoàng, TP. Huế về phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn	Võ Hữu Tài	Dương Thành Chung	Đánh giá thực trạng nhận thức của học sinh trường THCS Nguyễn Hoàng về phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn nhằm phổ biến kiến thức và thay đổi hành vi của học sinh về phân loại rác tại nguồn. Các biện pháp cụ thể cũng được nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích thực hành phân loại rác tại nguồn một cách hiệu quả.
5	Thực trạng vệ sinh môi trường ở chợ An Cựu, thành phố Huế và giải pháp cải thiện.	Dương Văn Khoa	Lê Văn Tuấn	Nghiên cứu tập trung phân tích chất lượng nước mặt sông An Cựu và nước thải từ chợ An Cựu theo QCVN 08:2023/BTNMT và QCVN 14:2008/ BTNMT, đồng thời khảo sát hiện trạng thu gom, vận chuyển

				và xử lý rác thải tại chợ. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các giải pháp cải thiện vệ sinh môi trường, giảm ô nhiễm và nâng cao chất lượng môi trường xung quanh chợ cũng được đề xuất.
6	Nhận thức và mức độ sẵn sàng triển khai phân loại rác tại nguồn của người dân thị xã Hương Thủy, thành phố Huế	Trần Văn Quang Vinh	Trần Ngọc Tuấn	Nghiên cứu phân tích nhận thức và mức độ sẵn sàng của người dân thị xã Hương Thủy, thành phố Huế trong việc phân loại rác tại nguồn, thông qua khảo sát mức độ hiểu biết, thái độ và hành vi hiện tại. Các yếu tố ảnh hưởng như giáo dục môi trường và cơ sở hạ tầng được đánh giá để đề góp phần xuất giải pháp nâng cao nhận thức và thúc đẩy thực hành phân loại rác tại nguồn hiệu quả.
7	Khảo sát ảnh hưởng của một số loại hóa chất bảo vệ thực vật đến các loài <i>Mastacembelus</i> (Cá dẹt), <i>Oreochromis niloticus</i> (Cá rô phi) và <i>Anabas testudineus</i> (Cá rô)	Đoàn Minh Vũ	Đường Văn Hiếu	Nghiên cứu khảo sát ảnh hưởng của hóa chất bảo vệ thực vật phổ biến tại Phường Dương Nỗ, Huế đến hành vi cá nước ngọt (cá rô phi, cá lóc, cá rô cộ). Qua phỏng vấn nông dân và thí nghiệm phơi nhiễm, nghiên cứu xác định thuốc trừ sâu thường dùng và đánh giá thay đổi hành vi cá (bơi chậm, co giật, mất cân bằng). Kết quả chỉ ra tác động rõ rệt, cung cấp dữ liệu cảnh báo và giải pháp sử dụng hóa chất an toàn.

#### Khoa Kiến trúc

1	Nông trại du lịch thực nghiệm Hương Thọ	Nguyễn Thị Thu Hương	Nguyễn Ngọc Tùng	Thiết kế Nông trại du lịch thực nghiệm Hương Thọ
2	Trung tâm sinh hoạt và quảng bá làng nghề đúc đồng Phước Kiều - Quảng Nam	Lê Hữu Văn	Nguyễn Ngọc Tùng	Thiết kế Trung tâm sinh hoạt và quảng bá làng nghề đúc đồng Phước Kiều - Quảng Nam
3	Trung tâm kết nối cộng đồng và du lịch trải nghiệm làng rau Trà Quế	Huỳnh Tấn Cảnh	Trương Hoàng Phương	Thiết kế Trung tâm kết nối cộng đồng và du lịch trải nghiệm làng rau Trà Quế
4	Không gian trải nghiệm văn hóa dệt Zèng A Lưới	Trần Thị Thanh Nhàn	Trương Hoàng Phương	Thiết kế Không gian trải nghiệm văn hóa dệt Zèng A Lưới
5	Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo TP Huế	Nguyễn Đại Việt	Trương Hoàng Phương	Thiết kế Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo TP Huế
6	LapAn center-Trung tâm văn hoá Lập An - Lăng Cô	Hoàng Văn Thành	Võ Tuấn Anh	Thiết kế LapAn center-Trung tâm văn hoá Lập An - Lăng Cô

7	Trung tâm thiền định Trúc Lâm	Hồ Sỹ Thông	Võ Tuấn Anh	Thiết kế Trung tâm thiền định Trúc Lâm
8	Không gian bên thiền cộng đồng Huế	Dương Hiệp	Nguyễn Văn Thái	Thiết kế Không gian bên thiền cộng đồng Huế
9	Trung tâm hội nghị và triển lãm quốc tế Green square Huế	Nguyễn Lê Nguyên Phương	Nguyễn Văn Thái	Thiết kế Trung tâm hội nghị và triển lãm quốc tế Green square Huế
10	Thư viện kiến trúc Huế	Nguyễn Đình Anh Tú	Nguyễn Văn Thái	Thiết kế Thư viện kiến trúc Huế
11	Trung tâm phát triển thể thao điện tử Sunway	Trần Quang Đức	Nguyễn Quang Huy	Thiết kế Trung tâm phát triển thể thao điện tử Sunway
12	Thư viện tổng hợp AOI	Nguyễn Quốc Lập	Nguyễn Quang Huy	Thiết kế Thư viện tổng hợp AOI
13	The Polip - Trung tâm nghiên cứu rạn san hô hệ sinh thái ven biển Phú Lộc	Lê Nguyễn Quỳnh Châu	Nguyễn Vũ Minh	Thiết kế The Polip - Trung tâm nghiên cứu rạn san hô hệ sinh thái ven biển Phú Lộc
14	"Thành phố trong gương" Bảo tàng phản chiếu sự biến đổi đô thị Huế	Phan Thị Uyên Thanh	Nguyễn Vũ Minh	Thiết kế "Thành phố trong gương" Bảo tàng phản chiếu sự biến đổi đô thị Huế
15	Không gian trải nghiệm các làng nghề truyền thống Huế	Nguyễn Thanh Huyền My	Võ Sĩ Châu	Thiết kế Không gian trải nghiệm các làng nghề truyền thống Huế
16	bảo tàng di sản Wat phou - Champasak	Simeuang Thenthanmanivong	Võ Sĩ Châu	Thiết kế bảo tàng di sản Wat phou - Champasak
17	Bảo tàng Phật giáo Việt Nam	Võ Văn Anh Tuấn	Võ Sĩ Châu	Thiết kế Bảo tàng Phật giáo Việt Nam
18	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng sáng tạo nghề thủ công truyền thống Huế	Phan Thị Ngọc Anh	Phạm Đăng Nhật Thái	Thiết kế Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng sáng tạo nghề thủ công truyền thống Huế
19	Bảo tàng mỹ thuật Huế	Nguyễn Ngọc Quốc Huynh	Phạm Đăng Nhật Thái	Thiết kế Bảo tàng mỹ thuật Huế
20	Không gian văn hóa ẩm thực - Hương vị Cố Đô	Ngô Tôn Hiệp	Lê Ngọc Vân Anh	Thiết kế Không gian văn hóa ẩm thực - Hương vị Cố Đô
21	Vườn tâm hồn - Trường mầm non dành cho trẻ tự kỷ	Nguyễn Văn Anh Minh	Lê Ngọc Vân Anh	Thiết kế Vườn tâm hồn - Trường mầm non dành cho trẻ tự kỷ
22	Không gian chín hàm - hành trình từ bóng tối đến ánh sáng tự do	Phạm Trung Nguyên	Lê Ngọc Vân Anh	Thiết kế Không gian chín hàm - hành trình từ bóng tối đến ánh sáng tự do
23	Nhà thờ Cát Minh, Giáo phận Huế	Huỳnh Ngọc Trí Dũng	Võ Ngọc Đức	Thiết kế Nhà thờ Cát Minh, Giáo phận Huế
24	Thiền viện Lương Quán - Cội nguồn trở về	Hồ Thị Châu Linh	Võ Ngọc Đức	Thiết kế Thiền viện Lương Quán - Cội nguồn trở về

25	Không gian nghệ thuật từ rác	Lê Vũ Uyên Nhi	Võ Ngọc Đức	Thiết kế Không gian nghệ thuật từ rác
26	"Chón an yên" Viện an dưỡng dành cho người già TP Huế	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Phan Tiến Lợi	Thiết kế "Chón an yên" Viện an dưỡng dành cho người già TP Huế
27	Trung tâm phục hồi chức năng sau chấn thương cho vận động viên TP Huế	Phan Phước Tiên	Phan Tiến Lợi	Thiết kế Trung tâm phục hồi chức năng sau chấn thương cho vận động viên TP Huế
28	Trường tiểu học kết hợp không gian trải nghiệm Lộc tiến	Trần Thị Thuý Hiền	Bùi Thị Hiếu	Thiết kế Trường tiểu học kết hợp không gian trải nghiệm Lộc tiến
29	Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm làng nghề thủ công truyền thống Huế	Lê Hữu Minh Tuấn	Bùi Thị Hiếu	Thiết kế Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm làng nghề thủ công truyền thống Huế
30	Bảo tàng tự nhiên Quần thể hang động Phong Nha - Kẻ Bàng	Nguyễn Anh Duy	Lê Văn Thanh Hùng	Thiết kế Bảo tàng tự nhiên Quần thể hang động Phong Nha - Kẻ Bàng
31	Sensespace - Trường học giành cho trẻ tự kỷ Thành phố Huế	Ngô Minh Hoàng	Lê Văn Thanh Hùng	Thiết kế Sensespace - Trường học giành cho trẻ tự kỷ Thành phố Huế
32	Không gian trưng bày và biểu diễn cổ phục triều Nguyễn	Trần Thị Thanh Thảo	Lê Văn Thanh Hùng	Thiết kế Không gian trưng bày và biểu diễn cổ phục triều Nguyễn
33	Hóa Châu Garden - Không gian phát triển và trải nghiệm trồng rau bền vững	Trần Thị Mỹ Linh	Nguyễn Thị Minh Xuân	Thiết kế Hóa Châu Garden - Không gian phát triển và trải nghiệm trồng rau bền vững
34	Rebirth - Trung tâm cứu hộ chó mèo thành phố Huế	Ngô Thị Quỳnh Nhi	Nguyễn Thị Minh Xuân	Thiết kế Rebirth - Trung tâm cứu hộ chó mèo thành phố Huế
35	"Mầm xanh đại ngàn" - Trung tâm giáo dục về rừng cho trẻ tại Bản Dổi	Dương Thị Ngọc Bích	Phạm Mạnh Hùng	Thiết kế "Mầm xanh đại ngàn" - Trung tâm giáo dục về rừng cho trẻ tại Bản Dổi
36	Bảo tàng sông Hương	Phạm Văn Quốc Tấn	Phạm Mạnh Hùng	Thiết kế Bảo tàng sông Hương
37	Trung tâm văn hoá làng chài Lăng Cô	Trần Lê Tường Vi	Phạm Mạnh Hùng	Thiết kế Trung tâm văn hoá làng chài Lăng Cô
38	Không gian trải nghiệm làng hương Thủy Xuân - TP Huế	Thân Hiếu Minh	Trương Hồng Trường	Thiết kế Không gian trải nghiệm làng hương Thủy Xuân - TP Huế
39	Trung tâm khai thác trí tuệ nhân tạo và kết nối cộng đồng và TP Huế	Lê Văn Thọ	Trương Hồng Trường	Thiết kế Trung tâm khai thác trí tuệ nhân tạo và kết nối cộng đồng và TP Huế

40	Không gian thiền định và tái tạo năng lượng sống TP Huế	Lounna Vaiyasith	Trương Hồng Trường	Thiết kế Không gian thiền định và tái tạo năng lượng sống TP Huế
41	Học viện thời trang	Đặng Tiến Nhật Minh	Phan Thế Đạt	Thiết kế Học viện thời trang
42	Trung tâm thiền định Mộc Nhiên	Nguyễn Văn Trung	Phan Thế Đạt	Thiết kế Trung tâm thiền định Mộc Nhiên
43	Nhà Thiếu nhi Thành phố Huế	Hoàng Thái Dương	Đặng Minh Nam	Thiết kế Nhà Thiếu nhi Thành phố Huế
44	Thư viện tổng hợp Thành phố Huế	Trần Quang Huy	Đặng Minh Nam	Thiết kế Thư viện tổng hợp Thành phố Huế
45	Chung cư Hương Sơ	Trần Hữu Phong	Nguyễn Văn Mẫn	Thiết kế Chung cư Hương Sơ
46	Ngư Mỹ Thạnh - Nơi hội tụ sống, gió và ký ức	Nguyễn Bá Quốc	Ngô Hải Tân	Thiết kế Ngư Mỹ Thạnh - Nơi hội tụ sống, gió và ký ức
47	Bảo tàng Phật giáo Huế	Nguyễn Đức Tâm	Ngô Hải Tân	Thiết kế Bảo tàng Phật giáo Huế

### Khoa Ngữ văn

1	<i>Bể trắng côi</i> của Huỳnh Trọng Khang nhìn từ triết lý vô thường của Phật giáo	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phan Trọng Hoàng Linh	Trên cơ sở triết lý vô thường của Phật giáo, đề tài tiếp cận tiểu thuyết <i>Bể trắng côi</i> của Huỳnh Trọng Khang từ hai phương diện là quan niệm nghệ thuật về con người và phương thức thể hiện; qua đó, góp phần xác định nét mới của tiểu thuyết <i>Bể trắng côi</i> trên mạch sáng tác tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang, cũng như đóng góp của tác phẩm trong dòng văn học Việt Nam mang âm hưởng Phật giáo.
2	Cảm thức Mujō trong thơ Haiku Nhật Bản	Hoàng Ngọc Phong	Phan Nguyễn Phước Tiên	Đề tài nghiên cứu cảm thức Mujō – triết lý vô thường – trong thơ Haiku Nhật Bản, nhằm khám phá phạm vi biểu hiện và ý nghĩa sâu sắc của nó trong văn học và văn hóa Nhật Bản. Từ nguồn gốc gắn liền với đời sống phù du, Phật giáo, Thiền tông và mỹ học Mono no aware, Mujō được thể hiện qua cảm quan về sự mong manh của thiên nhiên, thời gian, cái đẹp, cảm xúc, cũng như sự phù du của sinh mệnh và lòng trân trọng khoảnh khắc hiện tại. Đề tài phân tích nghệ thuật thể hiện Mujō trong thơ Haiku, đặc biệt qua Matsuo Basho và các thi nhân sau ông, để làm nổi bật vẻ đẹp hình thức và chiều sâu triết lý của thể thơ này. Đề tài không chỉ làm sáng tỏ vai trò của Mujō trong việc kiến tạo giá trị thẩm mỹ và tư tưởng của Haiku, mà còn đóng góp vào việc hiểu sâu hơn về mối liên hệ giữa văn

				học Nhật Bản và triết lý vô thường, khơi gợi sự đồng cảm về sự tồn tại và giá trị của hiện hữu.
3	Nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết <i>Đình Trang mộng</i> của Diêm Liên Khoa	Nguyễn Văn Lợi	Đỗ Thu Thủy	<p>Khóa luận triển khai theo 3 chương như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cốt truyện và hệ thống nhân vật trong tiểu thuyết <i>Đình Trang mộng</i> (Diêm Liên Khoa).</li> <li>2. Điểm nhìn nghệ thuật trong tiểu thuyết <i>Đình Trang mộng</i> (Diêm Liên Khoa).</li> </ol> <p>Ngôn ngữ và giọng điệu trong tiểu thuyết <i>Đình Trang mộng</i> (Diêm Liên Khoa).</p>
4	Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết <i>Bay trên tổ chim cú cu</i> của Ken Kesey	Đặng Đình Giang	Nguyễn Hoàng Tuệ Anh	<p>Khoá luận trình bày những điểm nổi bật trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Ken Kesey qua tác phẩm <i>Bay trên tổ chim Cúc cu</i>. Qua việc khảo sát các phương diện xây dựng hình tượng nhân vật, khoá luận chỉ ra những điểm sáng tạo độc đáo của nhà văn trong việc tạo hình ngoại diện, khắc họa nội tâm, xây dựng tính cách qua hành động, đối thoại và độc thoại của các nhân vật. Cách tiếp cận theo hướng nghiên cứu thi pháp học giúp người đọc cảm nhận và lí giải sâu hơn về tín hiệu thẩm mỹ và giá trị tư tưởng được nhà văn gửi gắm qua hệ thống nhân vật.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết</li> <li>- Phương pháp liên ngành</li> <li>- Phương pháp loại hình</li> </ul>
5	Văn hoá ẩm thực qua tập tản văn <i>Mùi</i>	Hoàng Trần Minh Ngọc	Trần Nhật Thu	Khóa luận khái quát về chủ đề văn hoá trong sáng tác của Nguyễn Quang Thiều, đồng thời tập trung

	<i>của kí ức của Nguyễn Quang Thiều</i>			làm rõ những đặc trưng của văn hoá ẩm thực trong tập tản văn <i>Mùi của kí ức</i> qua việc khảo tả, phân tích những nét đẹp ẩm thực trong mối quan hệ với đời sống tinh thần cũng như quan niệm thẩm mỹ của nhà văn. Ngoài ra, luận văn cũng khẳng định sự thành công của nhà văn trong việc sử dụng ngôn ngữ và giọng điệu phù hợp để thể hiện chủ đề ẩm thực.
6	Đặc điểm truyện cổ tích viết lại trong <i>Chuyện ngày xưa: một trăm cổ tích</i> của Tô Hoài	Phan Ngọc Trâm	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Luận văn khái quát về truyện cổ viết lại và cuộc đời, văn nghiệp của Tô Hoài. Trên cơ sở nhận diện vai trò của “Chuyện ngày xưa: một trăm cổ tích” trong sự nghiệp văn chương của ông, luận văn đi sâu nghiên cứu truyện cổ viết từ các đặc điểm: chủ đề, cốt truyện, ngôn ngữ. Luận văn khẳng định dấu ấn phong cách của Tô Hoài trong “Chuyện ngày xưa: một trăm cổ tích” và thành công của tuyển tập này ở thể loại truyện cổ viết lại.
7	Nghiên cứu văn bản <i>Niệm Phật vãng sanh nghi</i> (念佛往生儀) của Hòa thượng Thích Tâm Tĩnh	Văn Cu	Đinh Thị Thanh Mai	Đề tài <b>Nghiên cứu văn bản <i>Niệm Phật vãng sanh nghi</i> (念佛往生儀) của Hòa thượng Thích Tâm Tĩnh</b> được triển khai thành ba chương. Mỗi chương triển khai, giải quyết một nhiệm vụ: Chương 1 là chương giới thuyết về Đức Phật A Di Đà, pháp môn niệm Phật và văn bản <i>Niệm Phật vãng sanh nghi</i> . Chương 2 là chương nói về công phu niệm Phật và tầm quan trọng của niềm tin, phát nguyện trong <i>Niệm Phật vãng sanh nghi</i> . Chương 3 là chương nói về giá trị và lợi ích của pháp môn niệm Phật trong <i>Niệm Phật vãng sanh nghi</i> .
8	Khảo sát tư liệu Hán văn tại làng Thanh Lương, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, Thành phố Huế	Nguyễn Thị Thanh Loan	Đinh Thị Thanh Mai	Đề tài “Khảo sát tư liệu Hán văn tại làng Thanh Lương, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, Thành phố Huế” được triển khai thành 3 chương. Chương 1 là chương giới thiệu làng Thanh Lương và tư liệu chữ Hán ở làng Thanh Lương. Chương 2 là chương khảo sát và tuyển dịch tư liệu chữ Hán trên các di tích ở làng Thanh Lương. Đây là chương trọng tâm của đề tài. Chương 3 là chương đi sâu nghiên cứu về giá trị nội dung và nghệ thuật của tư liệu chữ Hán ở làng Thanh Lương.

9	Nghiên cứu việc thực hành “giới” trong <i>Phạn Võng Bồ Tát giới kinh nghĩa số ẩn vấn biện</i> (梵網菩薩戒經義疏發隱問辯, Quyển thứ 38, Kinh 681 - Chúc Hoành thuật )	Nguyễn Thị Bích Thù	Đinh Thị Thanh Mai	Đề tài Nghiên cứu việc thực hành “giới” trong <i>Phạn Võng Bồ Tát giới kinh nghĩa số ẩn vấn biện</i> (梵網菩薩戒經義疏發隱問辯, Quyển thứ 38, Kinh 681 - Chúc Hoành thuật ) Chương 1. Giới luật Phật giáo - nguyên nhân, sự truyền thừa, định nghĩa và nội dung. Chương 2. Việc thực hành “giới” trong <i>Phạn võng Bồ Tát giới kinh nghĩa số ẩn vấn biện</i> . Chương 3. Vai trò tầm quan trọng của giới luật đối với người xuất gia và tại gia.
10	Nghiên cứu văn bản <i>Nữ luận ngữ</i> (女论语) của Tống Nhưặc Tân, Tống Nhưặc Chiêu	H Yoan Hmok	Đinh Thị Thanh Mai	Đề tài <b>Nghiên cứu văn bản <i>Nữ luận ngữ</i> (女论语) của Tống Nhưặc Tân, Tống Nhưặc Chiêu</b> được cấu trúc thành ba chương: Chương 1. Giới thiệu tổng quan về <i>Nữ Luận Ngữ</i> Chương 2. Nội dung chính của văn bản <i>Nữ Luận Ngữ</i> Chương 3. Giá trị của văn bản <i>Nữ Luận Ngữ</i>
11	Nghiên cứu văn bản <i>Phạn Võng Bồ Tát giới kinh nghĩa số ẩn vấn biện</i> (梵網菩薩戒經義疏發隱問辯, Quyển thứ 38, Kinh 681 - Chúc Hoành thuật )	Nguyễn Văn Đức	Đinh Thị Thanh Mai	Chương 1. Tổng quan về tác giả và tác phẩm <i>Phạm Võng Bồ Tát giới kinh vấn biện</i> Chương 2. Nội dung tư tưởng trong tác phẩm <i>Phạm Võng Bồ Tát giới kinh vấn biện</i> Chương 3. Giá trị và ảnh hưởng của tác phẩm <i>Phạm Võng Bồ Tát giới kinh vấn biện</i>
12	Khảo sát văn bản <i>Giới sát phóng sinh văn</i> của Chu Hoành	Đặng Nhật Long	Huỳnh Văn Thắng	Khóa luận tập trung khảo sát và nghiên cứu văn bản <i>Giới sát phóng sinh văn</i> của Chu Hoành – một văn bản Hán Nôm mang đậm tư tưởng từ bi, nhân quả của Phật giáo, được sáng tác nhằm khuyến khích người đời từ bỏ việc sát sinh và tích cực thực hành phóng sinh.  Nội dung khóa luận bao gồm việc phiên âm, dịch nghĩa và chú thích toàn văn bản nhằm làm rõ cấu trúc ngôn ngữ, nội dung tư tưởng cũng như giá trị đạo đức, nhân sinh mà văn bản truyền tải. Khóa luận cũng phân tích những yếu tố văn học và tư tưởng Phật giáo được biểu hiện trong

				<p>tác phẩm, đồng thời đặt văn bản trong bối cảnh lịch sử - văn hóa để thấy được vai trò của nó trong việc giáo hóa và cảm hóa người dân thời kỳ trung – cận đại Việt Nam.</p> <p>Thông qua việc khảo sát, luận văn góp phần làm sáng tỏ giá trị của một tác phẩm Hán Nôm chưa được nghiên cứu nhiều, đồng thời khẳng định vị trí và vai trò của văn học Phật giáo trong đời sống tinh thần của người Việt.</p>
13	Khảo sát di văn Hán Nôm tại xã Hải Bình, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Võ Công Hậu	Huỳnh Văn Thắng	<p>Khóa luận nhằm khảo sát, thu thập, phiên âm, dịch nghĩa và bước đầu phân tích hệ thống di văn Hán Nôm hiện còn tại xã Hải Bình, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Một địa phương có bề dày truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và giáo dục.</p> <p>Các tư liệu khảo sát bao gồm hoành phi, câu đối, sắc phong... hiện còn được lưu giữ tại các đình, chùa, nhà thờ họ và tư gia trong xã. Qua đó, khóa luận bước đầu nhận diện đặc điểm nội dung, hình thức và giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng của các di văn, đồng thời góp phần bổ sung nguồn tư liệu Hán Nôm địa phương phục vụ công tác bảo tồn và nghiên cứu lâu dài.</p>
14	Khảo sát văn bản <i>Khâm thiên giải ách kinh</i> (khuyết danh)	Trần Thị Thu Hằng	Huỳnh Văn Thắng	<p>Khóa luận tập trung khảo sát văn bản <b><i>Khâm thiên giải ách kinh</i></b>, một bản kinh chữ Hán khuyết danh, được lưu hành trong dân gian từ thời Nguyễn, có nội dung cầu an, giải hạn, tiêu tai, mang đậm màu sắc tín ngưỡng dân gian và Phật giáo.</p> <p>Thông qua việc phiên âm, dịch nghĩa, chú giải và phân tích nội dung, khóa luận làm rõ cấu trúc, đặc điểm ngôn ngữ và tư tưởng Nho - Phật - Đạo thể hiện trong văn bản. Đồng thời, đề tài góp phần nhận diện giá trị văn hóa – tín ngưỡng của văn bản này trong bối cảnh sinh hoạt tâm linh của người Việt truyền thống.</p>
<b>Khoa Lịch sử</b>				
1	Chính sách phát triển kinh tế - xã hội Hàn Quốc từ	Hồ Thị Vân Anh	Dương Quang Hiệp	Khóa luận nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Hàn Quốc qua hai đời Tổng thống

	năm 1979 đến năm 1993			Chun Doo-hwan (1980-1988) và Roo Tea Woo (1988-1993), từ đó rút ra những thành tựu, hạn chế của chính sách và vai trò của các vị tổng thống trong sự phát triển của Hàn Quốc trong giai đoạn 1979 - 1993
2	Hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2012 - 2022	Huỳnh Thị Kim Chi	Lê Thị Anh Đào	Hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2012 - 2022". Nội dung khoá luận đề cập đến 10 năm quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc dưới thời kỳ cầm quyền (10 năm) của Tập Cận Bình. Trong giai đoạn hợp tác đó, hai nước đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực như thương mại, đầu tư, hợp tác du lịch... Tuy nhiên, quá trình hợp tác kinh tế Việt Nam – Trung Quốc vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế nhất định cần phải xem xét.
3	Tìm hiểu về Thiên Hoàng Nhật Bản	Phùng Nguyễn Thùy Dương	Lê Thị Anh Đào	Khoá luận tập trung tìm hiểu về Thiên Hoàng Nhật Bản với quyền lực, vị trí nhất định trong hệ thống chính trị từ quá khứ đến hiện tại. Với vai trò của Thiên Hoàng cũng như những quy định liên quan đến kế vị, quyền lãnh đạo, những ảnh hưởng trong đời sống chính trị, xã hội Nhật Bản... cũng được phân tích và làm rõ trong đề tài.
4	Dấu ấn văn hóa của cộng đồng người Hoa tại Hội An	Đào Thị Thùy Dương	Trương Tuấn Vũ	<p>Người Hoa ở Hội An là một bộ phận cư dân quan trọng đứng thứ 2 (sau người Việt) đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cho thương cảng quốc tế Hội An phát triển và đóng vai trò rất lớn đối với quá trình hình thành sắc thái văn hóa của khối cộng đồng cư dân Hội An trong lịch sử.</p> <p>Dù sinh sống ở địa bàn nào và đảm nhận công việc gì, cộng đồng người Hoa ở Hội An cũng có nhiều nỗ lực trong việc lan tỏa tinh thần nhân ái và chung sức xây dựng quê hương.</p> <p>Đề tài “Dấu ấn văn hoá của cộng đồng người Hoa tại Hội An” góp phần tái hiện lại tương đối trọn vẹn về những đóng góp của cộng đồng người Hoa tại thành phố giàu truyền thống lịch sử - văn hoá này.</p>
5	Tìm hiểu nền công nghiệp văn hóa	Hoàng Thị Hà	Trương Tuấn Vũ	Phát triển công nghiệp văn hóa là nền tảng quan trọng để thỏa mãn

	Trung Quốc (2020-2025)			<p>nhu cầu văn hóa đa dạng, chất lượng cao của người dân, đồng thời cũng là yêu cầu tất yếu để khơi dậy sức sống sáng tạo văn hóa, thúc đẩy xây dựng đất nước giàu mạnh về văn hóa.</p> <p>Hiện nay, ngành công nghiệp văn hóa là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh chóng tại Trung Quốc, mức độ bao phủ sản phẩm của lĩnh vực này ngày càng sâu rộng. Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và nhu cầu tiêu dùng sản phẩm chứa nội dung ngày càng cao, thị trường ngành công nghiệp văn hóa không ngừng được mở rộng</p> <p>Việc tìm hiểu nền công nghiệp văn hoá Trung Quốc thời hiện đại để thấy rõ sự chuyển dịch trong chính sách phát triển văn hoá của chính phủ Trung Quốc, qua đó gợi mở một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát triển lĩnh vực này là điều mà Khoá luận hướng đến.</p>
6	Tìm hiểu đặc trưng văn hóa kinh doanh của người Hoa	Nông Thị Huệ	Trương Tuấn Vũ	<p>Ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, cộng đồng người Hoa đều chứng tỏ được bản lĩnh kinh doanh và sức ảnh hưởng về kinh tế của mình. Để có được những thành tựu nổi bật, trở thành người kinh doanh giỏi, người Hoa có nhiều bí quyết, trong đó những bí quyết chính là "Chữ tín", "Cộng đồng" và "Gia truyền".</p> <p>Khoá luận bước đầu tìm hiểu bí quyết kinh doanh của cộng đồng người Hoa để trả lời cho câu hỏi "vì sao người Hoa kinh doanh giỏi?". Điều quan trọng nhất không phải chỉ biết những bí ẩn đằng sau thành công của người Hoa trong kinh doanh, mà là áp dụng chúng vào cuộc sống và công việc của mình, từ đó có một số đối sánh với đặc trưng văn hoá kinh doanh của một số nước trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc.</p>
7	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Hàn Quốc (1961- 1991)	Lê Thị Thanh Trúc	Nguyễn Văn Tận	<p>Từ một đất nước đổ nát sau chiến tranh với Triều Tiên năm 1953, nền kinh tế Hàn Quốc trở nên kiệt quệ, người dân nghèo đói, đất nước không còn tài nguyên để phục hồi kinh tế, Hàn Quốc gần như</p>

				<p>không còn cơ hội chuyên mình, hoàn toàn phụ thuộc vào nông sản và viện trợ nước ngoài từ Mỹ. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Park Chung-hee từ năm 1961 đến năm 1979, Hàn Quốc đã thực hiện một loạt các chính sách kinh tế mang tính đột phá và quyết liệt, tạo tiền đề cho sự vươn mình mạnh mẽ, đưa đất nước từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành một cường quốc kinh tế như ngày nay, thường được gọi là "Kỳ tích sông Hàn". Sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc thời điểm này không thể thiếu sự cải cách và phát triển của nguồn nhân lực. Bên cạnh các chính sách công nghiệp hóa và xuất khẩu, chính phủ của Park Chung-hee đã nhận thức rõ tầm quan trọng của con người là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Ông đã đưa ra hàng loạt các chính sách cải cách về giáo dục, dân số, chính sách việc làm,...nhằm nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực. Giai đoạn 1961-1991 Hàn Quốc đã chú trọng phát triển nguồn nhân lực tạo tiền đề vững chắc để phát triển kinh tế - xã hội giúp Hàn Quốc vượt qua khó khăn và trở thành 1 trong bốn con rồng châu Á.</p>
8	Hôn nhân và Gia đình trong xã hội Trung Quốc hiện đại	Đặng Thị Thu Huyền	Trần Thị Tâm	<p>Khóa luận “Hôn nhân và gia đình trong xã hội Trung Quốc hiện đại” phân tích sự thay đổi sâu sắc trong quan niệm và cấu trúc hôn nhân, gia đình sau cải cách mở cửa 1978 đến nay. Từ mô hình đa thế hệ truyền thống, Trung Quốc chứng kiến sự phổ biến của gia đình hạt nhân, đơn thân và các xu hướng như kết hôn muộn, sống độc thân, hoặc không sinh con, do ảnh hưởng của chính sách dân số, áp lực kinh tế, truyền thông và bình đẳng giới. Những thay đổi này gây ra khủng hoảng dân số, già hóa, nhưng cũng mang lại tư tưởng tiến bộ và sự linh hoạt. Chính phủ đã nới lỏng chính sách sinh con, khuyến khích kết hôn sớm và hỗ trợ tài chính, nhưng hiệu quả còn hạn chế. Khóa luận nhấn mạnh sự chuyển dịch từ giá trị</p>

				tập thể sang cá nhân hóa, phản ánh mâu thuẫn giữa truyền thống và hiện đại.
9	Chính sách đối ngoại của Mỹ với Hàn Quốc ( 2000-2024).	Nguyễn Thị Kiều	Trần Thị Tâm	<p>Khóa luận nghiên cứu chính sách đối ngoại của Mỹ với Hàn Quốc trong giai đoạn 2000–2024, khảo sát những thay đổi chiến lược dưới các chính quyền Bush, Obama, Trump và Biden, đồng thời phân tích ảnh hưởng của bối cảnh an ninh Đông Bắc Á, chương trình hạt nhân Triều Tiên và cạnh tranh Mỹ–Trung đến quan hệ đồng minh. Khảo sát các nhân tố tác động, bao gồm yếu tố nội tại và các yếu tố toàn cầu. Đánh giá sự phát triển chính sách qua các chính quyền từ Kim Dae-jung đến Yoon Suk-yeol, nhấn mạnh sự thay đổi trong cách tiếp cận đối với Triều Tiên. Cuối cùng, nghiên cứu đánh giá các thành tựu và thách thức trong mối quan hệ quốc tế của Hàn Quốc, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh, kinh tế và ngoại giao. Nghiên cứu nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện về chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và dự báo xu hướng phát triển tiếp theo.</p>
10	Hình tượng rồng trong văn hoá Trung Hoa	Hồ Thị Pờ Lai	Trần Thị Hợi	<p>Khoá luận đi sâu làm rõ về nguồn gốc hình thành của hình tượng rồng trong văn hoá Trung Hoa, từ những yếu tố tự nhiên và biểu tượng cổ sơ cho đến khi được định hình thành một hình tượng mang tính hệ thống trong tư duy triết học và tôn giáo. Đồng thời, Khoá luận còn tập trung phân tích vai trò và chức năng biểu tượng của rồng trong các lĩnh vực văn hoá khác nhau, bao gồm tín ngưỡng dân gian, nghệ thuật và kiến trúc, văn học và thi ca,... Trên cơ sở đó, thấy được tính bản địa cũng như sức sống lâu bền của hình tượng rồng trong không gian văn hoá Trung Hoa từ quá khứ đến hiện tại.</p>
11	Tim hiểu về tín ngưỡng thờ Táo quân của người Hán ở Trung Quốc	Nguyễn Đình Thảo Nhi	Trần Thị Hợi	<p>Đề tài phân tích làm rõ về tín ngưỡng thờ Táo quân của người Hán ở Trung Quốc đi từ nguồn gốc tín ngưỡng, vị trí và vai trò của Táo quân đến thực hành tín ngưỡng. Đề tài còn rút ra những ý nghĩa, những</p>

				biến đổi của tín ngưỡng này ở Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, đồng thời bước đầu có những đối sánh về tín ngưỡng thờ Táo quân ở Trung Quốc và Việt Nam.
12	Tìm hiểu về nghệ thuật thư pháp Trung Hoa	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Trần Thị Hợi	Đề tài tập trung làm rõ nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật thư pháp qua các giai đoạn lịch sử. Đồng thời, đề tài cũng đi sâu phân tích về các phong cách thư pháp, trình bày về các nhà thư pháp tiêu biểu,... Đề tài cũng rút ra những nhận xét, đánh giá về những đặc điểm, ý nghĩa nội hàm văn hoá, những ảnh hưởng của nghệ thuật thư pháp Trung Hoa đến các nước khác trên thế giới.
13	Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc (2001 - 2022).	Nguyễn Thị Thanh Mai	Hoàng Văn Hiến	Từ việc trình bày cơ sở của quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc (2001 - 2022), khoá luận đã phân tích, luận giải những nội dung chính trong quan hệ thương mại hai nước trong giai đoạn này, qua đó rút ra một số nhận xét, đánh giá mang tính độc lập.  Khoá luận sẽ góp phần nhỏ bé vào việc nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc nói chung và quan hệ thương mại song phương nói riêng giữa hai nước trong hơn hai thập niên gần đây.
14	Sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc tại châu Á - Thái Bình Dương (2012 - 2024).	Nguyễn Thị Quý	Hoàng Văn Hiến	Trên cơ sở trình bày các nhân tố tác động, khoá luận đã phân tích, luận giải sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc tại châu Á - Thái Bình Dương trong những năm 2012 - 2025, qua đó, đánh giá tác động của chiến lược này đối với khu vực, Việt Nam cũng như dự báo về triển vọng chiến lược trong thời gian tới.  Nghiên cứu về sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc nói trên sẽ góp phần tìm hiểu rõ hơn về chính sách của cường quốc này cùng những kinh nghiệm lịch sử cần thiết cho các nước trong khu vực về cách thức ứng phó và xây dựng chiến lược đối ngoại phù hợp, đồng thời có cái nhìn toàn diện hơn về xu hướng phát triển trong quan

				hệ quốc tế của châu Á - Thái Bình Dương trong tương lai
15	Văn hóa Hàn Quốc qua hệ thống kính ngữ	Trần Thị My Na	Nguyễn Hoàng Linh	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu mối liên hệ giữa hệ thống kính ngữ trong tiếng Hàn và các đặc điểm văn hóa đặc trưng của Hàn Quốc. Qua việc phân tích các cấp độ kính ngữ, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, khóa luận làm rõ cách kính ngữ phản ánh các yếu tố như tôn ti trật tự, tuổi tác, địa vị xã hội, và mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội Hàn Quốc. Ngoài ra, đề tài còn so sánh hệ thống kính ngữ tiếng Hàn với một số ngôn ngữ khác như tiếng Việt, nhằm làm nổi bật tính độc đáo và vai trò của kính ngữ trong việc duy trì trật tự xã hội và giao tiếp lịch sự. Khóa luận góp phần giúp người học tiếng Hàn hiểu sâu hơn về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, từ đó nâng cao khả năng sử dụng tiếng Hàn một cách chính xác và phù hợp trong các tình huống giao tiếp thực tế.</p>
16	Bê bối chính trị Hàn Quốc (2014-2024)	Lê Thị Nga	Nguyễn Hoàng Linh	<p>Khóa luận tập trung phân tích các bê bối chính trị nổi bật tại Hàn Quốc trong giai đoạn 2014–2024, tiêu biểu là vụ việc liên quan đến cựu Tổng thống Park Geun-hye, vụ can thiệp của doanh nghiệp vào chính trường, và các tranh cãi chính trị trong nhiệm kỳ các tổng thống tiếp theo. Nghiên cứu làm rõ nguyên nhân, diễn biến và hậu quả của các bê bối, đồng thời đánh giá ảnh hưởng của chúng đối với niềm tin công chúng, hệ thống pháp luật và văn hóa chính trị Hàn Quốc. Ngoài ra, khóa luận còn xem xét vai trò của truyền thông và dư luận xã hội trong việc phát hiện, phơi bày và xử lý các vụ việc. Qua đó, đề tài góp phần cung cấp góc nhìn toàn diện về bản chất và sự biến động của đời sống chính trị Hàn Quốc trong thập kỷ qua.</p>
17	Văn hóa Hàn Quốc qua ẩm thực đảo Jeju	Đỗ Thị Lan Trinh	Nguyễn Hoàng Linh	<p>Khóa luận nghiên cứu nét đặc trưng của văn hóa Hàn Quốc thông qua ẩm thực truyền thống tại đảo Jeju – hòn đảo lớn nhất và giàu bản sắc văn hóa dân gian. Thông qua việc tìm hiểu các món ăn tiêu biểu</p>

				<p>nư <i>haemultang</i> (lẩu hải sản), <i>okdom-gui</i> (cá hồng nướng), <i>jeonbokjuk</i> (cháo bào ngư)... và văn hóa <i>haenyeo</i> (nữ thợ lặn), đề tài làm rõ mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, lối sống cư dân địa phương và giá trị văn hóa được thể hiện qua ẩm thực. Ngoài ra, khóa luận còn phân tích vai trò của ẩm thực Jeju trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa vùng miền, quảng bá du lịch và góp phần vào hình ảnh quốc gia của Hàn Quốc. Từ đó, đề tài khẳng định rằng ẩm thực không chỉ là nhu cầu sinh tồn mà còn là phương tiện truyền tải văn hóa sâu sắc.</p>
18	Công nghiệp văn hóa Hàn Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ 21	Trương Thị Thùy Nhung	Hoàng Thị Anh Đào	<p>Đề tài “công nghiệp văn hóa Hàn Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ 21” tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa Hàn Quốc trong giai đoạn 2001-2020, thời kỳ chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của làn sóng Hàn Quốc (Hallyu) và sự vươn lên khẳng định vị thế cường quốc văn hóa toàn cầu của quốc gia này. Đề tài làm rõ khái niệm và đặc điểm của công nghiệp văn hóa, đi sâu vào lịch sử hình thành và phát triển của ngành tại Hàn Quốc qua các giai đoạn, từ sơ khai đến giai đoạn bùng nổ toàn cầu, đồng thời chỉ ra các yếu tố tác động đến sự phát triển của ngành. Thông qua việc nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện, đề tài góp phần làm sáng tỏ những yếu tố then chốt đằng sau sự thành công của công nghiệp văn hóa Hàn Quốc. Từ đó gợi mở những bài học kinh nghiệm giá trị cho các quốc gia khác, đặc biệt là Việt Nam trong việc xây dựng ngành công nghiệp văn hóa bền vững, biến văn hóa thành “sức mạnh mềm” của quốc gia.</p>
19	Chính sách phân tách Phật – Đạo dưới thời kỳ Minh Trị của Nhật Bản (1868 – 1912)	Phạm Thị Quỳnh Thoa	Hoàng Thị Anh Đào	<p>Khái quát, phân tích sự hình thành-phát triển và “bản địa hóa” của Phật giáo tại Nhật Bản từ thời cổ đại đến trước thời Minh Trị. Qua các thời kỳ Asuka, Nara, Heian, Kamakura đến Edo, Phật giáo dung hợp với</p>

				<p>Thần đạo, tạo nên một mô hình tín ngưỡng độc đáo. Từ đó, hình thành hệ thống đền–chùa hợp nhất tạo nên sự ảnh hưởng sâu rộng, đa diện đến đời sống xã hội, văn hóa nghệ thuật và chính trị và tín ngưỡng tâm linh của dân tộc Nhật bản. Bên cạnh đó là sự đề cập, nghiên cứu đến các chính sách, sắc lệnh phân tách Phật – Đạo (Shinbutsu Hanzen Rei/ 神仏判然令) dưới thời kì Minh Trị để thấy rõ sự tái khẳng định quyền lực Thiên hoàng và xây dựng Thần đạo thành quốc giáo. Từ đó cho ta bố cục tổng thể xã hội sau chính sách chính trị- tôn giáo tác động tích cực và tiêu cực đến đương thời thực thi và cả tương lai. Luận văn làm rõ mối quan hệ giữa tôn giáo và quyền lực tại đất nước Nhật Bản , phản ánh đặc tính tiếp biến khôn khéo, mềm dẻo nhưng có phần cực đoan của quá trình “quốc đạo hóa Thần đạo” - phương thức chính trị của Thiên Hoàng Minh Trị.</p>
20	Quá trình hình thành và phát triển của tập đoàn Hyundai (Hàn Quốc)	Cao Thị Ánh Tuyết	Hoàng Thị Anh Đào	<p>Quá trình hình thành và phát triển của tập đoàn Hyundai Hàn Quốc” sẽ tập trung tìm hiểu vào tập đoàn Hyundai từ 1947 đến nay. Tập đoàn Hyundai là một minh chứng điển hình cho sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Hàn Quốc sau chiến tranh. Từ một công ty xây dựng nhỏ thành lập vào năm 1947, Hyundai đã không ngừng mở rộng sang nhiều lĩnh vực. Sự phát triển của Hyundai không chỉ phản ánh sự thành công của một tập đoàn mà còn đại diện cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Hàn Quốc. Quá trình hình thành và phát triển của Hyundai phản ánh rõ hành trình để vượt qua khó khăn, đổi mới sáng tạo cũng như hội nhập toàn cầu của tập đoàn. Thông qua tìm hiểu nghiên cứu đề tài sẽ làm rõ sự thành công của tập đoàn Hyundai và cũng như cung cấp bài học quý giá về chiến lược phát triển bền vững trong môi trường kinh tế cạnh tranh toàn cầu.</p>
21	Chính sách hướng Nam mới của Hàn	Phan Thị Thu	Lê Vũ Trường Giang	<p>Chính sách Hướng Nam Mới (NSP) của Hàn Quốc giai đoạn</p>

	<p>Quốc gia đoạn 2017 - 2024 và hàm ý chính sách cho Việt Nam</p>			<p>2017 - 2024 được thực hiện dựa trên nền tảng các lý thuyết quan hệ quốc tế như chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do. NSP được xây dựng nhằm đa dạng hóa đối tác, giảm phụ thuộc vào các siêu cường và khẳng định vai trò của Hàn Quốc như một cường quốc tầm trung chủ động trong khu vực. Khóa luận đã phân tích sâu Chính sách Hướng Nam Mới (NSP) của Hàn Quốc dưới thời Tổng thống Moon Jae-in, triển khai từ 2017 và so sánh với chính sách tương tự của Đài Loan. NSP hướng đến tăng cường hợp tác toàn diện với ASEAN và Ấn Độ trên ba trụ cột: Con người – Thịnh vượng – Hòa bình. Chính sách này thúc đẩy giao lưu văn hóa, đầu tư, giáo dục, y tế công cộng, công nghệ và an ninh phi truyền thống. Đây là bước chuyển chiến lược của Hàn Quốc nhằm mở rộng không gian phát triển, khẳng định bản sắc ngoại giao tự chủ và nâng cao vị thế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu đang định hình lại trật tự.</p>
22	<p>Ảnh hưởng văn hóa phương Tây trong kiến trúc Huế thời kỳ Pháp thuộc (1885 – 1945)</p>	<p>Nguyễn Thị Diễm My</p>	<p>Lê Vũ Trường Giang</p>	<p>Khóa luận nghiên cứu sự du nhập và ảnh hưởng của văn hóa – kiến trúc phương Tây vào Huế trong thời kỳ Pháp thuộc, với trọng tâm là quá trình tiếp nhận, biến đổi và biểu hiện cụ thể qua các công trình kiến trúc tiêu biểu. Qua ba chương, khóa luận trình bày: Cơ sở lý luận và bối cảnh lịch sử của kiến trúc Việt Nam và Huế trước và trong thời kỳ giao lưu Đông – Tây. Phân tích các loại hình, phong cách kiến trúc phương Tây hiện diện tại Huế như tân cổ điển, Art Deco, Đông Dương..., cùng các công trình tiêu biểu: công sở, nhà thờ, bệnh viện, trường học, và nhà ở thuộc địa. Đồng thời đề xuất các giải pháp bảo tồn như phát huy giá trị di sản trong du lịch, tăng cường vai trò cộng đồng và chính quyền. Toàn bộ nghiên cứu khẳng định rằng, kiến trúc phương Tây không xóa nhòa bản sắc Huế, mà góp phần tạo nên một diện mạo đô thị đa</p>

				dạng, giao thoa – một di sản đặc sắc cần được gìn giữ và phát huy.
23	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Kinh thành Huế trong phát triển du lịch bền vững	Nguyễn Đức Nam	Trần Mai Phương	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc của di sản Kinh thành Huế, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững. Từ việc phân tích thực trạng công tác bảo tồn và khai thác du lịch di sản Kinh thành Huế hiện nay, đề tài chỉ ra những khó khăn, thách thức cũng như tác động hai chiều giữa du lịch và bảo tồn. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn hiệu quả di sản, đồng thời phát triển du lịch Kinh thành Huế theo hướng bền vững, góp phần gìn giữ giá trị di sản và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Kết quả nghiên cứu giúp nâng cao nhận thức cộng đồng và là cơ sở tham khảo cho công tác bảo tồn gắn với phát triển du lịch trong tương lai.</p>
24	Biến đổi địa danh, địa giới hành chính và tổ chức bộ máy hành chính cấp cơ sở ở Thừa Thiên Huế từ năm 1945 đến năm 2024	Nguyễn Hoàng Phúc Lâm	Mai Văn Đước	<p>Đề tài tập trung làm rõ những thay đổi về địa danh, địa giới hành chính và tổ chức bộ máy hành chính cấp xã ở Thừa Thiên Huế từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đến năm 2024. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quản lý hành chính cấp xã.</p>
25	Phong trào đấu tranh yêu nước ở Quảng Ngãi từ năm 1885 đến năm 1930	Thái Nguyễn Văn Thi	Mai Văn Đước	<p>Đề tài trình bày các phong trào đấu tranh yêu nước chống thực dân Pháp đô hộ từ Phong trào Cần Vương đến trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.</p>
26	Tim hiểu về các lễ hội truyền thống ở Nhật Bản	Nguyễn Hà Gia Hân	Lê Thị Anh Đào	<p>Nhật Bản là đất nước có nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc. Các lễ hội ở Nhật Bản phản ánh sâu sắc văn hoá, lịch sử, tôn giáo của dân tộc Nhật đồng thời có ý nghĩa rất lớn trong đời sống hiện đại ngày nay. Lễ hội truyền thống Nhật Bản đã, đang trở thành một trong những yếu tố gắn kết sức mạnh văn hoá dân tộc từ quá khứ đến hiện tại và là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến đời sống xã hội, phát triển kinh tế Nhật Bản hiện nay.</p>
<b>Khoa Lý luận chính trị</b>				

1	Quản lý nhà nước về thực hiện cải cách chính sách tiền lương tại phường Võ Dạ, quận Thuận Hóa, thành phố Huế hiện nay.	Trần Thị Tùng Chi	Trần Thị Hà Trang	Đề tài tập trung phân tích nội dung cải cách chính sách tiền lương theo hướng đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức; các giải pháp quản lý; những bất cập còn tồn tại và đề xuất phương án giải quyết nhằm hướng đến hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực cải cách chính sách tiền lương.
2	Quản lý nhà nước về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum hiện nay.	Y Thu	Nguyễn Thị Phương	Phân tích thực trạng cải cách hành chính trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum trong thời gian qua, từ đó làm rõ những thành tựu, đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong QLNN về cải cách hành chính trên địa bàn huyện.
3	Quản lý nhà nước về thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị hiện nay.	Hồ Thị Chơn	Hà Lê Dũng	Quản lý nhà nước về thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị hiện nay.
4	Vấn đề cải cách hành chính của huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị hiện nay.	Lê Văn Phú	Hà Lê Dũng	khóa luận nghiên cứu về các vấn đề đặt ra trong quá trình cải cách hành chính tại huyện Hải Lăng, đó là: cải cách và đơn giản hóa về thủ tục hành chính; công khai và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; những vấn đề về cán bộ, về cơ sở vật chất, thiết bị... liên quan đến cải cách hành chính của huyện Hải Lăng.
5	Quản lý nhà nước về trật tự đô thị tại thị xã Hương Thủy, thành phố Huế trong giai đoạn hiện nay.	Nguyễn Viết Phước	Hà Lê Dũng	Đề tài: “Quản lý nhà nước về trật tự đô thị tại thị xã Hương Thủy, thành phố Huế giai đoạn hiện nay” để nghiên cứu, nhằm khắc phục những tồn tại, phát huy những ưu điểm, đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giữ gìn trật tự đô thị của ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy.
6	Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam hiện nay.	Hồ Thị Hồng Giang	Nguyễn Thị Thu Hà	Trước những vấn đề mới, bất cập nảy sinh nhất là vai trò quản lý nhà nước trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên phạm vi toàn quốc nói chung, tại huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam nói riêng, cũng như những yêu cầu mới đặt ra về việc xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu cần được phân tích, nghiên cứu,

				đánh giá, tổng kết... để tăng cường hiệu quả của tác dụng của chương trình này là một vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa về cả lý luận và thực tiễn hiện nay.
7	Vai trò của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới tại xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.	Lê Thị Diệu Hằng	Trương Thùy Hương	Khoá luận góp phần làm rõ những vấn đề cốt yếu và cấp thiết nhất để phát huy vai trò của chính quyền cấp xã trong XD NTM. Đặc biệt là phân tích, đánh giá đúng thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã về XD NTM ở xã Sơn Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, từ đó đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã về XD NTM ở địa phương trong thời gian tới.
8	Quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Lê Bình Phương Luân	Vấn đề quản lý nhà nước về giáo dục đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu, học giả và các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm. Việc nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo mà còn góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và từng địa phương nói riêng. công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đặc biệt là tại các địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa như huyện Đăk Tô, vẫn còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và hiệu quả thực thi chính sách. Những nghiên cứu này đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, làm tiền đề đề tài tiếp tục di sản phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương.
9	Quản lý nhà nước về thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo trên địa bàn thị trấn Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, thành phố Huế hiện nay.	Trần Văn Tiến	Lê Bình Phương Luân	Công tác quản lý nhà nước về thực hiện chính sách giảm nghèo ở thị trấn Lộc Sơn vẫn còn một số bất cập. Một số chương trình, chính sách còn thiếu tính đồng bộ, chưa có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, công tác triển khai thực hiện đánh giá giám sát việc thực thi chính sách còn hạn chế, hệ thống chính sách chưa thực sự tạo động lực mạnh mẽ để người nghèo thoát nghèo, kết quả giám sát còn thiếu tính bền vững và chưa tìm được những giải pháp thiết

				<p>thực phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và đánh giá một cách chi tiết, có hệ thống về những chính sách này là cần thiết, để từ đó đưa ra các giải pháp điều chỉnh phù hợp, giúp nâng cao hiệu quả của các công tác quản lý và các chính sách xóa đói giảm nghèo trong thời gian tới.</p>
10	<p>Quản lý nhà nước về khám chữa bệnh từ thực tiễn Trung tâm y tế quận Phú Xuân, thành phố Huế hiện nay</p>	<p>Nguyễn Văn Việt Hoàng</p>	<p>Hoàng Trần Như Ngọc</p>	<p>Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác khám chữa bệnh tại thành phố cũng còn nhiều bất cập, hạn chế gây ảnh hưởng đến công tác khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân, đặc biệt là hoạt động quản lý nhà nước về khám chữa bệnh. Những vướng mắc của công tác này chủ yếu xoay quanh các vấn đề về BHYT liên quan đến KCB; công tác đấu thầu thuốc và vật tư, trang thiết bị, nhiều thông tư về công tác KCB được ra đời, công tác thành tra, kiểm tra... ít nhiều có ảnh hưởng đến công tác quản lý của đơn vị. Đề làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động quản lý nhà nước về khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế quận Phú Xuân, thành phố Huế hiện nay. Từ đó chỉ ra được những kết quả đạt được cũng như tồn tại, hạn chế, phân tích nguyên nhân của những tồn tại hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác này.</p>
11	<p>Quản lý nhà nước về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã Ia Hiao, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai hiện nay.</p>	<p>Nay H' Lan</p>	<p>Nguyễn Thị Thắng</p>	<p>Khóa luận đã dựa trên kết quả nghiên cứu thực tế về chất lượng và các hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã Ia Hiao, từ đó đưa ra đánh giá về thực trạng đồng thời cũng chỉ ra được những mặt tích cực cũng như hạn chế và đưa ra các giải pháp, khuyến nghị nhằm thực hiện quản lý nhà nước về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã Ia Hiao. Các quan điểm và giải pháp nêu trong luận văn có thể áp dụng nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ, công chức cấp xã trong tình hình mới.</p>
12	<p>Quản lý nhà nước về phát triển nông thôn ở huyện Ia</p>	<p>Ngân Văn Minh</p>	<p>Đào Thị Vinh</p>	<p>Đề tài “Quản lý nhà nước về phát triển nông thôn huyện Ia H’Drai tỉnh Kon Tum hiện nay” có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn.</p>

	H'Drai, tỉnh Kon Tum hiện nay			Việc nghiên cứu đề tài này không chỉ giúp làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước trong phát triển nông thôn mà còn góp phần đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thúc đẩy sự phát triển bền vững của huyện Ia H'Drai trong thời gian tới.
13	Quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng ở huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị hiện nay.	Hồ Văn Pan	Đào Thị Vinh	Xuất phát từ thực tế nạn phá rừng, khai thác rừng trái phép đang là vấn đề gây bức xúc trong nhiều năm nay trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, đề tài tập trung nghiên cứu trong phạm vi huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, thời gian kể từ khi thực hiện Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 (sửa đổi) đến nay, trong đó tập trung vào giai đoạn từ năm 2021 – 2025. Đây là giai đoạn cả nước cùng đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ và phát triển rừng tạo đà để hoàn thành kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021 - 2030.
14	Quản lý nhà nước về việc sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai hiện nay.	Nga	Lâm Thái Bảo Ngân	Về mặt lý luận, đề tài góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho công tác quản lý nhà nước về đất nông nghiệp, làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến sử dụng và quản lý đất nông nghiệp trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cung cấp thêm dữ liệu thực tiễn về quản lý đất đai tại một địa phương cụ thể, giúp hoàn thiện hệ thống lý luận và chính sách về đất đai. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu giúp đánh giá thực trạng quản lý đất nông nghiệp tại huyện Đak Đoa, chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đất đai tại địa phương. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho chính quyền huyện Đak Đoa trong việc xây dựng các chính sách quản lý đất nông nghiệp phù hợp, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững và bảo đảm quyền lợi của người dân.
15	Cải cách hành chính tại huyện Quảng Điền, thành phố Huế hiện nay.	Trần Thị Tiểu Ny	Lâm Thái Bảo Ngân	Khóa luận góp phần giúp chính quyền huyện Quảng Điền có cái nhìn toàn diện về những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề

				xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và chất lượng dịch vụ công. Ngoài ra, có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên các ngành Quản lý nhà nước, Hành chính công, Chính sách công.
16	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thị trấn Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.	Nguyễn Văn Nghĩa	Nguyễn Thị Hiền	Quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội được xem là một nhiệm vụ thiết yếu, đóng vai trò quan trọng trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Việc bảo vệ an ninh quốc gia và duy trì trật tự, an toàn xã hội là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, không chỉ nhằm bảo vệ những thành tựu của cách mạng mà còn để đảm bảo một cuộc sống ổn định cho người dân và toàn xã hội. Điều này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững và theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Hơn nữa, nó còn giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.
17	Thực trạng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã A Nông, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.	Bling Nghiêm	Trần Thị Giang	Yêu cầu cấp thiết hiện nay là phải tìm hiểu, đánh giá một cách sát thực, chi tiết công tác quản lý nhà nước về đất đai về chuyển đổi mục đích sử dụng, chuyển quyền sử dụng, thu hồi đất, các sai phạm từ hành vi làm trái pháp luật đất đai...từ đó, đưa ra những giải pháp cụ thể để hoàn thiện công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn xã A Nông. Vì vậy, việc nghiên cứu và đánh giá thực tiễn quá trình QLNN về đất đai ở xã A Nông, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam để từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp QLNN phù hợp hơn với thực tiễn yêu cầu phát triển của xã trong tương lai gần. Xuất phát từ thực tiễn cấp thiết nêu trên, tác giả chọn đề tài “Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã A Nông, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam” làm khoá luận tốt nghiệp của mình.
18	Quản lý nhà nước về đội ngũ công chức ở huyện Quảng Điền, thành phố Huế hiện nay.	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	Trần Thị Giang	Huyện Quảng Điền, thành phố Huế hiện nay đang chuyển mình bước vào kỷ nguyên vươn mình cùng với dân tộc. Quản lý đội ngũ CC ngày càng coi trọng yếu tố năng lực - yếu tố quan trọng của nền công vụ. Thông qua công tác quản lý đội ngũ

				<p>CC huyện đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ CC từ công tác, bố trí, sử dụng đội ngũ này được thực hiện khá hiệu quả đến công tác đào tạo, bồi dưỡng CC ngày càng được đẩy mạnh, giúp nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cho CC... Từ đó, tạo tiền đề vững chắc để huyện Quảng Điền tiếp tục phát triển bền vững trong thời gian tới góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền địa phương và đảm bảo phát triển bền vững, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Đây là nền tảng quan trọng góp phần thực hiện các định hướng, mục tiêu tuyển dụng CC cấp xã.</p>
19	<p>Quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, thành phố Huế hiện nay.</p>	<p>Võ Trương Đức Nhã</p>	<p>Nguyễn Thị Hoa</p>	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực an sinh xã hội tại xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, thành phố Huế trong giai đoạn hiện nay; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, góp phần bảo đảm đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.</p>
20	<p>Quản lý nhà nước về du lịch tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk hiện nay.</p>	<p>Phạm Diễm Quỳnh</p>	<p>Thái Thị Khương</p>	<p>Ngành du lịch nói chung và du lịch tại huyện Buôn Đôn nói riêng đã có những bước phát triển mạnh mẽ tạo ra hướng chuyên dịch cơ cấu nền kinh tế, và dần chuyển sang lĩnh vực dịch vụ. Góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình, và hơn thế nữa là bảo tồn giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, và truyền thống dân tộc. Tuy nhiên, trong những năm qua du lịch Buôn Đôn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế có sẵn nhất là du lịch, hai là văn hóa ẩm thực, ba là điểm tham quan nổi bật, bốn là hoạt động ngoài trời...vv. Những định hướng này mang lại sự phát triển du lịch Buôn Đôn ổn định và bền vững trong điều kiện mới, đặc biệt là vấn đề QLNN về phát triển du lịch trên địa bàn huyện, cần xây dựng quy hoạch, chương trình kế hoạch phát triển du lịch, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh</p>

				<p>giá và công nhận các điểm du lịch tại các địa phương. Bên cạnh đó công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn hạn chế đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật cho ngành du lịch còn yếu, công tác quảng bá truyền tải còn gặp nhiều khó khăn.</p>
21	<p>Cải cách hành chính tại phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế hiện nay.</p>	<p>Trần Quý Minh Tuấn</p>	<p>Thái Thị Khương</p>	<p>Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, một trong những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015 là đẩy mạnh cải cách hành chính. Điều này xuất phát từ đòi hỏi chung của sự phát triển kinh tế - xã hội và thực tế tình hình áp dụng thủ tục hành chính trong giải quyết công việc có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.</p> <p>Theo tinh thần trên, việc cải cách thủ tục hành chính đã được Đảng ủy, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Ninh quan tâm chỉ đạo thực hiện, đơn giản hóa đạt hiệu quả cả về số lượng, chất lượng, đem lại hiệu quả thiết thực cho người dân, doanh nghiệp (về thời gian giải quyết những giấy tờ không cần thiết như trong một số lĩnh vực kế hoạch - đầu tư, xây dựng, tài nguyên khoáng sản, đất đai, lao động, chứng thực, đăng ký kinh doanh....</p>
22	<p>Quản lý nhà nước về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum hiện nay.</p>	<p>Y Thu</p>	<p>Nguyễn Thị Phương</p>	<p>Huyện Ia H'Drai được thành lập năm 2015, có đường biên giới dài hơn 79 km tiếp giáp với Vương quốc Campuchia và là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), chiếm hơn 60% dân số. Điều này tạo nên sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán, và trình độ dân trí. Mới được thành lập và đi vào hoạt động 10 năm, huyện Ia H'Drai vẫn đang trong giai đoạn kiến thiết và hoàn thiện bộ máy hành chính, hệ thống văn bản pháp luật, cùng với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Quá trình này không tránh khỏi những thách thức và khó khăn, vì vậy, cần có một nghiên cứu sâu sắc để xác định rõ những vấn đề tồn tại. Từ đó đề xuất các giải pháp tối ưu, xây dựng một bộ máy hành chính hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Theo báo cáo sơ bộ, trong 6 tháng đầu năm 2021 huyện đã ghi</p>

				nhận những chuyển biến tích cực trong công tác CCHC và văn thư - lưu trữ
<b>Khoa Báo chí – Truyền thông</b>				
1	Thông tin về festival nghệ truyền thống Huế trên báo Thừa Thiên Huế online năm 2024	Đinh Thị Hồng Diễm	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu thông tin về Festival Nghệ truyền thống Huế trên báo Thừa Thiên Huế online năm 2024, nhằm đánh giá vai trò báo chí địa phương trong bảo tồn và quảng bá văn hóa truyền thống. Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn, khóa luận đã tập trung khảo sát thực tiễn chuyên mục Festival; phân tích nội dung, hình thức thông tin năm 2023; đánh giá ưu điểm, hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng truyền thông. Kết quả nghiên cứu cho thấy báo Thừa Thiên Huế Online năm 2024 đã phản ánh phong phú lễ hội thông qua nhiều hình thức như tin bài, ảnh, video..., góp phần lan tỏa giá trị nghệ truyền thống Huế, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế về tính tương tác và chiều sâu phân tích. Từ thực tế ấy, khóa luận đề xuất một số giải pháp tăng cường đầu tư nội dung và hình thức thể hiện, nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông trong bối cảnh báo chí điện tử đang phát triển hiện nay</p>
2	Thông điệp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số trên đài PTTH Kon Tum hiện nay	Phan Thị Linh	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu nội dung và hình thức thể hiện thông điệp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số trên Đài PT – TH Kon Tum. Bằng việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phân tích nội dung, điều tra xã hội học, thống kê và tổng hợp, khóa luận khảo sát 4 chương trình truyền hình tiêu biểu từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2025.</p> <p>Kết quả cho thấy, Đài PT – TH Kon Tum đã có nhiều nỗ lực trong việc truyền tải thông điệp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số thông qua các nội dung về phong tục, lễ hội, nghệ thuật, ẩm thực,... Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, vẫn còn nhiều hạn chế về cả nội dung và hình thức. Từ đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng truyền thông về bản sắc văn hoá dân tộc</p>

				thiếu số trên Đài PT – TH Kon Tum trong thời gian tới.
3	Thông tin về đề tài chống tiêu cực, lãng phí trên báo Pháp luật Việt Nam năm 2024	Trương Thị Phương Linh	Hoàng Tất Thắng	Trên cơ sở hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài, khóa luận đã tập trung khảo sát gần 90 bài viết thuộc nhiều thể loại, phản ánh các vụ án điển hình và các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng lĩnh vực đất đai và đấu thầu là nơi xảy ra nhiều sai phạm nhất, tiếp đến là ngân hàng, y tế, giáo dục và giao thông. Các bài viết trên báo đã góp phần nâng cao nhận thức xã hội, thúc đẩy xử lý sai phạm, đồng thời thể hiện tính đa dạng về hình thức thể hiện như ảnh, đồ họa, video. Bên cạnh các ưu điểm nổi bật về tính định hướng và thông tin chính thống, khóa luận cũng chỉ ra một số hạn chế như thiếu sự đầu tư chiều sâu trong điều tra độc lập và hạn chế tương tác đa nền tảng. Từ đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả thông tin báo chí trong công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay
4	Ứng dụng AI trong truyền thông kiến trúc	Võ Quốc Thành Long	Hoàng Tất Thắng	Khóa luận “Ứng dụng AI trong truyền thông kiến trúc” tập trung nghiên cứu vai trò, thực trạng và giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực truyền thông kiến trúc tại Việt Nam. Chương 1 hệ thống hóa nền tảng lý luận về AI và truyền thông kiến trúc, làm rõ cách AI được tích hợp trong sản xuất nội dung, cá nhân hóa trải nghiệm và phân tích hiệu quả truyền thông. Chương 2 trình bày kết quả khảo sát 100 người trong ngành và phỏng vấn chuyên gia, chỉ ra mức độ nhận thức, tần suất sử dụng, công cụ phổ biến và khó khăn khi áp dụng AI, đồng thời phân tích hai mô hình ứng dụng tiêu biểu ở trong nước và quốc tế. Chương 3 đề xuất hệ thống giải pháp gồm đào tạo, nâng cao nhận thức, kết hợp con người – AI và quản lý công cụ nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông kiến trúc. Khóa luận góp phần cung cấp cơ sở lý luận, dữ liệu thực tiễn và định hướng phát triển ứng dụng AI cho ngành kiến trúc trong bối cảnh chuyển đổi số

5	Chuyên mục Giáo dục trong bản tin Chuyển động 24h của kênh VTV1 hiện nay	Bùi Thảo Nguyên	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận với đề tài: “<b>Chuyên mục giáo dục trên bản tin Chuyển Động 24H kênh VTV1 hiện nay</b>” tập trung nghiên cứu về chuyên mục giáo dục trên bản tin thời sự Chuyên động 24H của VTV1, dựa trên phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và kết hợp với các Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát bảng hỏi đối với khán giả của Chuyển động 24H, phân tích nội dung các bản tin phát sóng, đồng thời tham khảo các tài liệu lý luận, các lý thuyết truyền thông như lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự, lý thuyết tiếp nhận, và lý thuyết không gian công nhằm làm rõ vai trò, thực trạng và tác động của chuyên mục này trong việc truyền tải thông tin giáo dục đến công chúng. Đồng thời thông qua những phản hồi từ công chúng đón nhận về nội dung và hình thức, những thành công và hạn chế của chuyên mục để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của chuyên mục giáo dục trên bản tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông giáo dục trong bối cảnh mới</p>
6	Đặc điểm chương trình truyền hình trên Kênh VTV7 hiện nay	Võ Đình Nhật	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận tập trung làm rõ cách thức xây dựng và tổ chức nội dung chương trình truyền hình giáo dục trong bối cảnh truyền thông hiện đại tại Việt Nam. Từ việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn, khóa luận đã phân tích toàn diện hệ thống chương trình trên kênh VTV7 trong giai đoạn từ tháng 03/2024 đến tháng 01/2025.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, kênh VTV7 có hệ thống chương trình đa dạng, phục vụ nhiều nhóm đối tượng từ trẻ em đến người lớn, kết hợp giữa giáo dục và giải trí với các thể loại phong phú như talkshow, hoạt hình, tài liệu, gameshow... Các chương trình được đầu tư cả về nội dung và hình thức thể hiện, ứng dụng đồ họa sinh động, công nghệ tương tác và mở rộng truyền thông trên nền tảng số. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những bất cập như sự mất cân đối giữa các nhóm đối tượng, trùng lặp nội dung và thiếu công cụ đo lường hiệu quả. Trên cơ</p>

				sở đó, khóa luận đề xuất các định hướng phát triển và giải pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, khẳng định vai trò tiên phong của VTV7 trong lĩnh vực truyền hình giáo dục hiện nay
7	Chuyên trang Pháp luật plus của báo Pháp luật Việt Nam năm 2024	Nguyễn Thị Hằng Nhi	Hoàng Tất Thắng	Đề tài tập trung nghiên cứu nội dung, hình thức và các đề tài chủ lực trên chuyên trang Pháp luật Plus, một chuyên trang truyền thông về các sự kiện, vấn đề chuyên về lĩnh vực pháp luật diễn ra trong đời sống xã hội. Chương 1 đặt nền tảng lý luận và thực tiễn, giới thiệu khái quát về cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, thông tin về chuyên trang Pháp luật Plus, cấu trúc tổ chức và định hướng hoạt động của cơ quan chủ quản là báo Pháp luật Việt Nam. Qua chương 2, tiến hành khảo sát và phân tích ba yếu tố chính: nội dung, hình thức trình bày và thể loại báo chí chủ lực trên chuyên trang Pháp luật Plus. Cuối cùng, chương 3 đi vào đánh giá ưu điểm cũng như hạn chế. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp chuyên trang Pháp luật Plus khắc phục những yếu điểm còn tồn đọng và khẳng định vai trò trong truyền thông pháp luật, phục vụ công chúng hiệu quả hơn trong tương lai
8	Chuyên mục Văn hóa trên báo Quảng Bình điện tử năm 2024	Hồ Thị Mỹ Phương	Hoàng Tất Thắng	Khóa luận tập trung nghiên cứu chuyên mục Văn hóa trên báo Quảng Bình điện tử năm 2024. Nội dung gồm ba phần chính: làm rõ cơ sở lý luận thông qua việc trình bày các khái niệm liên quan đến <i>chuyên mục</i> , <i>chuyên mục Văn hóa</i> và <i>báo điện tử</i> ; phân tích thực tiễn hoạt động chuyên mục Văn hóa với các tiêu chí về nội dung, hình thức, cách tiếp cận và khai thác vấn đề; điểm mạnh, hạn chế; thống kê và khảo sát ý kiến độc giả; so sánh chuyên mục Văn hóa với một số chuyên mục khác để nhận diện rõ vai trò, đặc điểm và giá trị riêng. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng thông tin và hiệu quả thể hiện chuyên mục Văn hóa, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của độc giả trong môi trường báo chí điện tử hiện nay

9	Chuyên mục Đời sống trên báo VNExpress năm 2024	Nguyễn Tuấn Quang	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu chuyên mục đời sống trên báo VnExpress năm 2024. Từ việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn, khóa luận tập trung phân tích đặc điểm nội dung, hình thức và vai trò của chuyên mục đời sống trong việc phản ánh các khía cạnh đa dạng của đời sống xã hội Việt Nam đương đại. Đặc biệt, khóa luận đi sâu phân tích các lĩnh vực như <i>nhịp sống</i>, <i>tổ ấm</i>, <i>bài học sống</i>, <i>cooking</i>, <i>tiêu dùng</i> về các khía cạnh nội dung bài viết, thống kê số lượng tác phẩm báo chí được đăng tải trên chuyên mục, khảo sát ý kiến công chúng để đánh giá mức độ quan tâm, sự hài lòng cũng như tác động của chuyên mục đời sống. Cuối cùng, khóa luận đã đưa ra một số nhận xét về ưu điểm, hạn chế của chuyên mục đời sống, làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin và hình thức trình bày, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng của độc giả trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ như hiện nay.</p>
10	Đặc điểm chương trình truyền hình trên kênh VTV4 hiện nay	Nguyễn Quốc Việt	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu các chương trình truyền hình trên kênh VTV4 trong bối cảnh truyền thông đối ngoại và toàn cầu hóa. Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận về truyền hình và vai trò xã hội của kênh VTV4, tác giả đã phân tích đặc điểm hệ thống chương trình, từ đó cho thấy kênh đã phát huy hiệu quả nhiệm vụ thông tin đối ngoại và kết nối cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế như nội dung chưa thực sự đặc sắc, khung giờ phát sóng chưa tối ưu và mức độ tương tác còn thấp. Qua khảo sát nội dung và hình thức thể hiện chương trình trong giai đoạn 2024–2025, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình, bao gồm đổi mới nội dung, ứng dụng công nghệ, tăng cường tương tác và phát triển bản sắc riêng. Khóa luận góp phần khẳng định vai trò chiến lược của VTV4 trong công tác truyền thông đối ngoại và mở ra</p>

				hướng nghiên cứu truyền hình trong thời đại số
11	Đặc điểm chương trình truyền hình trên kênh VTV1 hiện nay	Nguyễn Thị Lệ Xuân	Hoàng Tất Thắng	<p>Khóa luận tập trung phân tích vai trò, nội dung và hình thức thể hiện của kênh VTV1 – kênh chính luận chủ lực của Đài Truyền hình Việt Nam. Đặc biệt, khóa luận đã đi sâu phân tích các đặc điểm về thể loại, khung giờ, thời lượng và định hướng nội dung của VTV1, qua đó khẳng định vai trò định hướng thông tin, phản ánh đời sống xã hội và phục vụ lợi ích công chúng của kênh. Các chương trình chính luận, thời sự, chuyên đề được đầu tư nghiêm túc, thể hiện rõ tính định hướng, khách quan và nhân văn. Bên cạnh việc trình bày các ưu điểm, khóa luận cũng chỉ ra những hạn chế về sự cân đối thể loại, tính linh hoạt trong khung giờ và mức độ tương tác với khán giả trẻ. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nội dung, tối ưu hóa sản xuất và tăng cường sức cạnh tranh trong bối cảnh truyền thông số, góp phần phát triển bền vững VTV1 với tư cách là kênh truyền hình quốc gia</p>
12	Nội dung và hình thức của chuyên mục “Bạn đọc làm báo” trên báo Tuổi Trẻ Online năm 2024	Trần Hữu Duy	Phan Quốc Hải	<p>Đề tài tập trung nghiên cứu nội dung và hình thức thể hiện của chuyên mục “Bạn đọc” trên báo Tuổi Trẻ Online – một chuyên mục mang tính tương tác cao, nơi độc giả phản ánh, bày tỏ ý kiến và chia sẻ quan điểm cá nhân về các vấn đề xã hội, chính trị, giáo dục, pháp luật và đời sống. Bằng cách tiếp cận từ các lý thuyết truyền thông như thuyết dựng khung, thuyết sử dụng và thỏa mãn, thuyết phản hồi công chúng, nghiên cứu phân tích sâu sắc cả về nội dung (chủ đề, giọng điệu, lập luận) lẫn hình thức thể hiện (thể loại bài viết, cách trình bày, ngôn ngữ, phương tiện trực quan). Sử dụng kết hợp phương pháp định tính (phân tích nội dung, phỏng vấn sâu) và định lượng (khảo sát trên 100 độc giả, thống kê bài viết trong 6 tháng cuối năm 2024), khóa luận cho thấy chuyên mục “Bạn đọc” không chỉ là kênh thông tin phản ánh đa chiều mà còn là cầu nối hiệu quả giữa tòa soạn và</p>

				<p>công chúng. Độc giả không còn thụ động tiếp nhận mà đã trở thành chủ thể tích cực tham gia quá trình truyền thông. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường tương tác và phát triển chuyên mục theo hướng hiện đại, gần gũi, phục vụ tốt hơn nhu cầu xã hội</p>
13	<p>Phương thức thông tin của trung tâm thương mại Aeon Mall Huế trên nền tảng FB (Khảo sát tài khoản Aeon Mall Huế trên FB)</p>	<p>Hoàng Trần Tuấn Dũng</p>	<p>Phan Quốc Hải</p>	<p>Đề tài tập trung nghiên cứu phương thức truyền thông mà Aeon Mall Huế triển khai trên nền tảng Facebook trong giai đoạn trước và sau khai trương. Thông qua việc phân tích các bài đăng (văn bản, ảnh, video, livestream...), khóa luận đánh giá hiệu quả của từng dạng nội dung đối với khả năng tiếp cận, tương tác và định vị hình ảnh thương hiệu trong tâm trí người tiêu dùng. Bằng lý thuyết tiếp cận nghiên cứu gồm <i>Lý thuyết sự tham gia trên mạng xã hội</i> và <i>Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự</i>, kết hợp phương pháp định tính (phân tích nội dung, hình thức truyền tải) và định lượng (thống kê chỉ số tương tác và tần suất đăng), đề tài đã chỉ ra rằng các bài viết mang yếu tố cảm xúc, tương tác (như minigame, video, livestream) có hiệu quả truyền thông vượt trội so với các nội dung hành chính. Kết quả nghiên cứu góp phần lý giải cách thức Aeon Mall Huế xây dựng chiến lược nội dung phù hợp với xu hướng truyền thông số, đồng thời gợi mở hướng phát triển bền vững cho truyền thông doanh nghiệp</p>
14	<p>Thông tin về du lịch trong chuyên mục Văn hoá - Du lịch trên báo Huế ngày nay Online</p>	<p>Đặng Thị Thu Hằng</p>	<p>Phan Quốc Hải</p>	<p>Với đề tài tôi tập trung nghiên cứu đánh giá những bài đăng trong chuyên mục Du lịch ở báo Huế Ngày Nay Online . Ở mục tiêu nghiên cứu là làm rõ nội dung, hình thức và cách thức truyền tải thông tin du lịch, đồng thời tìm hiểu mức độ đáp ứng nhu cầu của độc giả về thông tin du lịch tại địa phương. kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu tiến hành phân tích nội dung và đo lường các yếu tố truyền thông trong các bài viết đăng tải. Phương pháp định tính giúp làm rõ cách thức thể hiện thông tin du lịch, giọng điệu, phong cách ngôn</p>

				<p>ngữ và vai trò của các yếu tố như tiêu đề, sapo, hình ảnh minh họa trong việc thu hút và định hướng độc giả. Trong khi đó, phương pháp định lượng hỗ trợ thống kê số lượng bài viết, phân loại chủ đề, đo tần suất từ khóa, độ dài bài viết, số lượng hình ảnh... Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyên mục “Du lịch” của báo Huế Ngày Nay Online phản ánh khá đa dạng thông tin về du lịch địa phương, với sự đầu tư về nội dung và hình thức thể hiện</p>
15	<p>Đặc điểm phóng sự trong chương trình thời sự 19h45 của Huế TV</p>	<p>Nguyễn Đình Hiếu</p>	<p>Phan Quốc Hải</p>	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu những đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự truyền hình, đặc biệt là cách thức phóng sự truyền tải thông tin đến công chúng trong chương trình Thời sự 19 giờ 45 của Huế TV. Trên cơ sở khảo sát, phân tích và đánh giá thực tế, đề tài làm rõ các ưu điểm và hạn chế trong quá trình sản xuất và phát sóng phóng sự của đài, đồng thời khảo sát mức độ tiếp nhận thông tin từ phía công chúng. Từ đó, khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nội dung và hình thức thể hiện của phóng sự truyền hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các phóng sự trong chương trình Thời sự 19 giờ 45 vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận sâu sắc với nhu cầu, tâm lý người xem. Nội dung đôi khi còn dàn trải, thiếu chiều sâu; hình thức thể hiện chưa thực sự bắt nhịp với xu hướng truyền thông hiện đại. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số định hướng nhằm giúp Huế TV nâng cao chất lượng phóng sự, đáp ứng yêu cầu đổi mới báo chí trong thời đại số</p>
16	<p>Phương thức thông tin của chương trình HueHashtag trên nền tảng Facebook của Đài phát thanh và Truyền hình Huế</p>	<p>Bùi Ngọc Huyền</p>	<p>Phan Quốc Hải</p>	<p>Trong thời đại số, khi thói quen tiếp nhận thông tin của công chúng ngày càng đa dạng và thay đổi nhanh chóng, việc truyền tải thông điệp một cách sáng tạo và hiệu quả trở nên thiết yếu. <i>Huế Hashtag</i> là một chương trình truyền thông địa phương tiêu biểu, nổi bật với cách thể hiện gần gũi, hiện đại và sinh động. Việc nghiên cứu chương trình giúp đánh giá hiệu quả truyền thông và góp phần tìm ra những giải pháp</p>

			<p>phát triển phù hợp, nâng cao sức lan tỏa trong bối cảnh chuyển đổi số.</p> <p>Đề tài tập trung nghiên cứu phương thức thông tin của chương trình <i>Huế Hashtag</i>, nhằm đánh giá hiệu quả truyền thông từ nội dung đến hình thức tiếp cận công chúng. Nghiên cứu được triển khai dựa trên hai khung lý thuyết chính: Mô hình truyền thông của Shannon và Weaver – giúp phân tích quá trình mã hóa, truyền dẫn và giải mã thông điệp; và Lý thuyết Sử dụng và Hải lòng – làm rõ nhu cầu, động cơ tiếp nhận và mức độ thỏa mãn của khán giả khi theo dõi chương trình.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa định tính (phân tích nội dung chương trình và các yếu tố cấu thành như lời bình, phóng sự, kịch bản, hình ảnh...) và định lượng (khảo sát trực tuyến đối với nhóm công chúng mục tiêu là người trẻ tại TP. Huế).</p> <p>Kết quả cho thấy <i>Huế Hashtag</i> có khả năng thu hút và giữ chân khán giả thông qua việc xây dựng chủ đề gần gũi, cách thể hiện sinh động và tận dụng hiệu quả các nền tảng số. Bên cạnh việc ghi nhận những thành công về nội dung, hình thức và tác động xã hội, nghiên cứu cũng chỉ ra một số xu hướng truyền thông mới, những hạn chế trong chất lượng kỹ thuật, tần suất phát sóng và mức độ tương tác, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và khả năng lan tỏa của chương trình trong tương lai.</p>	
17	Thông tin về Du lịch trong chuyên mục Du lịch trên báo Quảng Nam 2024	Võ Thị Ti Na	Phan Quốc Hải	<p>Đề tài tập trung nghiên cứu nội dung thông tin trong mục Du lịch của báo Quảng Nam Online, nhằm đánh giá cách thức truyền tải thông tin du lịch và mức độ thu hút, đáp ứng nhu cầu độc giả. Nghiên cứu khai thác các yếu tố về nội dung, hình thức thể hiện và cách thức định hướng dư luận thông qua các bài viết du lịch trên báo điện tử này. Bằng việc vận dụng lý thuyết Đóng khung dư luận xã hội và lý thuyết Sử dụng và hải lòng, đề tài tiếp cận vấn đề một cách hệ thống, xem xét cách báo chí đóng khung thông tin để ảnh hưởng đến nhận thức độc giả, đồng thời phân</p>

				<p>tích lý do và mức độ hài lòng của người đọc khi tiếp nhận thông tin. Phương pháp nghiên cứu bao gồm định tính (phân tích nội dung và hình thức các tin, bài) và định lượng (khảo sát ý kiến của công chúng). Kết quả nghiên cứu cho thấy thông tin du lịch trên báo Quảng Nam Online có nội dung phong phú, phản ánh khá đầy đủ tiềm năng du lịch địa phương; tuy nhiên, vẫn còn hạn chế ở mặt cập nhật và cách thể hiện chưa thực sự hấp dẫn, cần đổi mới hình thức và tăng cường yếu tố tương tác để nâng cao hiệu quả truyền thông. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nội dung và hình thức của thông tin trong mục Du lịch</p>
18	Tác động của chương trình Truyện Huế trên Huế TV đối với công chúng quận Thuận Hoá và quận Phú Xuân	Bạch Thị Ánh Quyên	Phan Quốc Hải	<p>Đề tài “Tác động của chương trình Chuyện Huế trên Huế TV đối với công chúng quận Thuận Hóa và quận Phú Xuân” tập trung nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của chương trình đến nhận thức, thái độ và hành vi của công chúng.</p> <p>Bằng việc vận dụng ba lý thuyết tiếp cận gồm: Lý thuyết truyền thông hai bước (Two-step flow of communication), lý thuyết tiếp nhận (Reception theory) và lý thuyết kiến tạo xã hội về thực tại (Social Construction of Reality). Kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu một số nhóm công chúng: người dân, cán bộ văn hóa, sinh viên, nhân viên văn phòng...) và định lượng (khảo sát <b>bằng bảng hỏi</b> với các câu hỏi đóng, áp dụng <b>chọn mẫu ngẫu nhiên</b>). Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình đã góp phần bảo tồn và lan tỏa giá trị văn hóa Huế, tạo cảm xúc tích cực cho người xem. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế về tính tương tác và khả năng tiếp cận giới trẻ trên nền tảng số.</p> <p>Từ đó, khóa luận đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thông tin nhằm phát huy vai trò của chương trình trong bối cảnh truyền thông hiện đại</p>
19	Ảnh hưởng của thông tin theo	Nguyễn Thị Hoài Thương	Phan Quốc Hải	Đề tài tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của thông tin theo trend trên

	trend trên Tik Tok đối với học sinh trung học tại TP Huế			<p>nền tảng TikTok đối với học sinh trung học phổ thông tại thành phố Huế, nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng đến nhận thức, hành vi và thái độ của học sinh. Nghiên cứu khai thác các yếu tố liên quan đến thông tin trend phổ biến và mức độ ảnh hưởng của chúng đối với học sinh trong quá trình tiếp nhận thông tin. Bằng cách sử dụng cả lý thuyết hành vi và lý thuyết sử dụng và hài lòng để tiếp cận và phân tích mức độ ảnh hưởng của các xu hướng trên TikTok, đồng thời giải thích lý do khiến mọi người phụ thuộc và xem nhiều nội dung này. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định lượng và định lượng khảo sát 100 học sinh đang học tại hai trường THPT Nam Đông và THPT Nguyễn Huệ ở thành phố Huế. Nghiên cứu cho thấy TikTok là một nền tảng có ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đến học sinh, đặc biệt trong cách nhận thức, thái độ và hành vi của mỗi học sinh. Tuy nhiên nhiều nội dung không được chọn lọc và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức nếu không được truyền đạt đúng cách. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các phương pháp để nâng cao nhận thức của học sinh và khuyến khích sử dụng TikTok một cách có chọn lọc, trong đó nhà trường, gia đình và chính bản thân người tiếp cận thông tin đóng một vai trò quan trọng</p>
20	Truyền thông âm thực A lưới trên mạng xã hội - khảo sát face, tiktok và youtube	Hò Thị Huyền Trân	Phan Quốc Hải	<p>Đề tài “Truyền thông âm thực ở A Lưới trên mạng xã hội (Khảo sát trên Facebook, TikTok, YouTube)” tập trung nghiên cứu hoạt động truyền thông văn hóa âm thực của huyện A Lưới – một địa phương giàu bản sắc dân tộc thiểu số ở Thừa Thiên Huế.</p> <p>Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của các nền tảng mạng xã hội, đề tài tiếp cận từ ba cơ sở lý thuyết chính: Lý thuyết đóng khung (Framing Theory), mô hình truyền thông Lasswell và lý thuyết sử dụng và hài lòng (Uses and Gratifications Theory). Đồng thời, kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính (phân tích nội dung các sản phẩm truyền thông,</p>

			<p>phỏng vấn sâu lãnh đạo Trung tâm Văn hóa, phóng viên và người sáng tạo nội dung) và định lượng (khảo sát bảng hỏi 150 người là học sinh, sinh viên, người dân, cán bộ...).</p> <p>Nội dung nghiên cứu tập trung vào cách các món ăn truyền thống được giới thiệu, quảng bá thông qua các hình thức truyền thông như bài viết, video ngắn, video dài, livestream trên ba nền tảng mạng xã hội phổ biến nhất hiện nay. Kết quả cho thấy hoạt động truyền thông tuy đã có mặt nhưng chưa đồng bộ, còn rời rạc, thiếu chiều sâu, chưa tận dụng hiệu quả tính lan tỏa của mạng xã hội. Việc kể chuyện văn hóa, xây dựng thương hiệu món ăn hay sáng tạo nội dung vẫn còn nhiều hạn chế. Trên cơ sở phân tích thực trạng, khóa luận đề xuất các giải pháp cụ thể như: xây dựng chiến lược nội dung nhất quán, đầu tư vào hình ảnh và kỹ thuật quay dựng, đồng thời đề xuất mô hình truyền thông phù hợp với đặc điểm văn hóa - xã hội của A Lưới. Qua đó, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị ẩm thực dân tộc, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng truyền thông số trong phát triển du lịch và kinh tế địa phương</p>	
21	Phương thức sử dụng hình ảnh trong tác phẩm Photo Story trên Báo Dân Trí hiện nay	Nguyễn Công Triệu	Phan Quốc Hải	<p>Đề tài tập trung nghiên cứu phương thức sử dụng hình ảnh trong tác phẩm photostory trên báo điện tử Dân trí hiện nay. Bằng lý thuyết tiếp cận nghiên cứu gồm lý thuyết đóng khung và lý thuyết môi, đề tài làm rõ vai trò, chức năng và hiệu quả của hình ảnh trong việc kể chuyện qua hình thức truyền thông thị giác. Phương pháp nghiên cứu gồm định tính (phân tích nội dung, phỏng vấn sâu) và định lượng (khảo sát xã hội học, thống kê bài viết). Kết quả nghiên cứu cho thấy hình ảnh trong chuyên mục photostory của Dân trí được sử dụng với mục đích nhằm truyền tải thông điệp rõ ràng, mang tính nhân văn, tạo hiệu ứng cảm xúc mạnh mẽ và thu hút độc giả. Việc sắp xếp hình ảnh theo trình tự thời gian, chú thích sâu sắc, khai thác góc máy đa dạng và khai thác tính cảm xúc mạnh mẽ của bức ảnh là những</p>

				<p>yếu tố giúp nâng cao hiệu quả độ lan tỏa của tác phẩm đến với độc giả. Đề tài cũng đề xuất nhiều giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng hình ảnh, góp phần nâng cao chất lượng photostory trong bối cảnh chuyển đổi số báo chí</p>
22	<p>Thực trạng tiếp nhận "Bản tin thời sự 19 giờ 45 phút " trên Đài phát thanh truyền hình Quảng Bình của thế hệ GenZ tại địa bàn thị trấn Phong Nha hiện nay</p>	<p>Nguyễn Thanh Tùng</p>	<p>Phan Quốc Hải</p>	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu việc thế hệ GenZ tại thị trấn Phong Nha tiếp nhận chương trình Thời sự 19 giờ 45 phút của Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Bình trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh. Nghiên cứu dựa trên hai lý thuyết tiếp cận là lý thuyết sử dụng và hài lòng và lý thuyết sự tiếp nhận của công chúng. Về phương pháp, đề tài sử dụng kết hợp định lượng với khảo sát hơn 300 bạn GenZ tại địa phương và định tính thông qua phân tích tài liệu, nội dung liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu nhận thức là động lực chính khiến một bộ phận GenZ lựa chọn theo dõi chương trình thời sự. Tuy vậy, phần lớn các bạn trẻ vẫn ít quan tâm đến chương trình do cách thể hiện còn khô khan, thiếu tính tương tác và chưa phù hợp với thói quen xem nhanh, ngắn, trực quan trên nền tảng số. Từ đó, đề tài đề xuất mô hình chương trình mới mang tên QBTV GọnZ với nội dung dễ tiếp cận, ngắn gọn, gần gũi, tích hợp mạng xã hội để tăng kết nối với khán giả trẻ</p>
23	<p>Đặc trưng phóng sự điều tra của báo Công an nhân dân online năm 2024</p>	<p>Nguyễn Xuân Hiếu</p>	<p>Phan Tuấn Anh</p>	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu đặc trưng thông tin các bài phóng sự trên <i>Báo Công an Nhân dân Online</i> giai đoạn 06-12/2024. <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận về thể loại phóng sự, nhấn mạnh vai trò phản ánh hiện thực, tính điều tra, phân tích và hình thức thể hiện sinh động. <i>Chương 2</i> khảo sát thực tiễn bài phóng sự trên Báo CAND Online, phân tích nội dung, cấu trúc, ngôn ngữ và đánh giá hiệu quả truyền thông. <i>Chương 3</i> đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng phóng sự, như đổi mới cách tiếp cận đề tài, ứng dụng công nghệ số và nâng cao năng lực tác nghiệp của nhà báo. Khóa luận khẳng định vai trò của phóng sự trong định</p>

				hướng dư luận, giáo dục pháp luật và truyền thông chính trị – xã hội
24	Sự tác động của tin giả trên mạng xã hội đến công chúng trẻ tại TP. Huế	Phạm Văn Hoài	Phan Tuấn Anh	Khoá luận nghiên cứu về sự tác động của tin giả đến công chúng trẻ tại thành phố Huế. <i>Chương 1</i> xây dựng cơ sở lý thuyết về khái niệm, đặc điểm và phân loại các dạng tin giả trên mạng xã hội, ngoài ra còn khái quát các hành vi của công chúng trẻ trong môi trường kỹ thuật số (social network) nói chung và công chúng trẻ tại thành phố Huế nói riêng. <i>Chương 2</i> phân tích thực trạng tác động của tin giả trên mạng xã hội đến công chúng trẻ tại thành phố Huế bao gồm phân tích các loại tin giả phổ biến trên mạng xã hội cùng các tác động của các dạng tin giả đó đến giới trẻ tại thành phố Huế. <i>Chương 3</i> đề xuất những giải pháp để hạn chế tác động của các dạng tin giả đến giới trẻ tại thành phố Huế bằng cách đưa ra những vai trò cho cá nhân, cơ quan và tổ chức cùng nâng cao hệ thống pháp lý và chính sách liên quan đến tin giả
25	Đặc trưng thông tin trên mục Sinh viên Việt Nam của báo Tiền Phong online năm 2024	Đoàn Vũ Yên Nhi	Phan Tuấn Anh	Khóa luận tập trung nghiên cứu đặc trưng thông tin trên chuyên mục <i>Guong mặt sinh viên</i> của chuyên trang <i>Sinh viên Việt Nam – Báo Tiền Phong online</i> (06–12/2024). <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận về báo điện tử, khái quát về <i>Báo Tiền Phong online</i> , chuyên trang <i>Sinh viên Việt Nam</i> và chuyên mục <i>Guong mặt sinh viên</i> . <i>Chương 2</i> phân tích nội dung phản ánh trong các bài viết, tập trung vào các tấm gương sinh viên vượt khó, học giỏi, có thành tích nổi bật và truyền cảm hứng. <i>Chương 3</i> làm rõ đặc điểm hình thức thể hiện, bao gồm kết cấu bài viết, ngôn ngữ trình bày và sự kết hợp các thể loại báo chí. Khóa luận khẳng định vai trò định hướng và truyền cảm hứng tích cực của chuyên mục đối với công chúng trẻ
26	Vai trò của báo Giác ngộ online với vấn đề bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo tại Tp. Huế	Trần Hiếu Thuận	Phan Tuấn Anh	Khóa luận nghiên cứu vai trò của báo <i>Giác Ngộ online</i> trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo tại thành phố Huế, một trung tâm Phật giáo tiêu biểu của Việt Nam. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn và phân tích lý luận, khóa luận làm rõ những đặc

			<p>trung của văn hóa Phật giáo Huế, lịch sử hình thành báo chí Phật giáo và quá trình phát triển của báo Giác Ngộ online. Tác phẩm tập trung đánh giá tác động của báo trong việc lan tỏa giá trị văn hóa, giữ gìn bản sắc Phật giáo qua các bài viết, chuyên đề, hoạt động truyền thông số. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số thách thức trong quá trình phát triển của báo như giới hạn đối tượng tiếp cận, hình thức thể hiện chưa hấp dẫn, và áp lực chuyển đổi số. Từ đó, khóa luận đề xuất nhiều giải pháp mang tính hệ thống: định hướng truyền thông số, nâng cao năng lực nhân sự, đẩy mạnh nội dung đặc thù văn hóa Huế, cùng sự hỗ trợ chính sách từ Nhà nước và Giáo hội. Khóa luận góp phần khẳng định vai trò thiết yếu của báo chí Phật giáo trong việc gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thông giữa bối cảnh hiện đại hóa truyền thông</p>
27	<p>Phương thức sản xuất các bản tin truyền hình của Đài PT- TH Thừa Thiên Huế trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay</p>	<p>Ngô Thị Vân Anh</p>	<p>Trần Thị Phương Nhung</p> <p>Khóa luận với đề tài “Phương thức sản xuất các bản tin truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Thừa Thiên Huế trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay” được thực hiện trong khoảng thời gian khảo sát từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2024, gồm ba chương:</p> <p>Chương 1 trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến báo hình, bản tin truyền hình, phương thức sản xuất nội dung trong kỷ nguyên số và đặc điểm tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình Thừa Thiên Huế (TRT).</p> <p>Trong chương 2, khóa luận tập trung phân tích thực trạng sản xuất các bản tin tiêu biểu tại Đài (<i>Hué ngày mới, Thời sự trưa và tối, Tin nhanh 5 phút và Bản tin thời tiết</i>), từ nội dung, hình thức thể hiện, ngôn ngữ, kết cấu chương trình đến giao diện hiển thị trên các nền tảng số như Facebook, YouTube. Bên cạnh đó, chương cũng khảo sát mức độ tiếp nhận của công chúng và chỉ ra những thuận lợi, hạn chế trong quá trình chuyển đổi số.</p> <p>Và chương 3, thực hiện đề xuất nhóm giải pháp nâng cao chất lượng</p>

				<p>sản xuất bản tin, bao gồm đổi mới quy trình, đầu tư công nghệ, nâng cao năng lực nhân sự và phát triển nội dung theo hướng đa nền tảng, giữ vững bản sắc địa phương</p>
28	<p>VTV24 với vấn đề xây dựng môi trường văn hoá trên không gian số năm 2024</p>	<p>Đậu Đình Cường</p>	<p>Trần Thị Phương Nhung</p>	<p>Khóa luận với đề tài “VTV24 với vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trên không gian số năm 2024” được triển khai trong 3 chương, tập trung nghiên cứu vai trò của VTV24 trong việc định hướng và lan tỏa các giá trị văn hóa qua nền tảng số. Trong chương 1, tác giả trình bày cơ sở lý luận về văn hóa, văn hóa số, môi trường văn hóa trên không gian mạng và vai trò của báo chí trong việc xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh.</p> <p>Chương 2 đi sâu phân tích các chương trình truyền thông của VTV24 trong năm 2024, đặc biệt là cách thức khai thác nền tảng số để truyền tải nội dung văn hóa đến công chúng, đồng thời khảo sát ý kiến của 200 người để đánh giá hiệu quả thực tế.</p> <p>Chương 3 đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao chất lượng truyền thông văn hóa của VTV24 như: đổi mới nội dung, cải tiến hình thức thể hiện, tăng cường ứng dụng công nghệ, hoàn thiện quy trình sản xuất và quản lý thông tin. Khóa luận góp phần làm rõ vai trò của báo chí truyền hình trong bối cảnh chuyển đổi số và cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc xây dựng môi trường văn hóa số tại Việt Nam</p>
29	<p>Thông tin về vấn đề bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống trên Thừa Thiên Huế online</p>	<p>Nguyễn Lê Bảo Duy</p>	<p>Trần Thị Phương Nhung</p>	<p>Khoá luận thực hiện nghiên cứu đề tài: “Vấn đề bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống trên Báo Thừa Thiên Huế Online (khảo sát từ tháng 1/2024 – tháng 4/2025)” với nội dung được chia theo 3 chương:</p> <p>Chương 1 bài khoá luận bàn về những lý luận về di sản văn hoá và vai trò của báo chí trong vấn đề bảo tồn các giá trị di sản văn hoá.</p> <p>Chương 2, khoá luận trình bày, phân tích những thực trạng hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và giá trị văn hoá phi vật thể trên Báo Thừa Thiên Huế Online,</p>

				<p>chủ yếu phân tích qua những bài báo, bài viết cập nhật từ đầu năm 2024 cho đến hiện tại từ những nội dung và hình thức để tìm hiểu quá trình phát triển của công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của Huế. Bên cạnh đó, chương cũng áp dụng phương pháp điều tra xã hội học và khảo sát thống kê mức độ tiếp nhận thông tin của công chúng về ý kiến với công tác bảo tồn những di sản văn hoá Huế.</p> <p>Chương 3, đưa ra những bài học kinh nghiệm trong công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của Huế và đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao về mặt nội dung và hình thức của tác phẩm báo chí liên quan đến công tác bảo tồn di sản văn hoá</p>
30	Thông tin về vấn đề bạo lực mạng trên Thanh niên online năm 2024	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Trần Thị Phương Nhung	<p>Khoá luận thực hiện nghiên cứu đề tài: “thông tin về vấn đề bạo lực mạng trên thanh niên online năm 2024” với nội dung được chia theo 3 chương.</p> <p>Chương 1 là chương lý luận chung. Trong chương này, bài khóa luận nêu hệ thống các khái niệm liên quan đến đề tài.</p> <p>Chương 2 tác giả khóa luận trình bày thực tiễn thông tin về bạo lực mạng trên thanh niên online. Dựa vào việc khảo sát, thống kê chỉ ra những đặc điểm, cách thức thông tin về nội dung, hình thức thông tin qua việc phân tích các tác phẩm báo chí.</p> <p>Chương 3 là chương đánh giá chất lượng, hiệu quả thông tin về đề tài bạo lực mạng, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả phản ánh thông tin về đề tài</p>
31	Thông tin về an toàn giao thông trên báo Pháp luật Việt Nam năm 2024	Nguyễn Thị Sương	Trần Thị Phương Nhung	<p>Khóa luận thực hiện nghiên cứu đề tài : “Thông tin về an toàn giao thông trên báo Pháp luật Việt Nam năm 2024 ( khảo sát từ ngày 1/1/2024 – 31/12/2024) ” với nội dung được chia làm 3 chương.</p> <p>Trong chương 1 tác giả tập trung trình bày cơ sở lý luận thực tiễn liên quan đến báo chí, thông tin báo chí và thông tin về an toàn giao thông trên báo chí</p> <p>Trong chương 2, khóa luận tập trung khảo sát số lượng bài báo về an toàn</p>

				<p>giao thông được đăng tải, phân loại và phân tích các nội dung, hình thức thể hiện của những thông tin về an toàn giao thông trên báo Pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trong chương 3, khóa luận đưa ra đánh giá chất lượng, hiệu quả truyền tải thông tin và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng thông tin về an toàn giao thông trên báo Pháp Luật Việt Nam</p>
32	Vietnamnet với vấn đề xây dựng môi trường văn hoá trên không gian số năm 2024	Phan Văn Quốc Toàn	Trần Thị Phương Nhung	<p>Khóa luận thực hiện nghiên cứu đề tài: “Vietnamnet với vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trên không gian số 2024” với nội dung được chia theo 3 chương.</p> <p>Trong đó khóa luận tập trung nghiên cứu vấn đề của báo chí trong xây dựng môi trường văn hóa không gian số trên Vietnamnet 2024. Chương 1 bao gồm trình bày cơ sở lý luận về văn hóa không gian số, môi trường văn hóa trên không gian mạng và những vấn đề đặt ra trong quá trình đổi sang nền tảng số.</p> <p>Chương 2 đi sâu khảo sát thực tiễn truyền thông văn hóa của Vietnamnet thông qua các chương trình nổi bật và cách mà Vietnamnet tận dụng nền tảng số để lan tỏa nội dung. Kết quả khảo sát với khoảng 150 người giúp đánh giá hiệu quả tiếp nhận và mức độ ảnh hưởng.</p> <p>Chương 3 đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế và phát huy lợi thế của báo chí trong môi trường số, từ đổi mới nội dung, công nghệ đến quy trình quản lý. Khóa luận góp phần nhận diện và giải quyết các vấn đề trong xây dựng môi trường văn hóa không gian số tại Việt Nam</p>
33	Thông tin về bạo lực học đường trên báo Pháp luật Việt Nam năm 2024	Võ Thị Ngọc Tú	Trần Thị Phương Nhung	<p>Khóa luận thực hiện nghiên cứu đề tài “Thông tin bạo lực học đường trên báo Pháp luật Việt Nam năm 2024” (khảo sát từ tháng 1 - tháng 12 năm 2024) với nội dung được triển khai qua 3 chương.</p> <p>Trong chương 1, tác giả trình bày cơ sở lý luận về báo chí, thông tin báo chí, bạo lực học đường và vai trò của báo chí trong việc phản ánh các vấn đề xã hội.</p>

				<p>Chương 2, khóa luận tập trung khảo sát, phân tích 22 bài viết phản ánh bạo lực học đường trên báo Pháp luật Việt Nam từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2024, làm rõ nội dung, hình thức thể hiện, thể loại, quan điểm tiếp cận và mức độ dẫn dắt dư luận.</p> <p>Chương 3, đánh giá hiệu quả truyền thông, chỉ ra ưu điểm – hạn chế trong cách phản ánh, từ đó đề xuất các giải pháp về nội dung, hình thức, quy trình sản xuất và định hướng truyền thông nhằm nâng cao chất lượng thông tin về bạo lực học đường trên báo chí hiện nay</p>
34	Thông tin về vấn đề giáo dục văn hóa ứng xử trên Tuổi trẻ online năm 2024	Phan Thị Trúc Vân	Trần Thị Phương Nhung	<p>Khoá luận thực hiện nghiên cứu đề tài: “Thông tin vấn đề giáo dục văn hóa ứng xử trên báo Tuổi trẻ online 2024” với nội dung được chia theo 3 chương.</p> <p>Trong đó, tác giả tập trung nghiên cứu, phân tích và hệ thống các cơ sở lý luận . Chương 1 bao gồm các thông tin báo chí và văn hóa ứng xử</p> <p>Trong chương 2, đưa ra các thực trạng về vấn đề giáo dục và ứng xử trên báo Tuổi trẻ online, góc nhìn từ nội dung, thống kê số liệu khảo sát</p> <p>Với chương 3, tác giả đưa ra những đề xuất, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng thông tin về vấn đề giáo dục văn hóa ứng xử</p>
35	Mục Cơ hội nghề nghiệp trong chuyên mục Giới trẻ của báo Thanh niên online hiện nay	Trần Vĩnh An	Hồ Dũng	<p>Khoá luận “Mục Cơ hội nghề nghiệp trong chuyên mục Giới trẻ trên báo Thanh niên online” tập trung vào nghiên cứu về nội dung và hình thức của tác phẩm ở Mục Cơ hội nghề nghiệp. Trên cơ sở khảo sát các tác phẩm được đăng tải trong năm 2024, đề tài tiến hành phân tích về chất lượng nội dung về các chủ đề như: Cơ hội ngành nghề tương lai, gương người trẻ tiêu biểu trong ngành nghề, cơ hội nghề nghiệp ở trong nước và nước ngoài, nghề nghiệp theo xu hướng của người trẻ và các chủ đề liên quan khác; đồng thời đánh giá về hình thức thể hiện như giao diện trang, kết cấu các tin, bài và ngôn ngữ. Bên cạnh đó, khoá luận cũng khảo sát về mức độ quan tâm, theo dõi và phản hồi của công chúng về</p>

				<p>nội dung và hình thức. Dựa trên kết quả nghiên cứu từ đó đánh giá những thành công và hạn chế, đồng thời đề xuất những giải pháp cho cơ quan chủ quản, đội ngũ nhà báo nâng cao chất lượng cả về mặt nội dung lẫn hình thức</p>
36	<p>Nội dung và hình thức mục Khởi nghiệp trong chuyên mục Giới trẻ trên Báo Thanh Niên Online hiện nay</p>	Đào Thị Lợi	Hồ Dũng	<p>Đầu tiên, khóa luận tiến hành xây dựng cơ sở lý luận liên quan đến báo điện tử, bao gồm các khái niệm về nội dung và hình thức trên báo điện tử, cùng với vai trò, chức năng của mục và chuyên mục trong cấu trúc một tờ báo điện tử. Sau đó, bắt đầu thu thập, thống kê và phân loại 51 bài thuộc mục Khởi nghiệp trong chuyên mục Giới trẻ trên báo Thanh Niên Online theo từng lĩnh vực nội dung và phân tích dựa trên 7 yếu tố nội dung cơ bản của một tác phẩm báo chí bao gồm đề tài, sự kiện, chi tiết, chính kiến, chủ đề, tư tưởng và vấn đề để nghiên cứu về thực trạng nội dung. Đồng thời nghiên cứu thực trạng hình thức thông qua các phần gồm giao diện, thể loại, kết cấu, yếu tố văn tự, yếu tố phi văn tự và yếu tố tương tác. Cuối cùng, lập mẫu bảng hỏi thu về 136 phiếu trả lời. Thông qua đó, đánh giá và đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng nội dung và hình thức của mục Khởi nghiệp trong chuyên mục Giới trẻ trên báo Thanh Niên Online</p>
37	<p>Mục Ảnh trong chuyên mục Du lịch trên báo VNExpress hiện nay</p>	Lê Thị Mị	Hồ Dũng	<p>Khóa luận “Mục ảnh trong chuyên mục Du lịch trên báo VnExpress” tập trung phân tích nội dung và hình thức thể hiện của mục ảnh trong chuyên mục Du lịch trên báo điện tử VnExpress. Trên cơ sở lý luận về báo điện tử, ảnh báo chí và tác phẩm ảnh, khoá luận làm rõ đặc điểm, vai trò và xu hướng phát triển ảnh du lịch trong thời đại truyền thông số. Nghiên cứu khảo sát thực tế các bài viết thuộc mục “Ảnh” trên chuyên mục Du lịch của VnExpress năm 2024, rút ra đặc điểm nổi bật về mặt nội dung, phong cách thể hiện và mức độ hấp dẫn của mục này đối với công chúng cho thấy ảnh du lịch không chỉ mang tính minh họa mà còn là phương tiện kể chuyện thị giác mạnh mẽ, góp phần quảng bá</p>

				<p>hình ảnh du lịch trên báo chí. Từ đó, khóa luận đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng mục ảnh du lịch, góp phần tăng hiệu quả truyền thông du lịch qua báo chí điện tử. Công trình mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho hoạt động báo chí hiện đại.</p>
38	<p>Mục Tin nóng trong chuyên mục video trên báo Tuổi trẻ online hiện nay</p>	<p>Hoàng Thanh Hoài Ngọc</p>	<p>Hồ Dũng</p>	<p>Khóa luận nghiên cứu mục “Tin nóng” trong chuyên mục video trên báo Tuổi Trẻ Online – một sản phẩm báo chí ngắn gọn, trực quan, phù hợp với xu hướng tiếp nhận thông tin nhanh trong môi trường số. Trên cơ sở khảo sát các bản tin phát sóng trong năm 2024, đề tài tiến hành phân tích nội dung theo các nhóm chủ đề như chính trị, hình sự, xã hội, kinh tế, giải trí; đồng thời đánh giá hình thức thể hiện qua hình ảnh, âm thanh, kết cấu, giọng đọc và đồ họa minh họa. Bên cạnh đó, khóa luận cũng khảo sát mức độ quan tâm, thói quen theo dõi và phản hồi của công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Từ kết quả phân tích thực tiễn và cơ sở lý luận về báo chí điện tử, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bản tin “Tin nóng” về mặt nội dung, hình thức trình bày và khả năng tương tác, góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông của báo Tuổi Trẻ Online trong bối cảnh báo chí đa phương tiện phát triển mạnh mẽ hiện nay</p>
39	<p>Phương thức sử dụng mạng xã hội Youtube để thông tin của báo Tuổi trẻ hiện nay</p>	<p>Nguyễn Phước Bảo Ngọc</p>	<p>Hồ Dũng</p>	<p>Khóa luận “Phương thức sử dụng mạng xã hội YouTube để thông tin của báo Tuổi Trẻ hiện nay” tập trung nghiên cứu nội dung, và phương thức truyền tải thông tin trên kênh YouTube của báo Tuổi Trẻ trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 4/2025. Phân tích nội dung và hình thức thể hiện của các video trên kênh YouTube Báo Tuổi Trẻ, gồm các thể loại như bản tin thời sự, bản tin ngắn, livestream sự kiện, phóng sự điều tra,... Đồng thời, khóa luận đánh giá cách tổ chức giao diện kênh, quy trình sản xuất video, mức độ tương tác và phản hồi từ công chúng. Dựa trên kết quả khảo sát và điều tra xã hội học, tác giả chỉ ra những thành công (đa dạng</p>

				<p>nội dung, khả năng tiếp cận công chúng nhanh, hiệu quả) và hạn chế (một số video chưa đảm bảo chất lượng, tương tác chưa cao), từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nội dung, hình thức và tính kết nối với người xem, nhằm tối ưu hóa việc sử dụng YouTube như một phương thức thông tin hiệu quả trong báo chí hiện đại</p>
40	Bản tin 30S trong chuyên mục Video trên báo Tuổi trẻ online hiện nay	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Hồ Dũng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu <i>Bản tin 30s Nóng</i> trong chuyên mục video trên <i>báo Tuổi Trẻ Online</i> một hình thức báo chí hiện đại phù hợp với xu hướng tiêu thụ thông tin nhanh, trực quan của công chúng hiện nay. Khảo sát bản tin phát trong năm 2024, phân tích nội dung theo các lĩnh vực chính trị như , hình sự, xã hội, kinh tế và giải trí, đánh giá hình thức thể hiện thông qua hình ảnh, âm thanh, giọng đọc, kết cấu, đồng thời điều tra phản hồi từ công chúng về mức độ quan tâm, sự hấp dẫn và tiện lợi của bản tin. Trên cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn, khóa luận đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng bản tin 30s Nóng về nội dung, hình thức và khả năng tương tác, góp phần đổi mới báo điện tử theo hướng nhanh, ngắn, hiệu quả và phù hợp thị hiếu hiện đại</p>
41	Tin giả trên nền tảng MXH Facebook ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Hồ Dũng	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu hiện tượng tin giả trên mạng xã hội Facebook tại Việt Nam - một thách thức nghiêm trọng trong thời đại số, khi thông tin lan truyền nhanh nhưng thiếu kiểm chứng. Facebook, với đặc tính mở và lượng người dùng lớn, trở thành môi trường lý tưởng để tin giả phát tán, gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội. Nghiên cứu tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, cơ chế lan truyền và tác động của tin giả; khảo sát thực trạng tại Việt Nam trong năm 2024; đồng thời đánh giá vai trò của các bên liên quan trong việc kiểm soát</p>

				<p>thông tin sai lệch. Qua đó, khóa luận chỉ ra rằng tin giả không chỉ gây nhiễu loạn thông tin, mà còn ảnh hưởng đến nhận thức cộng đồng và trật tự xã hội.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp cụ thể: nâng cao nhận thức cộng đồng, cải thiện kỹ năng số cho người dùng, tăng cường vai trò kiểm định thông tin từ các cơ quan chức năng và nền tảng công nghệ.</p> <p>Khóa luận góp phần kiến tạo một không gian mạng minh bạch, an toàn và đáng tin cậy hơn</p>
42	Thông tin trẻ vị thành niên phạm tội trên báo báo Dân trí và Pháp luật Việt Nam hiện nay	Đỗ Phương Thảo	Hồ Dũng	<p>Khóa luận đi sâu vào phân tích đặc điểm nội dung hình thức và cách thức đưa tin của hai tờ báo Pháp luật Việt Nam và Dân trí giai đoạn năm 2024. Không chỉ dừng lại ở phân tích, khóa luận còn khảo sát sự tiếp cận thông tin từ phía công chúng. Cuối cùng, tiến hành nghiên cứu đánh giá ưu điểm, hạn chế của việc đưa tin và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng nội dung và hình thức đưa tin, hướng tới cải thiện vai trò của tòa soạn, phóng viên và biên tập viên trong việc thông tin về vấn đề nhạy cảm này. Khóa luận mang đến cái nhìn toàn diện về thực trạng và định hướng phát triển chất lượng báo chí điện tử đối với một vấn đề trẻ vị thành niên phạm tội hiện nay</p>
43	Thông tin về <i>Net Zero</i> trên báo Thanh niên online và VnExpress hiện nay	Hồ Văn Hải Cường	Hồ Thị Diệu Trang	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu cách báo Thanh niên online và báo VnExpress truyền tải thông tin về Net Zero – mục tiêu phát thải ròng bằng 0 – trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp. Bằng việc phân tích nội dung và hình thức thể hiện các tin, bài đăng từ tháng 1/2024 đến tháng 3/2025, kết hợp điều tra xã hội học nhằm ghi nhận sự tiếp nhận thông tin từ phía công chúng. Đề tài làm rõ hiệu quả truyền thông của hai tờ báo, kết quả cho thấy đã có nhiều nỗ lực trong việc cập nhật chính sách, phản ánh sáng kiến của doanh nghiệp và lan tỏa xu hướng sống xanh. Tuy vậy, nội dung vẫn còn thiếu chiều sâu, tính hấp dẫn chưa cao và chưa tạo được sự chuyên</p>

				biển rõ rệt trong nhận thức cộng đồng. Từ đó, khóa luận đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin về Net Zero, góp phần định hướng dư luận, nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động của công chúng trong tiến trình thực hiện cam kết khí hậu của Việt Nam
44	Nội dung và hình thức của chuyên mục “Chợ Huế” trên Huế TV hiện nay	Nguyễn Minh Dũng	Hồ Thị Diệu Trang	Khóa luận tập trung nghiên cứu nội dung và hình thức thể hiện của chuyên mục “Chợ Huế” trên Huế TV hiện nay. Đây là chuyên mục có vai trò nổi bật trong việc quảng bá ẩm thực và không gian văn hóa Huế đến với công chúng. Trên cơ sở lý thuyết về báo truyền hình và chuyên mục truyền hình, đề tài phân tích hơn 50 tập phát sóng trong giai đoạn 2019–2025, chỉ ra bốn nhóm nội dung chính: giới thiệu không gian chợ, quảng bá món ăn, hướng dẫn cách chế biến, và nhấn mạnh giá trị bản sắc ẩm thực. Về hình thức, chương trình sử dụng hình ảnh sinh động, âm thanh hiện trường, lời dẫn giàu cảm xúc và mang đậm chất Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy “Chợ Huế” không chỉ là kênh truyền thông hiệu quả mà còn góp phần bảo tồn văn hóa địa phương. Cuối cùng là đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình, đặc biệt là mở rộng trên nền tảng số và tăng cường tương tác với công chúng
45	Thông tin về quảng bá du lịch trong chương trình S-Việt Nam trên VTV3 hiện nay	Dương Lê Thúy Hằng	Hồ Thị Diệu Trang	Trong bối cảnh truyền thông giữ vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh và thúc đẩy phát triển ngành du lịch, chương trình <i>S-Việt Nam</i> phát sóng trên VTV1 được xem là một sản phẩm báo chí truyền hình tiêu biểu trong giới thiệu, quảng bá các điểm đến ở Việt Nam. Khóa luận này tập trung nghiên cứu nội dung và hình thức thể hiện thông tin quảng bá du lịch trong các tập phát sóng năm 2024, đồng thời khảo sát ý kiến công chúng để đánh giá mức độ tiếp nhận và hiệu quả thông tin của chương trình. Thông qua phân tích các đề tài và cách thức thể hiện, khóa luận nhận thấy chương trình có thể mạnh trong việc quảng bá đa dạng loại hình du lịch, truyền tải cả những nét

				đặc sắc về văn hóa, con người và ẩm thực địa phương. Từ những phân tích, khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lan tỏa của chương trình trong bối cảnh truyền thông số, để chương trình tiếp tục đổi mới, bắt kịp xu hướng truyền thông số và thu hút mạnh mẽ hơn sự quan tâm của công chúng trong thời gian tới
46	Phương thức thể hiện chuyên mục “Góc Huế trong tôi” trên Huế TV hiện nay	Phan Văn Hiếu	Hồ Thị Diệu Trang	Chuyên mục “Góc Huế trong tôi” trên Đài Phát thanh và Truyền hình Huế (HueTV) đã và đang tạo dựng được một dấu ấn riêng biệt trong lòng khán giả bằng cách khai thác những câu chuyện mang đậm bản sắc văn hóa Huế qua các phương thức thể hiện độc đáo như, phóng sự chân dung không sử dụng lời bình, sử dụng hình ảnh đặc trưng xứ Huế,... Bài viết đã khẳng định rằng “Góc Huế trong tôi” là một tài sản văn hóa – truyền thống quý báu của vùng đất cố đô trong kỷ nguyên số, để chuyên mục này tiếp tục tồn tại và lan tỏa, rất cần sự phối hợp đồng bộ giữa định hướng nội dung, kỹ thuật sản xuất hiện đại và chiến lược truyền thông hiệu quả
47	Tác động của thông tin trên mạng xã hội đến quyết định lựa chọn địa điểm du lịch của người dân Huế	Nguyễn Quốc Huy	Hồ Thị Diệu Trang	Khóa luận “Tác động của thông tin trên mạng xã hội đến ý định lựa chọn địa điểm du lịch ở Huế đối với du khách thế hệ Gen Z ở Việt Nam” tập trung nghiên cứu vai trò ngày càng lớn của mạng xã hội trong việc ảnh hưởng đến hành vi du lịch của giới trẻ. Nghiên cứu đã khảo sát 194 bạn trẻ để làm rõ mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như hình ảnh đẹp, video review, đánh giá từ KOLs, các trend lan truyền hay nội dung giải trí trên mạng. Kết quả cho thấy mạng xã hội không chỉ truyền cảm hứng mà còn có khả năng tác động trực tiếp đến việc ra quyết định lựa chọn Huế làm điểm đến. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp truyền thông số cụ thể giúp Huế cải thiện cách quảng bá du lịch, hướng đến xây dựng hình ảnh hấp dẫn hơn trong mắt du khách Gen Z và nâng cao hiệu quả tiếp cận nhóm khách tiềm năng này
48	Nội dung và hình thức của chương	Trần Văn Nhị	Hồ Thị Diệu Trang	Khóa luận tập trung nghiên cứu chương trình “Chuyện Huế – Huế

	<p>trình “Huế-Nghề Xưa và Nay” trên Huế TV hiện nay</p>			<p>xưa và nay” trên Đài Truyền hình Huế (Huế TV), một chuyên mục đặc sắc phản ánh đời sống văn hóa Cố đô qua lăng kính truyền hình hiện đại. Trên cơ sở khảo sát 50 tập phát sóng từ năm 2024 đến 2025, đề tài tiến hành phân tích hệ thống nội dung (di sản, làng nghề, ẩm thực, con người, phong tục) và các yếu tố hình thức (hình ảnh, âm thanh, lời bình, kết cấu...). Khóa luận chỉ ra điểm mạnh của chương trình ở khả năng dung hòa giá trị truyền thống và phương thức thể hiện mới mẻ, đồng thời nhận diện một số hạn chế về nhịp độ, chiều sâu và sự đa dạng đề tài. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nội dung và hình thức nhằm tăng sức hút với công chúng, đặc biệt là giới trẻ và người Huế xa quê. Công trình không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về truyền hình văn hóa địa phương mà còn khẳng định vai trò của báo chí truyền hình trong việc bảo tồn và lan tỏa giá trị di sản trong kỷ nguyên số</p>
49	<p>Ảnh hưởng thông tin trên Tiktokshop đến thói quen tiêu dùng của sinh viên Trường Đại học Khoa học Huế</p>	<p>Hoàng Thị Ngọc Thủy</p>	<p>Hồ Thị Diệu Trang</p>	<p>Khóa luận “Ảnh hưởng thông tin trên Tik Tok Shop đến thói quen tiêu dùng của sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế” tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của thông tin trên Tik Tok Shop đến thói quen tiêu dùng của sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Trong bối cảnh thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ và Tik Tok Shop trở thành một kênh mua sắm phổ biến, sinh viên đang chịu tác động rõ rệt từ các nội dung tiêu dùng trên nền tảng này. Khóa luận sử dụng phương pháp định tính và định lượng kèm theo đó sử dụng ba lý thuyết: Lý thuyết truyền thông hai bước, lý thuyết sử dụng và hài lòng, lý thuyết hành vi tiêu dùng để làm rõ các yếu tố như thuật toán đề xuất, sự xuất hiện của KOLs/KOCs, quảng cáo, thông tin thật và giả và tác động tài chính đối với sinh viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng Tik Tok Shop không chỉ định hình xu hướng mua sắm mà còn ảnh hưởng đến nhận thức và thói quen tiêu dùng lâu dài của sinh viên. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất một</p>

				số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao nhận thức, đồng thời cải thiện trải nghiệm tiêu dùng của sinh viên trong môi trường thương mại điện tử mới
50	Phương thức sáng tạo tác phẩm trong chuyên mục Tiêu điểm của chương trình <i>Chuyển động 24h</i> trên VTV1 hiện nay	Trịnh Hồng Đoan Trang	Hồ Thị Diệu Trang	<p>Khóa luận “Phương thức sáng tạo tác phẩm trong chuyên mục Tiêu điểm của chương trình <i>Chuyển động 24h</i> trên VTV1 hiện nay” tập trung nghiên cứu phương thức sáng tạo tác phẩm trong 50 số phát sóng chương trình, đặt trong bối cảnh báo chí truyền hình đang đổi mới mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ số. Trên nền tảng lý luận về báo chí truyền hình hiện đại, khóa luận khảo sát và phân tích thực tiễn sáng tạo nội dung qua các yếu tố: lựa chọn đề tài, đa dạng nguồn tin, ứng dụng storytelling, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Việc vận dụng lý thuyết Chấp nhận Công nghệ (TAM) và lý thuyết Chấp nhận Thông tin giúp đánh giá mức độ tiếp nhận, sự hài lòng và kỳ vọng của khán giả truyền hình. Từ đó, khóa luận đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình sáng tạo, nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin và khả năng tương tác trong môi trường truyền thông đa nền tảng</p>
51	Thông tin về quảng bá và phát triển du lịch trên Báo Quảng Ngãi Online (Từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 03 năm 2025)	Trịnh Thị Xuân Hiền	Hoàng Lê Thuý Nga	<p>Khoá luận tập trung nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông du lịch địa phương. Trên cơ sở lý thuyết truyền thông đại chúng và phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng, khoá luận phân tích nội dung và hình thức thể hiện thông tin du lịch trên Báo Quảng Ngãi điện tử, qua các chuyên mục như Văn hoá, Kinh tế, Chuyển đổi số...</p> <p>Nghiên cứu chỉ ra những ưu điểm như sự đa dạng nội dung, ứng dụng đa phương tiện, song cũng tồn tại hạn chế về tính hấp dẫn và chiều sâu thông tin. Thông qua khảo sát xã hội học và phân tích phản hồi công chúng, khoá luận đưa ra các đề xuất cải thiện nội dung, hình thức thể hiện và chiến lược truyền thông để tăng tính cạnh tranh và định vị thương hiệu du lịch Quảng Ngãi. Nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò của báo</p>

				chí địa phương trong phát triển du lịch bền vững trong thời đại số hoá
52	Video ngắn trên TikTok của báo Hà Tĩnh năm 2024	Nguyễn Ngọc Hương	Hoàng Lê Thuý Nga	<p>Khóa luận nghiên cứu việc xây dựng nội dung video ngắn trên nền tảng TikTok của báo Hà Tĩnh, tập trung vào hiệu quả truyền thông trong năm 2024. <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận về video ngắn, bao gồm khái niệm, đặc điểm, hành vi tiếp nhận của công chúng, cùng với sự hình thành và vai trò của TikTok trong hoạt động báo chí – truyền thông. <i>Chương 2</i> khảo sát thực trạng xây dựng nội dung trên kênh TikTok của báo Hà Tĩnh, phân tích về hình thức thể hiện, chủ đề, thời lượng, mức độ tương tác và hiệu quả truyền thông. <i>Chương 3</i> đánh giá ưu điểm, hạn chế từ thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm từ các cơ quan báo chí khác và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền thông qua video ngắn trên TikTok của báo Hà Tĩnh</p>
53	Dư luận xã hội về Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT quy định về dạy thêm, học thêm trên Báo Thanh Niên Online và Tuổi Trẻ Online	Nguyễn Tuấn Kiệt	Hoàng Lê Thuý Nga	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu vai trò của báo điện tử trong phản ánh và định hướng dư luận xã hội về Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT. <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận với các khái niệm về dư luận xã hội, cơ chế hình thành, vai trò phản biện, cùng tổng quan về Thông tư 29, hai cơ quan báo chí được nghiên cứu và các lý thuyết liên quan đến truyền thông chính sách. <i>Chương 2</i> khảo sát 139 bài báo trên Tuổi Trẻ Online và Thanh Niên Online từ tháng 30/12/2024 đến tháng 4/2025, phân tích nội dung, hình thức thể hiện, và so sánh sự khác biệt giữa hai báo trong việc phản ánh dư luận xã hội. <i>Chương 3</i> tổng hợp ưu điểm, hạn chế trong truyền thông chính sách qua báo điện tử, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông giáo dục, khẳng định vai trò kết nối giữa nhà nước và xã hội trong bối cảnh truyền thông đa nền tảng</p>
54	Thông tin về vấn nạn buôn bán người trái phép trên báo Vn Express từ tháng 1/2024 đến 4/2025	Phạm Thị Thanh Lam	Hoàng Lê Thuý Nga	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu vai trò của báo điện tử VnExpress trong việc thông tin về nạn buôn bán người. <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận chung, làm rõ các khái niệm liên quan, vai trò của báo chí trong</p>

				phản ánh và phòng chống buôn người, đồng thời giới thiệu tổng quan về VnExpress và cách tiếp cận các vấn đề xã hội. <i>Chương 2</i> khảo sát thực tiễn thông tin về buôn bán người trên VnExpress trong giai đoạn từ tháng 1/2024 đến tháng 4/2025, phân tích đặc điểm nội dung và hình thức thể hiện qua các tác phẩm báo chí. Trên cơ sở đó, <i>chương 3</i> đánh giá chất lượng thông tin và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông về vấn đề buôn người trên báo chí hiện nay
55	Thông tin về Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT quy định về dạy thêm, học thêm trên báo Giáo Dục và Thời Đại Online	Đoàn Thị Kim Lài	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận tập trung nghiên cứu việc thông tin về Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT trên báo chí và mức độ tiếp nhận của công chúng. <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận, hệ thống hóa các khái niệm liên quan và làm rõ Thông tư 29. <i>Chương 2</i> phân tích thực tiễn thông tin về Thông tư trên báo chí thông qua khảo sát, thống kê, từ đó nhận diện đặc điểm nội dung và hình thức thể hiện. <i>Chương 3</i> đánh giá mức độ tiếp nhận của công chúng qua khảo sát xã hội học, rút ra ưu điểm, hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng truyền thông chính sách giáo dục. Khóa luận có ý nghĩa thực tiễn trong việc cải thiện hiệu quả thông tin chính sách đến với xã hội
56	Thông tin về Góp ý dự thảo Luật Báo chí (sửa đổi) trên báo điện tử	Trương Thị Kim Qui	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận tập trung nghiên cứu vai trò của báo điện tử trong quá trình thông tin về việc góp ý dự thảo Luật Báo chí (sửa đổi) qua ba chương chính. <i>Chương 1</i> xây dựng cơ sở lý luận với tổng quan về thông tin và thông tin trên báo chí, cơ sở pháp lý về việc sửa đổi Luật Báo chí, cùng các lý thuyết nghiên cứu và lý thuyết liên quan. <i>Chương 2</i> khảo sát thực tế việc đăng tải, trình bày nội dung góp ý trên báo điện tử ở góc độ nội dung và hình thức, qua đó làm rõ vai trò của loại hình báo chí này trong quá trình phản biện chính sách. Dựa trên nền tảng lý luận và kết quả khảo sát, <i>chương 3</i> phân tích ưu điểm, hạn chế, phản ánh ý kiến của người làm báo và đề xuất giải pháp cho cơ quan báo chí, người làm báo và các tác phẩm báo chí trong việc nâng cao

				chất lượng, hiệu quả và tính đa chiều của báo điện tử trong xây dựng pháp luật
57	Thông tin về quảng bá các địa điểm du lịch trên báo điện tử VnExpress năm 2024	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận này tập trung nghiên cứu về các nội dung như sự đa dạng về thông tin quảng các địa điểm du lịch địa phương, các thể loại, ứng dụng đa phương tiện,... bằng các phương pháp định lượng, định tính, khảo sát xã hội học; nghiên cứu đánh giá toàn diện những điểm mạnh như sự đa dạng về nội dung song cũng tồn tại về hạn chế tính hấp dẫn và chiều sâu thông tin từ đó chỉ ra các thách thức và cơ hội phát triển trong thời đại báo chí số, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin về quảng bá các địa điểm du lịch địa phương trên báo điện tử VnExpress trong tương lai
58	Thông tin về Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT quy định về dạy thêm, học thêm trên báo Lao Động Online và báo Tiền Phong Online	Phan Bình Thiên	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận nghiên cứu quá trình thông tin về Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT trên hai báo điện tử Lao Động Online và Tiền Phong Online. <i>Chương 1</i> xây dựng cơ sở lý thuyết với các khái niệm liên quan đến thông tin báo chí, vai trò của báo chí trong truyền thông chính sách giáo dục, cùng giới thiệu Thông tư 29, hai tờ báo được nghiên cứu và các lý thuyết vận dụng. <i>Chương 2</i> phân tích nội dung và hình thức thông tin về Thông tư trên hai báo, tập trung vào các chủ đề như tác động, điểm mới, xử phạt và ý kiến phản hồi, đồng thời so sánh cách thể hiện và quan điểm của từng tờ. <i>Chương 3</i> đánh giá ưu, nhược điểm trong cách đưa tin, phân tích phản hồi của công chúng thông qua bình luận và khảo sát xã hội học, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin báo chí về chính sách giáo dục
59	Chuyên mục Góc nhìn trên báo VnExpress năm 2024	Đỗ Ngọc Anh Thư	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận tập trung nghiên cứu chuyên mục "Góc nhìn" trên báo VnExpress. <i>Chương 1</i> trình bày cơ sở lý luận liên quan đến đề tài, làm rõ các khái niệm công cụ được sử dụng trong nghiên cứu trên cơ sở kế thừa từ các tài liệu chuyên ngành. <i>Chương 2</i> phân tích nội dung và hình thức thể hiện của chuyên mục "Góc

				nhìn" thông qua việc khảo sát, phân loại và phân tích các tác phẩm báo chí tiêu biểu. <i>Chương 3</i> đánh giá ý kiến của công chúng về chuyên mục thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, từ đó rút ra nhận định, đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng nội dung của chuyên mục này trên báo VnExpress
60	Thông tin về Nghị quyết 57 - NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên báo Nhân Dân Online và báo VietNamNet	Lê Thị Cẩm Tiên	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận tập trung nghiên cứu việc truyền thông về Nghị quyết 57-NQ/TW trên hai tờ báo điện tử. <i>Chương 1</i> xây dựng cơ sở lý luận với việc làm rõ các khái niệm liên quan, nội dung Nghị quyết 57, các lý thuyết nghiên cứu được vận dụng, vai trò của báo chí trong truyền thông chính sách, và giới thiệu tổng quan về hai cơ quan báo chí được khảo sát. <i>Chương 2</i> khảo sát thực trạng thông tin về Nghị quyết trên hai tờ báo, phân tích nội dung và hình thức thể hiện, đồng thời so sánh cách tiếp cận và phản ánh chủ trương lớn của Đảng giữa hai báo. <i>Chương 3</i> đánh giá mức độ tiếp nhận thông tin từ phía độc giả, chỉ ra ưu điểm, hạn chế trong quá trình truyền thông và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông về chính sách đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo điện tử
61	Thông tin về Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên báo Lao Động Online và báo Dân Trí Online	Mai Thị Huyền Trâm	Hoàng Lê Thuý Nga	Khóa luận tập trung nghiên cứu việc truyền thông về Nghị quyết 57-NQ/TW trên hai báo điện tử. <i>Chương 1</i> xây dựng cơ sở lý luận, làm rõ các khái niệm liên quan, nội dung của Nghị quyết 57, lý thuyết nghiên cứu được vận dụng, vai trò của báo chí trong truyền thông chính sách, đồng thời khái quát đặc điểm của hai tờ báo được khảo sát. <i>Chương 2</i> khảo sát thực trạng thông tin về Nghị quyết trên hai báo, phân tích và so sánh nội dung, hình thức thể hiện trong việc phản ánh chủ trương lớn của Đảng. <i>Chương 3</i> đánh giá mức độ tiếp nhận thông tin từ độc giả, chỉ ra ưu điểm, hạn chế trong quá trình truyền thông, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin về chính sách đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo điện tử

62	Thông tin về bạo lực gia đình trên báo điện tử Pháp luật Việt Nam Online và báo Tuổi trẻ Online năm 2024	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Lê Quang Minh	<p>Khóa luận với đề tài “<i>Thông tin về bạo lực gia đình trên báo điện tử Pháp luật Việt Nam Online và báo Tuổi Trẻ Online năm 2024</i>” tập trung phân tích cách thức các cơ quan báo chí điện tử phản ánh, truyền tải vấn đề bạo lực gia đình – một hiện tượng xã hội nhức nhối đang diễn ra ngày càng phức tạp trong đời sống hiện đại. Trong phần mở đầu, tác giả nêu rõ lý do chọn đề tài, xác định mục tiêu nghiên cứu, đối tượng – phạm vi khảo sát và phương pháp tiếp cận, bao gồm: thu thập tư liệu, phân tích nội dung, so sánh, tổng hợp – diễn giải. Chương 1 trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn cho đề tài, với hệ thống khái niệm như: thông tin, thông tin báo chí, bạo lực gia đình, báo điện tử; các lý thuyết truyền thông liên quan (nghị trình, khung khái niệm, phản ánh hiện thực). Ngoài ra, chương này cũng điếm qua đặc trưng của thông tin về bạo lực gia đình, nguyên tắc đạo đức khi truyền thông vấn đề nhạy cảm này, và thực trạng báo chí điện tử trong bối cảnh chuyên đổi số tại Việt Nam. Chương 2 đi sâu vào khảo sát thực tiễn thông tin về bạo lực gia đình trên hai báo điện tử được chọn. Tác giả thống kê số lượng, tần suất, thể loại và hình thức thông tin; sau đó phân tích nội dung theo các nhóm bài như phản ánh vụ việc, tuyên truyền pháp luật, phản ánh nguyên nhân – hệ quả, phản ánh vai trò cộng đồng... Từ đó, tác giả tiến hành so sánh cách tiếp cận giữa hai báo, làm rõ sự khác biệt về định hướng, nguồn tin, thông điệp, yếu tố giới và kỹ thuật thể hiện. Chương 3 là phần so sánh, đánh giá tổng thể và đề xuất giải pháp. Tác giả chỉ ra những điểm giống – khác về nội dung và hình thức thể hiện thông tin giữa hai báo, đồng thời phân tích ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng truyền thông về bạo lực gia đình, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhà báo, tác phẩm và công chúng. Khóa luận là công trình mang tính thực tiễn cao, không chỉ phục vụ nghiên cứu học</p>
----	--	----------------------	---------------	---

				thuật mà còn góp phần định hướng hoạt động báo chí xã hội về vấn đề nhạy cảm nhưng cấp thiết: bạo lực gia đình trong xã hội hiện đại
63	Thông tin về cộng đồng LGBT trên báo điện tử Dân trí và Tuổi trẻ Online năm 2024	Nguyễn Lê Thảo Chi	Lê Quang Minh	<p>Khoá luận “Thông tin về cộng đồng LGBT trên báo điện tử Dân trí và Tuổi trẻ Online năm 2024” nghiên cứu một cách hệ thống lý luận và thực tiễn về cách thức truyền thông về cộng đồng LGBT tại Việt Nam. Trong khoá luận này, tôi đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, và vai trò của báo chí trong việc nâng cao nhận thức xã hội về LGBT, cũng như phân tích nội dung và hình thức thể hiện của các bài viết trên hai tờ báo lớn. Qua khảo sát và phân tích 120 bài viết, tôi đã đánh giá thực trạng về cách tiếp cận, nội dung, và ngôn ngữ sử dụng trong các bài viết liên quan đến LGBT.</p> <p>Kết quả cho thấy, mặc dù có sự tiến bộ trong việc phản ánh tích cực và nhân văn về cộng đồng LGBT, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế như thiếu chiều sâu trong các vấn đề pháp lý và sức khỏe. Từ đó, tôi đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng thông tin, bao gồm đào tạo phóng viên, cải thiện nội dung và hình thức bài viết, cũng như tăng cường hợp tác với các tổ chức xã hội. Nghiên cứu góp phần thúc đẩy sự bình đẳng và tôn trọng trong xã hội đối với cộng đồng LGBT</p>
64	Tác phẩm báo chí điều tra trên báo điện tử Tuổi trẻ Online năm 2024	Nguyễn Văn Duy	Lê Quang Minh	<p>Khoá luận “Tác phẩm báo chí điều tra trên báo Tuổi Trẻ Online năm 2024” tập trung nghiên cứu một cách hệ thống lý luận và thực tiễn về thể loại báo chí điều tra trong môi trường báo mạng hiện nay.</p> <p>Trong khoá luận này, tôi đã làm rõ khái niệm, đặc trưng, vai trò và phương pháp thực hiện tác phẩm báo chí điều tra, đồng thời chỉ ra những yêu cầu về nghiệp vụ đối với nhà báo trong thời đại số. Trên cơ sở thu thập và phân tích 40 tác phẩm điều tra được đăng trên Báo Tuổi Trẻ Online trong năm 2024, tôi tiến hành phân loại theo lĩnh vực (kinh tế, môi trường, giáo dục, pháp luật...) và phân tích cấu trúc bài viết gồm: tiêu đề, sapo, thân bài và hình ảnh minh</p>

				<p>họa. Kết quả nghiên cứu cho thấy các tác phẩm điều tra của Tuổi Trẻ Online có sự đầu tư công phu về nội dung, sử dụng phương pháp thu thập thông tin phong phú như điều tra thực địa, phỏng vấn nhân vật, khai thác tài liệu mật... Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như thiếu chiều sâu phân tích, chưa khai thác triệt để tiếng nói người dân hoặc cơ quan chức năng.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, tôi đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tác phẩm điều tra như: tăng cường kỹ năng điều tra chuyên sâu, ứng dụng công nghệ dữ liệu số, mở rộng mạng lưới cộng tác viên cơ sở và xây dựng quy trình xuất bản linh hoạt nhưng chuẩn mực. Nghiên cứu góp phần khẳng định vai trò quan trọng của báo chí điều tra trong việc phát hiện, phản biện xã hội và thúc đẩy sự minh bạch trong đời sống công</p>
65	Tác phẩm Podcast trên báo điện tử VnExpress hiện nay	Lê Thị Vân Đan	Lê Quang Minh	<p>Khóa luận “Tác phẩm podcast trên báo điện tử VnExpress hiện nay” nghiên cứu sự phát triển và đặc điểm của loại hình podcast trong hoạt động báo chí đương đại. Đề tài khảo sát 20 chuyên mục podcast trên VnExpress từ năm 2022 đến 2025, tập trung phân tích về nội dung, hình thức thể hiện, nhóm công chúng mục tiêu, giá trị thông tin – cảm xúc và mức độ tương tác. Trên cơ sở vận dụng lý thuyết truyền thông hiện đại, kết hợp phương pháp định tính và phân tích nội dung cụ thể, đề tài nhận diện podcast như một loại hình tác phẩm báo chí sáng tạo, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận linh hoạt, cá nhân hóa của công chúng. Từ đó, khóa luận đánh giá khách quan những ưu điểm, hạn chế và đề xuất định hướng nâng cao chất lượng nội dung podcast trên báo điện tử Việt Nam trong bối cảnh truyền thông số</p>
66	Truyền thông về di sản văn hoá Huế trên mạng xã hội Facebook hiện nay	Nguyễn Phước Hương Giang	Lê Quang Minh	<p>Khóa luận “Truyền thông về di sản văn hóa Huế trên mạng xã hội Facebook hiện nay” nghiên cứu có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động truyền thông di sản trên nền tảng mạng xã hội. Trong khóa luận, tôi đã làm rõ khái niệm, đặc</p>

				<p>điểm, vai trò của truyền thông di sản, đặc biệt là trên Facebook, cũng như phân tích các chủ thể tham gia, nội dung, hình thức và mức độ tương tác.</p> <p>Trên cơ sở khảo sát các Fanpage, nhóm cộng đồng, tài khoản cá nhân tiêu biểu cùng kết quả bảng hỏi, phỏng vấn, tôi đã đánh giá thực trạng hoạt động truyền thông di sản Huế trên Facebook, chỉ ra những ưu điểm như đa dạng nội dung, lan tỏa hình ảnh, thu hút giới trẻ, đồng thời nhận diện các hạn chế về chất lượng nội dung, chiến lược, khả năng phối hợp và tính chuyên nghiệp.</p> <p>Từ đó, khóa luận đề xuất nhóm giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông, bao gồm xây dựng chiến lược dài hạn, nâng cao nội dung, đa dạng hình thức, ứng dụng công nghệ số, phát triển cộng đồng và đẩy mạnh giáo dục di sản</p>
67	Định kiến giới trong quảng cáo trên truyền hình ở Việt Nam hiện nay	Phạm Đào Thảo Linh	Lê Quang Minh	<p>Khóa luận “Định kiến giới trong quảng cáo trên truyền hình ở Việt Nam hiện nay – Khảo sát trên VTV” nghiên cứu hệ thống về lý luận và thực tiễn định kiến giới trong lĩnh vực quảng cáo truyền hình. Trong khóa luận này, tôi làm rõ khái niệm định kiến giới, đặc điểm thể hiện trong quảng cáo và tác động đến nhận thức xã hội. Trên cơ sở khảo sát 22 quảng cáo phát sóng trên VTV giai đoạn 2021–2025, kết hợp với khảo sát bảng hỏi 80 người xem và phỏng vấn sâu hai chuyên gia, tôi đã phân tích thực trạng thể hiện định kiến giới về vai trò, hình ảnh, lời thoại, màu sắc và âm thanh trong quảng cáo.</p> <p>Kết quả cho thấy định kiến giới vẫn phổ biến, chủ yếu xoay quanh việc gán ghép vai trò giới truyền thống và khuôn mẫu ngoại hình. Từ đó, tôi đề xuất các giải pháp như đào tạo truyền thông giới, xây dựng tiêu chí kiểm duyệt và nâng cao nhận thức công chúng. Nghiên cứu góp phần thúc đẩy sản xuất quảng cáo bình đẳng, nhân văn trong bối cảnh xã hội hiện đại</p>
68	Hoạt động tác nghiệp phỏng vấn	Võ Công Ngọ	Lê Quang Minh	<p>Khoá luận “Hoạt động tác nghiệp phỏng vấn của đội ngũ phóng</p>

	<p>của đội ngũ phóng viên trên địa bàn thành phố Huế hiện nay</p>			<p>viên trên địa bàn thành phố Huế” nghiên cứu một cách hệ thống lý luận và thực tiễn về phỏng vấn báo chí.</p> <p>Trong khoá luận này tôi đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, phương pháp và mục đích tác nghiệp phỏng vấn, cũng như yêu cầu đối với phóng viên trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Trên cơ sở khảo sát 20 phóng viên đang tác nghiệp tại Huế và phỏng vấn sâu hai người theo “độ tuổi nghề”, tôi đã đánh giá thực trạng về phương pháp, mục tiêu, quy trình, thuận lợi và khó khăn khi tác nghiệp phỏng vấn.</p> <p>Qua đó, chỉ ra các vấn đề nổi bật như kỹ năng nghiệp vụ còn hạn chế, thiếu trang thiết bị và vướng mắc về mặt pháp lý. Từ kết quả nghiên cứu, tôi đề xuất nhóm giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng phỏng vấn như: đào tạo nghiệp vụ, cập nhật công nghệ 4.0, hoàn thiện hành lang pháp lý và phát triển đội ngũ phóng viên bản lĩnh, chuyên nghiệp. Nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số</p>
69	<p>Thông tin về an toàn giao thông trên báo Quảng Ngãi năm 2024</p>	<p>Tạ Ngọc Phú</p>	<p>Lê Quang Minh</p>	<p>Khoá luận “Thông tin an toàn giao thông trên báo Quảng Ngãi năm 2024” nghiên cứu hệ thống lý luận và thực tiễn truyền thông về an toàn giao thông trên báo chí địa phương. Tác giả đã làm rõ vai trò, nội dung và hình thức thông tin an toàn giao thông, đặc biệt là trên báo Quảng Ngãi. Qua khảo sát nội dung tin, bài từ tháng 1 đến tháng 12/2024 và điều tra ý kiến bạn đọc, khoá luận đánh giá được điểm mạnh như tính thời sự, định hướng và sự phối hợp với cơ quan chức năng. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế như hình thức thể hiện chưa đa dạng, thiếu tính trực quan và tương tác. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp như đổi mới nội dung, ứng dụng công nghệ số, tăng cường đồ họa – video, và nâng cao nghiệp vụ truyền thông cho phóng viên. Nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng thông tin an toàn giao thông, xây dựng văn hoá giao thông và</p>

				giảm thiểu tai nạn tại địa phương trong thời kỳ chuyển đổi số
70	Sản xuất chương trình truyền hình chuyên đề của Huế TV trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện	Phan Dương Ngọc Hân	Lê Nguyễn Phương Thảo	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu thực trạng sản xuất chương trình chuyên đề tại Huế TV trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh mẽ. Phân tích quy trình tổ chức sản xuất, nội dung và hình thức thể hiện, đồng thời khảo sát phản hồi từ khán giả để đánh giá hiệu quả truyền thông và mức độ tương tác. Qua đó, chỉ ra những hạn chế trong khả năng thích ứng của Huế TV với môi trường truyền thông đa nền tảng, đặc biệt là ở khía cạnh ứng dụng công nghệ số, định dạng nội dung và cách tiếp cận công chúng. Từ nghiên cứu thực tiễn và cơ sở lý luận, khóa luận đề xuất các giải pháp như đổi mới quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng nội dung mang bản sắc địa phương, tăng cường tương tác trên nền tảng số, chuyên nghiệp hóa nhân sự và phát triển chiến lược truyền thông tích hợp. Kết quả nghiên cứu không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có tính ứng dụng cao đối với các đài truyền hình địa phương trong xu thế chuyển đổi số toàn diện</p>
71	Phương thức tổ chức sự kiện trong hoạt động bảo vệ môi trường của Bravo Media	Châu Thị Diễm Hương	Lê Nguyễn Phương Thảo	<p>Khóa luận tập trung nghiên cứu vai trò của tổ chức sự kiện như một hình thức truyền thông môi trường hiệu quả. Lấy Bravo Media – một doanh nghiệp truyền thông đa phương tiện tại Huế – làm nghiên cứu trường hợp, khóa luận đánh giá toàn diện quá trình tổ chức và hiệu quả truyền thông của các sự kiện môi trường tiêu biểu. Thông qua phương pháp phỏng vấn sâu và khảo sát định lượng, phân tích được mức độ tác động đến nhận thức, hành vi và sự tham gia của công chúng. Kết quả chỉ ra rằng Bravo Media có ưu thế về khả năng sáng tạo, ứng dụng công nghệ và thu hút cộng đồng, song vẫn cần cải thiện khâu đánh giá hiệu quả và xây dựng chiến lược dài hạn. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất các giải pháp như đổi mới cách tiếp cận truyền thông, tích hợp công nghệ số, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển bền vững cho sự kiện môi trường</p>

72	Tác động của influencer đến chiến lược truyền thông thương hiệu Gumiso	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	Lê Nguyễn Phương Thảo	<p>Khoá luận tập trung nghiên cứu vai trò của Influencer trong việc nâng cao nhận diện, lòng tin thương hiệu và ý định mua hàng đối với thương hiệu mỹ phẩm Jumiso tại Việt Nam. Bằng cách sử dụng phương pháp hỗn hợp (khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu), nghiên cứu xây dựng mô hình dựa trên ba lý thuyết nền tảng: độ tin cậy nguồn thông tin, mô hình thuyết phục ELM và thuyết sử dụng &amp; hài lòng. Kết quả cho thấy các yếu tố như uy tín, chuyên môn, mức độ tương tác và sự phù hợp của Influencer có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả truyền thông. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp thực tiễn nhằm tối ưu hóa chiến lược Influencer Marketing, giúp Jumiso tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần trong ngành mỹ phẩm tại Việt Nam</p>
73	Văn hoá ứng xử trên mạng xã hội của sinh viên Đại học Huế hiện nay	Tôn Thất Thiện Nhân	Lê Nguyễn Phương Thảo	<p>Khóa luận “Văn hóa ứng xử trên mạng xã hội của sinh viên Đại học Huế hiện nay” nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân và giải pháp nâng cao hành vi ứng xử trực tuyến của sinh viên trong thời đại số. Thông qua khảo sát 204 sinh viên và phỏng vấn chuyên sâu, tác giả phân tích các hành vi tích cực như chia sẻ thông tin hữu ích, lan tỏa giá trị tốt đẹp, cũng như các hành vi tiêu cực như phát ngôn thiếu kiểm soát, lan truyền tin giả, công kích cá nhân. Nghiên cứu chỉ ra rằng hành vi ứng xử trên mạng chịu ảnh hưởng từ nội dung mạng xã hội, nhóm bạn bè, gia đình và giáo dục nhà trường. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất các giải pháp như rèn luyện kỹ năng số, nâng cao nhận thức văn hóa số, giáo dục truyền thông trong nhà trường và tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan. Đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng môi trường mạng văn minh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hình ảnh sinh viên Đại học Huế trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện</p>
74	Thông tin về quảng bá du lịch và văn hóa địa phương trên báo	Trần Thị Túy Nhi	Lê Nguyễn Phương Thảo	<p>Khóa luận phân tích vai trò và hiệu quả truyền thông du lịch của báo Thừa Thiên Huế trong năm 2024, dựa trên các khung lý thuyết</p>

	Thừa Thiên Huế năm 2024			Framing, Uses & Gratifications và Media Convergence. Nghiên cứu tập trung đánh giá nội dung, hình thức thể hiện, mức độ tương tác và tác động đến nhận thức – hành vi của công chúng. Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy báo còn thiếu yếu tố sáng tạo, ít ứng dụng công nghệ số và chưa đáp ứng tốt nhu cầu độc giả trẻ. Từ đó, đề tài đề xuất các giải pháp cải tiến nội dung, đa dạng hóa hình thức thể hiện và tăng cường hợp tác với doanh nghiệp du lịch để nâng cao hiệu quả truyền thông trong thời đại số
75	Hoạt động truyền thông của sở Du lịch Thừa Thiên Huế trong phát triển du lịch thành phố Huế năm 2024	Nguyễn Thủ Nhật Quang	Lê Nguyễn Phương Thảo	Khóa luận tập trung nghiên cứu hoạt động truyền thông của Sở Du lịch Thừa Thiên Huế trong phát triển du lịch thành phố Huế năm 2024 – thời điểm ngành du lịch đang phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch và chịu tác động sâu sắc của chuyển đổi số. Đề tài nhằm đánh giá toàn diện hiệu quả truyền thông của Sở, từ đó nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, phù hợp với xu thế mới và nhu cầu thực tiễn. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp khảo sát, phân tích số liệu, phỏng vấn chuyên gia và quan sát thực tế, đảm bảo tính khách quan và khoa học. Kết quả cho thấy truyền thông giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng hình ảnh, quảng bá điểm đến và kích thích hành vi du lịch. Khóa luận không chỉ mang lại giá trị thực tiễn trong việc hỗ trợ Sở Du lịch tối ưu hóa chiến lược truyền thông, mà còn có ý nghĩa khoa học khi bổ sung thêm cơ sở lý luận và kinh nghiệm cho nghiên cứu truyền thông điểm đến tại Việt Nam, đặc biệt đối với các địa phương có thế mạnh về văn hóa – di sản như Huế trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững
76	Phương thức tổ chức sự kiện phục vụ hoạt động kiến trúc của Kachi - Marketing & Branding	Hoàng Thị Như Quỳnh	Lê Nguyễn Phương Thảo	Khóa luận tập trung nghiên cứu hiệu quả các phương thức tổ chức sự kiện tại doanh nghiệp Kachi – Marketing & Branding trong lĩnh vực kiến trúc. Trong bối cảnh ngành kiến trúc Việt Nam đang phát triển mạnh, việc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng

				<p>thương hiệu và kết nối các bên liên quan. Tuy nhiên, các phương thức hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phù hợp với đặc thù ngành. Khóa luận sử dụng kết hợp phương pháp định tính (phỏng vấn sâu) và định lượng (khảo sát online) nhằm phân tích mức độ tác động của các phương thức tổ chức sự kiện đến công chúng mục tiêu. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất các cải tiến theo hướng lấy người tham gia làm trung tâm, thiết kế trải nghiệm và tích hợp truyền thông. Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp về mặt học thuật khi bổ sung lý thuyết tổ chức sự kiện chuyên ngành kiến trúc, mà còn mang lại giá trị thực tiễn cho Kachi trong việc nâng cao hiệu quả tổ chức sự kiện và gia tăng sức mạnh thương hiệu trên thị trường</p>
77	Vai trò của báo Pháp luật Việt Nam trong truyền thông về chính sách công năm 2024	Nguyễn Phương Tường Vy	Lê Nguyễn Phương Thảo	<p>Khóa luận tập trung vào việc phân tích vai trò của Báo Pháp luật Việt Nam trong truyền thông về chính sách công năm 2024, trong bối cảnh truyền thông có vai trò ngày càng quan trọng trong việc hoạch định và thực thi chính sách. Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá vai trò của báo Pháp luật Việt Nam trong việc truyền tải thông tin chính sách, tác động của truyền thông đến nhận thức của công chúng và sự tương tác giữa báo với các cơ quan nhà nước và công chúng. Khóa luận sử dụng phương pháp định tính và định lượng, bao gồm phân tích nội dung, phỏng vấn chuyên gia, khảo sát công chúng và phân tích dữ liệu thống kê. Ngoài ra khóa luận sử dụng các lý thuyết truyền thông như lý thuyết dòng chảy hai bước, lý thuyết nghị trình và lý thuyết khung khái niệm được áp dụng để phân tích, đánh giá vai trò của Báo Pháp luật. Qua đó chỉ ra sự đóng góp to lớn trong việc làm rõ vai trò của báo chí trong truyền thông chính sách công, cung cấp cái nhìn thực tiễn về hiệu quả truyền thông và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng truyền thông chính sách trong bối cảnh hiện đại</p>
78	Chuyên mục “Bạn đọc” trên báo điện	Phan Trọng Hoàng Anh	Hoàng Thảo Nguyên	<p>Khóa luận tốt nghiệp với đề tài <b>“Chuyên mục ‘Bạn đọc’ trên báo</b></p>

	<p>tử ở Việt Nam hiện nay (<i>Khảo sát 3 tờ báo điện tử: Dân trí, Thanh niên, Tuổi trẻ</i>)</p>			<p><b>điện tử ở Việt Nam hiện nay (Khảo sát trên ba tờ báo Dân trí, Thanh Niên, Tuổi Trẻ)</b> nhằm phân tích vai trò, nội dung và hình thức thể hiện của chuyên mục “<b>Bạn đọc</b>” – nơi tiếp nhận, phản ánh tiếng nói của công chúng về những vấn đề nóng trong xã hội. Thông qua phương pháp phân tích nội dung, đối chiếu – so sánh và tiếp cận lý thuyết truyền thông đại chúng, khóa luận tập trung khảo sát các chủ đề nổi bật như: đời sống công nhân, giáo dục, y tế, môi trường, an sinh xã hội, và những câu chuyện nhân văn trong giai đoạn 2025. Từ đó, khóa luận đánh giá hiệu quả lan tỏa thông tin, mức độ tương tác với độc giả và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng chuyên mục. Kết quả nghiên cứu cho thấy “<b>Bạn đọc</b>” không chỉ là kênh chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của người dân mà còn góp phần thúc đẩy thay đổi chính sách và nhận thức cộng đồng. Mong rằng đây là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, nhà báo trẻ và những ai quan tâm đến báo chí điện tử</p>
79	<p>Chiến dịch CSR của các thương hiệu F&amp;B tại Việt Nam (<i>Khảo sát năm 2023 – 2024</i>)</p>	<p>Nguyễn Viết Anh Hiều</p>	<p>Hoàng Thảo Nguyên</p>	<p>Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Chiến dịch CSR của các thương hiệu F&amp;B tại Việt Nam (Khảo sát năm 2023–2024)” được thực hiện nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) trong ngành thực phẩm và đồ uống (F&amp;B), đồng thời khảo sát, phân tích thực tiễn triển khai các chiến dịch CSR của một số thương hiệu tiêu biểu tại Việt Nam.</p> <p>Nội dung khóa luận tập trung làm rõ khái niệm CSR, truyền thông CSR, các mô hình lý thuyết nền tảng và mối quan hệ giữa CSR với hành vi người tiêu dùng. Trên cơ sở đó, đề tài tiến hành phân tích chiến dịch CSR của ba thương hiệu F&amp;B nổi bật: Starbucks, Jollibee và Katinat trong giai đoạn 2023–2024, đánh giá hiệu quả, phản hồi xã hội cũng như điểm mạnh và hạn chế của từng thương hiệu.</p> <p>Từ kết quả phân tích, khóa luận đề xuất giải pháp và mô hình truyền thông CSR phù hợp nhằm nâng cao</p>

				chất lượng hoạt động CSR trong ngành F&B tại Việt Nam, qua đó góp phần tăng cường uy tín doanh nghiệp và sự gắn kết của người tiêu dùng đối với thương hiệu
80	Hoạt động truyền thông tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế ( <i>Khảo sát năm 2023 – 2024</i> )	Phan Thị Xuân Hương	Hoàng Thảo Nguyên	<p>Khoá luận thực hiện nghiên cứu đề tài: “Hoạt động truyền thông tuyển sinh trường Đại học Khoa học, Đại học Huế (khảo sát năm 2023 đến năm 2024)” với nội dung được chia theo 3 chương.</p> <p>Trong đó, tác giả tập trung nghiên cứu, phân tích và hệ thống các cơ sở lý luận và thực tiễn. Chương 1 bao gồm các khái niệm và quan niệm liên quan đến <i>Truyền thông, Tuyển sinh, hệ Đại học, Hoạt động truyền thông tuyển sinh hệ Đại học ở đơn vị giáo dục đại học, và Chủ thể, nội dung, phương thức hoạt động truyền thông tuyển sinh hệ Đại học ở đơn vị giáo dục đại học.</i></p> <p>Trong chương 2, trên cơ sở lý luận chương 1, chúng tôi nghiên cứu, phân tích thực tiễn hoạt động truyền thông tuyển sinh trường Đại học khoa học, Đại học Huế (khảo sát từ năm 2023 đến năm 2024) về Chủ thể, Nội dung, Phương thức hoạt động truyền thông; và Đánh giá chung về hạn chế, thành công của hoạt động truyền thông tuyển sinh của trường</p>
81	Nội dung LGBT trên nền tảng mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay ( <i>Khảo sát 3 nền tảng: Instagram, Facebook, Tiktok</i> )	Lê Thị Mỹ Ngân	Hoàng Thảo Nguyên	<p>Khoá luận tập trung nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nội dung LGBT trên nền tảng mạng xã hội Việt Nam như Tiktok, Facebook, Instagram. Bằng việc khảo sát thực tiễn, phân tích dữ liệu thì khoá luận đã làm rõ được các đặc điểm nội dung LGBT, mức độ tiếp cận, phản hồi của công chúng. Thông qua ba chương chính: Chương 1 trình bày cơ sở lý luận và tổng quan thực tiễn; Chương 2 đi sâu vào phân tích thực trạng nội dung LGBT trên mạng xã hội và tập trung đánh giá ưu và nhược điểm; Chương 3 đưa ra kiến nghị và giải pháp cụ thể cho từng nền tảng và phù hợp với bối cảnh văn hoá – xã hội Việt Nam. Khoá luận không chỉ cung cấp cái nhìn toàn cảnh về thực trạng nội dung LGBT trên mạng xã hội Việt</p>

				Nam mà còn góp phần xây dựng môi trường truyền thông xã hội văn minh, không “toxic”, nơi mà các nội dung LGBT được thể hiện đúng đắn, sáng tạo, mang tính giáo dục và góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về sự đa dạng giới trong xã hội hiện đại
82	Hoạt động truyền thông tuyển sinh của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế ( <i>Khảo sát năm 2023 – 2024</i> )	Hồ Thị Như Ngọc	Hoàng Thảo Nguyên	<p>Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “<i>Hoạt động truyền thông tuyển sinh Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế (2023–2024)</i>” được thực hiện nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động truyền thông tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục đại học; từ đó phân tích thực trạng triển khai công tác truyền thông tuyển sinh tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế trong năm tuyển sinh 2023–2024.</p> <p>Nội dung khóa luận tập trung đánh giá hiệu quả, nhận diện những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình quản trị hoạt động truyền thông tuyển sinh tại nhà trường. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất các giải pháp thiết thực và khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động truyền thông tuyển sinh trong thời gian tới, góp phần nâng cao hình ảnh và thu hút thí sinh cho Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế.</p> <p>Khóa luận được triển khai với ba nhiệm vụ chính: (1) Làm rõ các khái niệm, vai trò, chủ thể, nội dung và phương pháp trong truyền thông tuyển sinh đại học; (2) Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động truyền thông tuyển sinh tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế; (3) Đề xuất các giải pháp và mô hình quản trị truyền thông tuyển sinh phù hợp với bối cảnh thực tiễn của nhà trường</p>
83	Hoạt động truyền thông tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế ( <i>Khảo sát năm 2023 – 2024</i> )	Hoàng Thị Song Nhi	Hoàng Thảo Nguyên	Khóa luận nghiên cứu hoạt động truyền thông tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trong năm học 2023–2024. Mục tiêu nhằm đánh giá hiệu quả các hình thức truyền thông đang được sử dụng trong tuyển sinh, mức độ tiếp cận và ảnh hưởng đến đối tượng học sinh trung học phổ thông – nhóm thí sinh

				<p>tiềm năng. Thông qua phương pháp khảo sát, phỏng vấn và phân tích dữ liệu, nghiên cứu chỉ ra những kênh truyền thông hiệu quả (như mạng xã hội: facebook, website, zalo OA, tư vấn tuyển sinh trực tiếp), đồng thời biết được những hạn chế trong cách truyền thông về nội dung, hình ảnh và mức độ tương tác của công chúng. Khóa luận đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông tuyển sinh, từ đó góp phần thu hút sinh viên tiềm năng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của nhà trường trong bối cảnh cạnh tranh giáo dục ngày càng cao</p>
84	<p>Thông điệp về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc thiểu số trên sóng truyền hình của Đài PT – TH tỉnh Quảng Trị năm 2024</p>	Phan Bảo Phú	Hoàng Thảo Nguyên	<p><b>“Thông điệp về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số trên sóng truyền hình tỉnh Quảng Trị năm 2024”</b> nhằm nghiên cứu vai trò, đặc điểm và phương thức truyền tải các thông điệp văn hóa dân tộc thiểu số qua các chương trình truyền hình được đăng tải trên Đài PT-TH tỉnh Quảng Trị.</p> <p>Truyền hình, với ưu thế về hình ảnh, âm thanh và khả năng tiếp cận rộng rãi, trở thành phương tiện trọng giúp gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tăng cường nhận thức và lòng tự hào của cộng đồng các dân tộc thiểu số.</p> <p>Khóa luận tập trung phân tích các đặc trưng nổi bật của thông điệp truyền hình như tính dân tộc, vùng miền rõ nét, sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, cùng với việc sử dụng hình ảnh và ngôn ngữ đặc trưng để truyền tải nội dung một cách sinh động, chân thực.</p> <p>Đồng thời, đề tài cũng làm rõ các phương thức truyền tải thông điệp hiệu quả, từ việc khai thác hình ảnh trực quan, ngôn ngữ bản địa, đến việc lồng ghép đa dạng các thể loại chương trình và ứng dụng công nghệ truyền thông số hiện đại.</p> <p>Ngoài ra, đề tài cũng nêu cao tầm quan trọng của Đài PT-TH tỉnh Quảng Trị trong việc đăng tải những đề tài, những thông điệp nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc của địa phương, Hơn nữa đề tài cũng cho thấy sự nỗ lực của đội ngũ</p>

				<p>phóng viên của đài PT-TH tỉnh Quảng trị trong việc tìm kiếm và ghi hình những nét văn hoá mới bên cạnh những nét văn hoá truyền thống, giúp khán giả thấy được nhiều góc cạnh hơn về cộng đồng người dân tộc thiểu số sinh sống tại tỉnh Quảng Trị.</p> <p>Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò quan trọng của truyền hình địa phương trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số, đồng thời đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả truyền tải thông điệp nhằm phát huy tốt hơn giá trị văn hóa trong bối cảnh xã hội hiện đại và hội nhập quốc tế</p>
--	--	--	--	--

### **Khoa Xã hội học và Công tác xã hội**

1	Thực trạng sinh kế của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp trong dự án xây dựng khu đô thị mới An Vân Dương, Tp Huế	Bùi Minh Anh	Trương Thị Xuân Nhi	<p>Tìm hiểu thông tin về vấn đề sinh kế của người dân sau khi bị thu hồi đất nông nghiệp, lập bảng hỏi để thu thập thông tin từ người dân, thống kê những vấn đề của họ và đưa ra những hỗ trợ để giúp họ khắc phục những khó khăn</p>
2	Hỗ trợ sinh kế cho người cao tuổi dân tộc Vân Kiều tại xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Hồ Thị Minh Hậu	Trương Thị Yên	<p>Đề tập trung nghiên cứu thực trạng sinh kế của người cao tuổi thuộc cộng đồng dân tộc Vân Kiều tại địa bàn xã Hướng Tân. Nghiên cứu đi sâu vào phân tích các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa ảnh hưởng đến khả năng tạo thu nhập và đảm bảo cuộc sống của đối tượng này. Trên cơ sở đánh giá, đề tài đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh kế phù hợp và bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi Vân Kiều.</p>
3	Thực trạng việc chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Hồ Thị Thanh Hòa	Nguyễn Thị Nha Trang	<p>Đề tài này cập đến tình trạng bệnh tật của NCT ở vùng nông thôn, trên nhiều khía cạnh khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Từ đó, đã có những thông tin cụ thể thì ta tiếp tục đánh giá, phân tích những thực trạng CSSK của NCT, và đưa ra một số giải pháp trong việc hỗ trợ CSSK cho NCT tại xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.</p>
4	Thực trạng việc làm của thanh niên xã Phước, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trần Thị Thu Huyền	Trương Thị Xuân Nhi	<p>Đề tài "Thực trạng việc làm của thanh niên xã Phước, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam" tập trung khảo sát tình hình việc làm của thanh niên tại địa phương. Nghiên cứu</p>

				phân tích các yếu tố như trình độ học vấn, kỹ năng, cơ hội việc làm hiện có và những khó khăn mà thanh niên đang gặp phải trong quá trình tìm kiếm và duy trì việc làm. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình việc làm cho thanh niên xã Phước, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
5	Nhu cầu hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Phước Mỹ, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trần Thị Mỹ Phước	Nguyễn Thị Nha Trang	Nghiên cứu về thực trạng đời sống, hoàn cảnh, cũng như các nhu cầu hỗ trợ thiết yếu của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Phước Mỹ. Từ đó đề xuất các giải pháp
6	Đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người khuyết tật tại phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Thị Thu Thảo	Bùi Quang Dũng	Khóa luận tập trung nghiên cứu thực trạng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của người khuyết tật tại phường 5, thành phố Đông Hà – một địa bàn có số lượng người khuyết tật tương đối lớn, với đa dạng dạng tật và mức độ khuyết tật. Từ đó, đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cho người khuyết tật tại địa phương, góp phần thúc đẩy sự hòa nhập xã hội và cải thiện chất lượng cuộc sống của họ.
7	Hoạt động hỗ trợ người nghèo tại xã Ia O, huyện Chư Prong, tỉnh Gia Lai	Trần Mạnh Thêu	Phạm Tiến Sỹ	Đề tài tìm hiểu thực trạng các hoạt động hỗ trợ người nghèo tại xã Ia O, bao gồm các hình thức như hỗ trợ sinh kế, nhà ở, y tế, giáo dục, vay vốn... Qua đó đánh giá hiệu quả, chỉ ra khó khăn, hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo tại địa phương.
8	Nhận thức về sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Khánh Toàn	Nguyễn Thị Hoài Phương	Nghiên cứu về vấn đề nhận thức sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên tại xã Vĩnh Thủy. Tiến hành thu thập thông tin sau đó áp dụng các lý thuyết, thang đo để xử lý thông tin và đưa ra những lập luận để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
9	Thực trạng năng lực cảm xúc xã hội của thanh niên tại quận Phú Xuân, thành phố Huế	Phan Lê Bảo Trâm	Nguyễn Thị Hoài Phương	Năng lực cảm xúc xã hội là tập hợp những năng lực giúp trẻ ứng xử với chính mình, với người khác, các mối quan hệ và hoạt động một cách hiệu quả. Bài nghiên cứu thực trạng năng lực cảm xúc xã hội nghiên cứu với 90 thanh niên tại phường Thuận Hòa.

10	Công tác xã hội với thanh thiếu niên lạm dụng rượu, bia tại xã hướng việt, huyện hướng hóa, tỉnh quảng trị	Hồ Thị Tranh	Trương Thị Yên	Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng lạm dụng rượu bia ở thanh thiếu niên tại xã Hướng Việt, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Quan đó làm rõ nguyên nhân, hậu quả của tình trạng này và vận dụng tiến trình công tác xã hội cá nhân hỗ trợ thanh thiếu niên thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức, góp phần giảm thiểu vấn đề trong cộng đồng
11	Mạng xã hội và việc duy trì niềm tin tôn giáo trong giới trẻ	Phan Đình Nhật	Trần Thị Thúy Hằng	Đề tài “Mạng xã hội và việc duy trì niềm tin tôn giáo trong giới trẻ” Nghiên cứu phân tích cách thức sinh viên sử dụng mạng xã hội để cầu nguyện, chia sẻ nội dung tôn giáo, tham gia các nhóm đức tin, cũng như những cơ hội mà mạng xã hội mang lại trong việc phát triển niềm tin. Qua đó, góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa công nghệ và tôn giáo, đặc biệt trong bối cảnh số hóa hiện nay.
12	Hiện tượng thiếu trung thực trong thi cử của sinh viên trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Nguyễn Thiều Tuấn Long	Đề tài nghiên cứu về hành vi thiếu trung thực trong thi cử của sinh viên Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế nhằm lý giải nguyên nhân dẫn đến hành vi gian lận trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (định lượng và định tính) để làm rõ mức độ phổ biến, nguyên nhân sâu xa và bối cảnh xã hội tạo điều kiện cho hành vi thiếu trung thực
13	Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay	Hoàng Hiệp Sỹ	Nguyễn Tư Hậu	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực này trong thời gian tới. Từ đó, khóa luận đưa ra các đề xuất thiết thực nhằm cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động ngoại khóa, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho xã hội.
14	Đánh giá của giảng viên về thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay	Nguyễn Anh Thư	Nguyễn Tư Hậu	Nghiên cứu tìm hiểu đánh giá của giảng viên về thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên; quan điểm của giảng viên về vai trò các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng mềm của sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp giúp nâng cao kỹ năng mềm của sinh viên và chất lượng đào

				tạo của Nhà trường.
15	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng tại siêu thị GO!	Nguyễn Thị Minh Thùy	Lê Thanh Ngân	Các yếu tố ( giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân, thu nhập, thói quen) ảnh hưởng như thế nào khi người tiêu dùng mua sắm tại siêu thị GO!
16	Ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay	Nguyễn Mạnh Tuyên	Võ Nữ Hải Yến	Đề tài nghiên cứu mối quan hệ giữa hoàn cảnh gia đình và sự hứng thú trong học tập của sinh viên Trường Đại học Khoa học Huế. Thông qua khảo sát và phỏng vấn, đề tài làm rõ các yếu tố như kinh tế, học vấn cha mẹ, sự quan tâm và môi trường sống trong gia đình ảnh hưởng như thế nào đến thái độ và động lực học tập của sinh viên, từ đó đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.
17	Sự biến đổi nghề dệt thổ cẩm của người Tà Ôi ở huyện A Lưới, thành phố Huế dưới tác động của hiện đại hoá	Hồ Thị Khánh Xuân	Võ Nữ Hải Yến	Đề tài nghiên cứu những thay đổi trong nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Tà Ôi do ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa. Nghiên cứu tập trung vào các khía cạnh như kỹ thuật dệt, mẫu mã sản phẩm, thị trường tiêu thụ và vai trò của nghề trong đời sống kinh tế, đóng góp của các nghệ nhân .... Đề tài cũng xem xét các yếu tố tác động và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nghề dệt thổ cẩm trong bối cảnh mới.